

Số 320

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

**Bên kia
ngôn ngữ**

Tr. 21

**Tĩnh cần
giữa phóng dật**

Tr. 12

Chiêu Lâu Thi...

Tr. 60

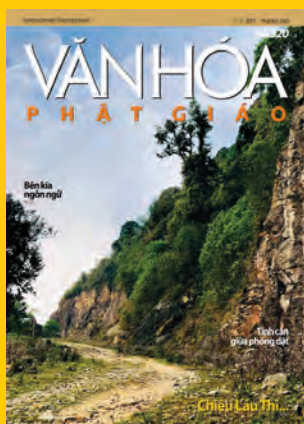
Đang phát hành

Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*
đóng bộ tập 1 & 2 năm 2018



Mọi chi tiết xin liên hệ

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Phòng Phát hành: (84-28) 3848 4335



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH HẢI AN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38484 335
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Truyền thống phụng sự Tam bảo của người cư sĩ và tấm gương sáng Tâm Minh Lê Đình Thám (<i>Thích Giác Toàn</i>)	4
Mười sự mẫu nhiệm về Bốn môn và Tích môn theo bộ <i>Pháp hoa luân quán</i> (<i>Thích Thiện Nhơn</i>)	7
Cơ cấu bộ ba trong âm nhạc Ấn Độ (<i>Lê Hải Đăng</i>)	10
Tinh cần giữa phóng dật (<i>Diệu Hương</i>)	12
Thiên định (<i>Yuval Noah Harari - Nguyễn Văn Nhật dịch</i>)	16
Bên kia ngôn ngữ (<i>Norman Fischer - Cao Huy Hóa dịch</i>)	21
Về thực hành chánh niệm (<i>Nguyễn Hữu Đức</i>)	24
Các cấp độ nhận thức (<i>Thích Trung Định</i>)	27
Suy tư về các bối cảnh trong cuộc sống (<i>Đức Đạt-lai Lạt-ma, Hoang Phong dịch</i>)	30
Đạo đức Còn nhiều nỗi băn khoăn (<i>Nguyễn Cẩn</i>)	34
Thánh địa Mỹ Sơn có còn hấp dẫn? (<i>Nguyễn Văn Toàn</i>)	38
Đâu phải chuyện Tôn Ngộ Không! (<i>Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn</i>)	41
Hai mẹ con mèo và tôi (<i>Vũ Chi</i>)	44
Sống như... cái hồn không xác! (<i>Nguyễn An</i>)	46
Yêu nhau trong chợ (<i>Mẫu Đơn</i>)	48
Giới thiệu sách " <i>Những suy nghĩ về lời Phật dạy qua Kinh tạng Pāli</i> " của Thích Trung Định	50
Giới thiệu sách " <i>Đi dọc dòng sông Phật giáo</i> " của Trần Đức Tuấn	51
Thơ (<i>Nguyễn Công Khanh, Cao Văn Quyền, Bá Đông, Nguyễn Đặng Thùy Trang, Kim Hoa, Phan Thị Ngọc Chiêu, Nguyễn Từ</i>)	52
Cầu nối (<i>Lê Thị Xuyên</i>)	54
Kathmandu giữa lòng Hy-mã... (<i>Trần Đức Tuấn</i>)	57
Chiêu Lầu Thi - nơi chín tầng trời (<i>Trần Vọng Đức</i>)	60

Bìa 1: Đường lên Chiêu Lầu Thi. Ảnh: Trần Vọng Đức

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tháng Tư âm lịch lại về. Người Phật tử Việt Nam cũng như đông đảo người khác trên thế giới đều nhớ đến ngày vị Giáo chủ của Phật giáo Đản sinh. Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2019 sẽ được tổ chức tại chùa Tam Chúc, Hà Nam vào ngày 12-14/5/2019. Như chúng tôi đã thông báo, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ có số đặc biệt mừng ngày Khánh đản này, số 321, và mong các tác giả gửi bài đăng sớm cho chúng tôi. VHPG xin cảm ơn về việc nhiều tác giả đã hưởng ứng yêu cầu nói trên. Tuy vậy số bài viết thường, trùng ý, quá ngắn (yêu cầu của VHPG là các bài viết cần xấp xỉ 1.500 từ). Mong quý vị lưu tâm.

Chúng tôi cũng đã nhắc nhở nhiều lần rằng các tác giả gửi đăng thơ chỉ nên gửi một bài vừa ý nhất cho mỗi số báo chứ không nên gửi một lúc nhiều bài (có nhiều vị gửi một lúc năm bảy bài, thậm chí mười bài...). Hai trang thơ của VHPG chỉ có thể đăng khoảng bảy bài thơ của bảy tác giả, chúng tôi cũng không có thì giờ đọc tất cả các bài thơ của một tác giả để chọn đăng một bài!

Chúng tôi xin chia sẻ cùng chư độc giả một tin vui của chúng tôi: Các điểm phát hành đã đồng ý thanh toán tiền báo của số báo ngay khi nhận số báo tiếp theo; các cơ quan gửi đăng quảng cáo thanh toán phí ngay sau khi hình ảnh quảng cáo được đăng lên báo. Được như vậy, VHPG sẽ rất thuận tiện cho việc thanh toán chi phí của tòa soạn và lập kế hoạch thu chi hàng quý. Chúng tôi rất cảm ơn quý vị.

Mong sao tất cả độc giả và toàn thể người con Phật sẽ đón nhận một mùa Phật đản tươi vui, an bình. Mong sao đất nước và thế giới tràn đầy ánh sáng từ bi của Đức Phật.

Văn Hóa Phật Giáo



Trên dưới, khắp tất cả
Được giải thoát hoàn toàn,
Không còn có tùy quán
“Cái này chính là tôi”.

*(Kinh Phật tự thuyết,
chương VIII, 4)*



Truyền thống phụng sự Tam bảo của người cư sĩ và **Tấm gương sáng** **Tâm Minh Lê Đình Thám**

THÍCH GIÁC TOÀN



Nhân kỷ niệm 50 năm ngày mất của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, người có công rất lớn trong phong trào Chấn hưng Phật giáo từ đầu thế kỷ XX, vị bác sĩ tài ba, nhà nghiên cứu khoa học và Phật học, nhà dịch thuật, sáng tác, nhà giáo dục và nhiều danh hiệu khác nữa. Nhưng căn bản và nổi bật nhất, Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám căn bản là một cư sĩ Phật tử, một tấm gương sáng trong truyền thống phụng vụ Tam bảo.

Nhiều tấm gương sáng của nhiều cư sĩ đã nổi bật từ khi Đức Phật mới thành Đạo và đó là những tấm gương ấy đã ảnh hưởng lớn đến tập tục, thói quen hay kinh nghiệm xã hội qua lối sống, tư duy, tình cảm của người Phật tử tại gia, tạo thành một truyền thống phụng vụ Tam bảo.

Bài viết này muốn minh họa một số nét về truyền thống tốt đẹp nói trên rồi sau đó ôn lại và nhận định công lao to lớn trong việc phụng vụ Tam bảo của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám.

I. Truyền thống phục vụ Tam bảo của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám

Khi Đức Phật vừa thành Đạo dưới cội bồ-đề, có hai thương gia đã đến đảnh lễ, cúng dường Ngài là Tapassu (Đế-lê-phú-bà) và Bhallika (Bạt-lê-ca). Cả hai vị xin được làm đệ tử Phật. Có thể nói đây là hai cư sĩ đầu tiên của Giáo đoàn Phật giáo. Cũng có nhiều sách cho rằng Thân phụ của Tôn giả Da-xá (Yasas) là vị cư sĩ đầu tiên, kế đó là mẹ và vợ của Gia chủ này. Dĩ nhiên, sự cúng dường, cận sự của các vị ấy chỉ được hiểu là một ý nghĩa sơ khởi của việc phụng vụ Tam bảo.

Giáo đoàn Tỳ-kheo thời ấy mới đầu chỉ trú ở dưới cội cây hay các lều lá đơn sơ, riêng lẻ cho từng vị. Đến khi Đức Phật cho phép các Tỳ-kheo được ở chung để cùng nhau tu tập thì các trú xứ hình thành là các Avasa ở thôn quê và Arama ở thành thị. Khi giáo đoàn Tỳ-kheo đã lớn mạnh thì các vị vua, hoàng thích, các đại gia chủ xây dựng, cống hiến nhiều tinh xá đồ sộ như Vương Xá, Hậu Trạch, Kỳ Hoàn, Lộc Uyển, Kỳ-đà Cấp Cô Độc... Rõ ràng công lao của các nam nữ cư sĩ là rất lớn trong việc đóng góp, phục vụ cho Phật giáo.

Những cấp dưỡng nói trên, việc cung cấp thực phẩm, thuốc men, y phục cho chư Tăng kéo dài mãi cho đến ngày nay, trở thành một phần của truyền thống phụng vụ Tam bảo. Truyền thống này gồm việc:

1/ Hộ trì Phật bảo (tin Phật; tán dương Phật; lễ bái Phật; xây dựng chùa, tháp thờ Phật).

2/ Hộ trì Pháp bảo (tin pháp; học tập giáo lý Đức Phật; truyền bá Chánh pháp; có bốn phận bảo vệ Phật pháp).

3/ Hộ trì Tăng bảo (có niềm tin; cúng dường, bảo vệ, kính ngưỡng và học tập chư Tăng).

Rất nhiều nam nữ cư sĩ nổi danh trong hàng đệ tử của Đức Phật. Kinh *Tương ưng bộ* III, 223 có nhắc đến bấy giờ có 7 vị nam cư sĩ đứng đầu mỗi hội chúng cư sĩ gồm 500 vị. Kinh *Tăng chi bộ*, phẩm Một pháp, còn ghi Cư sĩ Chát-đa (Citta) có đứng đầu một hội chúng gồm

2.000 cư sĩ. Kinh này còn liệt kê 10 nam cư sĩ và 10 nữ cư sĩ được gọi là tối thắng (hay đệ nhất) về một phẩm chất riêng biệt. Dĩ nhiên mỗi vị đều có những phẩm chất chung được biểu hiện qua việc hộ trì Tam bảo.

Trong danh sách 10 vị nam cư sĩ được Đức Phật chọn là Tối thắng có 3 vị mà khi bàn về Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám khiến chúng ta nhớ đến: đó là Cư sĩ Chát-đa (Citta Gahapati) tối thắng thuyết pháp; Cư sĩ Ha-xì A-bà-la (Hatthaka Alavaka), tối thắng về nhiếp phục hội chúng bằng Tứ nhiếp pháp; Cư sĩ Kỳ-bạt (Jivaka Komarabhacca), vị danh y, tối thắng về thu phục cảm tình của dân chúng.

Chúng tôi trình bày phần trên đây một phần là để tự hào về truyền thống phụng sự Tam bảo của người cư sĩ Phật tử và phần chính là để thấy sự nối tiếp truyền thống ấy một cách xuất sắc của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, người được giới Phật tử Việt Nam vinh danh và được Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tín nhiệm, trọng vọng.

II. Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, vì sao, tấm gương sáng trong sự nghiệp phụng sự Tam bảo

Từ đầu thế kỷ XX, Phật giáo đã được các học giả phương Tây nghiên cứu một cách khoa học, là tiềm năng phát triển tại đây. Ở châu Á, Ấn Độ, Sri Lanka, Trung Quốc, Hàn Quốc... đã có phong trào đổi mới Phật giáo cho phù hợp với thời đại. Việt Nam cũng phát sinh phong trào Chấn hưng Phật giáo do chư tôn thiện đức lãnh đạo và sự tham gia tích cực, hiệu quả của nhiều cư sĩ trí thức, nổi bật là Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám.

Phần II này của bài là phân tích phẩm chất và công lao của Cư sĩ Tâm Minh trong sự nghiệp nối tiếp truyền thống phụng sự Tam bảo.

1. Hộ trì Phật bảo: Hộ trì Phật bảo chính là hộ trì cả Pháp bảo và Tăng bảo. Là một trí thức, là Y sĩ Đông Dương, rồi Bác sĩ Y khoa ngạch Pháp quốc, Cư sĩ Tâm Minh đã sớm nghiên cứu Lão học, Khổng học và Phật

học. Cư sĩ đã nhận rõ tính ưu việt, khoa học, thực tiễn của Phật học nên đã hết lòng tin Phật, tán dương, lễ bái Phật. Cư sĩ xin quy y với Hòa thượng Giác Tiên tại chùa Trúc Lâm Huế, rồi sau đó học Phật với Hòa thượng Phước Huệ tại chùa Thập Tháp Bình Định, với Hòa thượng Giác Nhiên, Tịnh Hạnh, Tịnh Khiết. Tất cả những chuẩn bị cho việc phụng sự Tam bảo của cư sĩ đều phát xuất từ niềm tin Phật, niềm tin bất động như



các nam Cư sĩ Tô-la được Phật khen là cư sĩ tối thắng về niềm tin, Cư sĩ A-ma-trú thời Đức Phật, người được Phật ghi nhận là cư sĩ tối thắng bất động.

2. Hộ trì Pháp bảo: Hộ trì Pháp nghĩa là tôn trọng, giữ gìn, liễu nghĩa, truyền bá Pháp. Cư sĩ Tâm Minh là người đã giảng pháp ở các trường Phật học, thuyết pháp đều đặn mỗi nửa tháng cho quần chúng Phật tử tại chùa Từ Quang. Sự nghiệp hộ trì Pháp của cư sĩ nổi bật qua công trình nghiên cứu và dịch thuật, chú giải kinh luận trong thời buổi mà kinh luận Phật giáo được viết bằng chữ Hán vẫn chỉ được truyền bá ở một số ít các chùa vào đầu thế kỷ XX. Công trình này gồm: dịch và chú giải kinh *Lăng-nghiêm*, *Bát-nhã Tâm kinh*, *Đại thừa Khởi tín luận*, *Bát thức quy củ tụng*... Đó là chưa kể cư sĩ còn là tác giả các bài giảng, bài đăng trên các báo Phật giáo như *Viên Âm* do cư sĩ thành lập.

Khả năng thuyết pháp của cư sĩ khiến chúng ta nhớ đến nam Cư sĩ Chất-đa (Citta) thời Đức Phật, được Phật khen là vị cư sĩ tối thắng về thuyết pháp.

3. Hộ trì Tăng bảo: Hộ trì Tăng bảo là cung cấp mọi nhu cầu, phương tiện cho chư Tăng Ni được thuận tiện tu học, quan trọng nhất là việc đưa giáo lý của Đức Phật vào sự nghiệp giáo dục Tăng Ni. Cư sĩ Tâm Minh đã tham gia và đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập An Nam Phật học Hội vào năm 1932 tại trụ sở Trúc Lâm Huế, sau đó chuyển sang trụ sở Từ Đàm Huế và giữ chức vụ Chánh Hội trưởng hội này. Hội càng ngày càng lớn mạnh và có nhiều chi hội ở nhiều tỉnh thành. Cư sĩ còn chủ động bàn bạc với chư tôn thiện đức tại Huế lập các tông lâm để chư Tăng tu học. Năm 1935 cư sĩ tham gia thành lập và giảng dạy tại các trường sơn môn Phật học, lớp Đại học Phật giáo tại chùa Trúc Lâm, lớp Trung học tại chùa Tường Vân, Phật học đường Báo Quốc tại chùa Báo Quốc (tốt nghiệp khóa đầu tiên từ Phật học đường này có nhiều vị tôn túc như Hòa thượng Thiện Siêu, Hòa thượng Trí Quang, Hòa thượng Thiện Minh, Hòa thượng Thiện Hoa, Hòa thượng Nhật Liên...).

III. Bàn thêm về

phẩm chất của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám

Người viết bài này đã không nêu rõ tiểu sử của Cư sĩ Tâm Minh, vị cư sĩ đã tận tụy phụng sự Tam bảo trong suốt 42 năm (1927 - 1969), cũng không phân tích, tán dương các phẩm chất cao đẹp của cư sĩ một cách chi tiết vì e rằng bài viết sẽ trùng lặp với những tài liệu, tham luận rất có giá trị của nhiều bài viết từ trước đến nay. Cư sĩ là một Phật tử trí tuệ, có niềm tin và phụng sự Tam bảo, phát huy truyền thống phụng sự Tam bảo trong gần nửa thế kỷ.

Về đạo hạnh, cư sĩ là người khiêm tốn. Dù là người đề xuất và rất quan trọng trong các tổ chức Phật giáo, cư sĩ luôn luôn xin sự đồng thuận của chư tôn thiện đức, xin được chỉ đạo. Mỗi lần thuyết pháp, cư sĩ đều

khăn áo chỉnh tề, tỏ rõ sự cung kính hội chúng. Cư sĩ giảng pháp rõ ràng, ngôn ngữ nhu hòa khiến ai nghe cũng cảm mộ. Có thể nói một cách bóng bẩy rằng cư sĩ là hóa thân của Cư sĩ Chất-đa tối thắng về thuyết pháp, Cư sĩ Bắc sĩ Kỳ-bạt, tối thắng về sự thu hút cảm tình của quần chúng, thuộc 10 vị cư sĩ tối thắng thời Đức Phật.

Riêng việc đào tạo, huấn luyện thanh thiếu niên để góp công xây dựng những thế hệ tương lai sống lành mạnh, an hòa, đầy tình thương yêu và trở thành những Phật tử trung thành với giáo lý Đức Phật, năm 1940, cư sĩ đã thành lập Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục, sau đó là Gia đình Phật hóa phổ (1942) rồi đổi thành Gia đình Phật tử (1951). Đến nay Gia đình Phật tử vẫn hoạt động với gần 70 ngàn huynh trưởng và đoàn viên.

Phật giáo Việt Nam từ khi du nhập từ hơn 2.000 năm trước luôn được xem là đi vào lòng dân tộc, từ mái chùa làng được xem là trung tâm tư vấn giáo dục, y tế, văn hóa... đến cung đình với các vị vua chúa, triều đình qua các vị Đại sư, Quốc sư... Phật giáo tham gia chống ngoại xâm, xây dựng đất nước. Vậy phục vụ Đạo pháp là phục vụ đất nước. Cư sĩ Tâm Minh trong truyền thống gia đình đã tham gia kháng chiến chống Pháp, chống thực dân. Từ 1947, cư sĩ giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Kháng chiến miền Nam Trung Bộ, đến 1949 thì tập kết ra Bắc, được đề cử làm Chủ tịch Phong trào Vận động Hòa bình Thế giới.

IV. Thay lời kết luận

Công lao của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám đóng góp cho nhân dân Việt Nam và cho Phật giáo Việt Nam trong suốt 42 năm kể từ thời chấn hưng Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Thừa Thiên Huế, là rất to lớn, xứng đáng được vinh danh, được lập nhà lưu niệm... Năm 2010, nhân trùng tu chùa Từ Đàm, cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu đã cho đặt tượng cư sĩ tại khoảng sân phía trái Chánh điện. Tượng do cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ, vị Chủ tịch đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam chủ trương việc điêu khắc. Tại trung tâm TP.Huế, phường Bình An đã có đường Lê Đình Thám.

Nhắc đến Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, chúng tôi xin bày tỏ lòng chân thành cảm phục, tri ân, ngưỡng mộ và nguyện noi gương sáng của cư sĩ. ■

Tài liệu tham khảo:

- Các kinh *Tăng chi bộ*, *Tương ưng bộ*, *Tăng nhất A-hàm*.
- Thích Chơn Thiện, *Tăng-già thời Đức Phật*, nxb Tôn Giáo.
- Các trang web: thuvienhoasen.org, quangduc.com, bodephatquoc.com, hoavouu.com, wikipedia.org.
- E.F.S Shumaker, *Small is Beautiful, Blond & Briggs*, London, 1973.
- H.W Shuman, *The Historical Buddha*, Đức Phật lịch sử, Trần Phương Lan dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1997.

Mười sự mầu nhiệm về Bốn môn và Tích môn theo bộ *Pháp hoa luân quán*

THÍCH THIỆN NHƠN

Theo quan điểm Phật giáo phát triển, mỗi Đức Phật đều có ba thân: Pháp thân (Dharmakaya), Báo thân (Sambhogakaya) và Ứng hóa thân (Nirmanavamakaya). Qua đó, theo sự giải thích của Ngẫu Ích Đại sư trong bộ *Pháp hoa luân quán* chia làm hai phần như sau: Bốn môn (phần nhân quá khứ), Tích môn (phần dấu vết, thuộc về những hóa thân Phật Thích-ca).

A. Mười sự mầu nhiệm về Bốn môn (phần nhân quá khứ)

1. Sự mầu nhiệm về Nhân quá khứ

Có thể nói, trước thời Phật Thích-ca và kinh *Pháp hoa*, đã có Đức Phật Vô Lượng Thọ nhập định vô lượng nghĩa xứ nói kinh *Đại thừa Vô Lượng Nghĩa*, đó là Bốn thân, Bốn pháp của Đức Phật Thích-ca. Còn giới hạn trong ba A-tăng-kỳ kiếp, thì trong vô số kiếp về thời quá khứ, Đức Phật đã phát tâm Bồ-đề từ địa ngục A-tỳ, từ đó thực hành Bồ-tát đạo tiếp theo nỗ lực vươn lên, cho đến khi thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni. Thế nên *Kế kinh* nói: “*Từ vũng bùn ô uế, vất bỏ bên lề đường, một đóa sen xuất hiện, làm đẹp ý mọi người. Từ vũng bùn tội lỗi, phiền não của thế gian, xuất hiện một bậc Thánh, Trí huệ lợi quần sanh*” (*Pháp cú* 58-59).

2. Sự mầu nhiệm của Quả quá khứ

Khi còn là Bồ-tát, thì đã tu tập bốn pháp, bốn tâm Từ Bi Hỷ Xả, sáu pháp, mười pháp Ba-la-mật, thành tựu quả vị Tam hiền, Thập thánh, Đẳng giác Bồ-tát. Do đó, cổ đức nói: “*Muôn hạnh trông về Bi Trí Dũng, những mong sáng tỏ bậc Siêu trần*” (kinh *Hoa nghiêm*). Hay nói khác đi, Từ Vân Pháp sư huấn thị: “*Từ nay cõi Thánh bước lên. Bồ-đề thêm lớn muôn phần cao xa*”.

3. Sự mầu nhiệm về Quốc độ quá khứ

Thông thường thì Đức Phật quá khứ an trú Pháp thân. Đó là: Thường tịch quang Tịnh độ; Thường tịch là Pháp đức, Quang là Bát-nhã đức, Tịnh độ là Giải thoát đức. Đây chính là quốc độ, y báo độ của Phật; Vô dư y La-hán thì y cứ vào Phương tiện trang nghiêm Tịnh độ. Do đó, kinh *Pháp hoa* phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16, Đức Phật nói: “*Vào thời gian kiếp tận, lúc lửa lớn thiêu đốt Tịnh độ Ta chẳng hư, mà chúng thấy cháy rã*”.



4. Sự mầu nhiệm về Cảm ứng quá khứ

Như kinh *Hoa nghiêm* nói: “*Pháp thân cùng khắp mười phương. Thường xuyên hiển hiện trước mắt chúng sanh. Tùy duyên ứng hiện không nơi nào là không có. Nhưng thường an trú Bồ-đề Đạo tràng*” (Pháp thân sung mãn ở thập phương. Phổ hiện nhất thiết chúng sanh tiền. Tùy duyên phó cảm mọi bất châu như thường xử xử Bồ-đề Đạo tràng).



5. Sự mẫu nhiệm về Thần thông quá khứ

Như Trí Khải Đại sư nói: “Từ tâm phát sinh năng lực là thần. Tự tại vô ngại là thông”. Do đó, từ tâm Đức Phật khi còn Bồ-tát quá khứ đã dùng 16 pháp thần biến để tùy duyên, tùy loại chúng sanh mà hóa độ, song giáo hóa thần thông vẫn là chính. Như Đức Quán Thế Âm Bồ-tát trong quá khứ đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Vương Như Lai, dưới thời Đức Quán Âm Như Lai quá khứ dạy pháp căn duyên văn tam muội, hay phản văn văn tự tánh, chứng quả nhĩ căn viên thông, từ đó khả năng thị hiện dùng sức thần thông thị hiện 32 thân để hóa độ, cứu độ chúng sanh (hiện tại).

6. Sự mẫu nhiệm về Thuyết pháp quá khứ

Vào những kiếp quá khứ, khi Thế Tôn thành đạo còn là Bồ-tát đã dùng bốn thứ biện tài Nghĩa, Ngữ, Từ và Nhạo thuyết mà nói pháp, chỉ ra rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có đầy đủ Bảo tàng Tri kiến của Như Lai, tức chúng sanh cũng có đủ, nhưng không ai nhận ra; cho đến kiếp này trong hội *Pháp hoa*, Tôn giả Xá-lợi-phất mới tỏ ngộ và nói: “Nghe Thế Tôn nói pháp, lòng quá đổi vui mừng. Lối nghi đều đã trừ, quyết định chứng Niết-bàn”.

7. Sự mẫu nhiệm về Quyến thuộc quá khứ

Trong nhiều kiếp ở quá khứ, Đức Thế Tôn còn là Bồ-tát đã dùng bốn biện tài thuyết pháp hóa độ chúng sanh, hóa độ Bồ-tát, những chúng sanh này trở thành quyến thuộc nhiều đời của Phật. Cho nên trong hội *Pháp hoa*, phẩm Tùng địa dũng xuất, mặt đất tâm địa xuất hiện vô số Bồ-tát, là chứng minh cho quyến thuộc của Phật đã tạo nên trong quá khứ. Như kinh *Pháp bảo đàn* nói: “Trong tâm chứa các giống. Khi cơn mưa đổ xuống, thì chúng đều mọc mầm”.

8. Sự mẫu nhiệm về Niết-bàn quá khứ

Khi nhân duyên giáo hóa đã xong, chứng Đoạn đức Niết-bàn Thường Lạc Ngã Tịnh, thì các Thế Tôn đều trở lại nơi sinh quán nhập Niết-bàn. Các Đức Phật đều như thế.

9. Sự mẫu nhiệm về Thọ mạng quá khứ

Thọ mạng của Phật gắn liền với Pháp thân Phật, nên Pháp thân thường trụ bất sanh, bất diệt thì thọ mạng của Phật trường cửu bất sanh, bất diệt. Như kinh *Pháp hoa*, phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16 đã đề cập, trải qua vô số kiếp đến nay còn chưa dứt, nghĩa là còn mãi.

10. Sự mẫu nhiệm về Lợi ích quá khứ

Từ khi phát tâm Bồ-đề, tu Bồ-tát hạnh đã thuyết pháp độ sanh, làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh, đã gây nên nhân duyên gần hoặc nhân duyên xa cho đến khi thành Phật đời sau. Cụ thể như, Cầu Danh Bồ-tát được Đức Phật hóa độ, thọ ký trong tương lai sẽ thành Phật hiệu là Phật Di-lặc và nhiều vị đệ tử khác, chúng sanh khác...

B. Mười sự mẫu nhiệm về Tích môn

- Phần Quả hiện tại thuộc Ứng hóa thân

1. Sự mẫu nhiệm về Cảnh

Cảnh ở đây chính là Thật tướng các pháp, là Nhất chơn Pháp giới, là Tam Pháp giới, Chơn như. Cho nên kinh *Hoa nghiêm* nói: “*Không một pháp nào không từ Pháp giới phát sanh, không một pháp nào cuối cùng không trở về với Pháp giới*”. Do đó, Thật tánh các pháp có từ vô thủy đến nay và không có cuối cùng, không do ai tạo ra.

2. Sự mẫu nhiệm về Trí

Chơn như, Pháp giới là đồng thời có với phiền não tham sân si nhưng có kết thúc. Do đó, chúng sanh không nhận được chân lý, nên bị sanh tử luân hồi. Vì thế, phải tu tập *giới, định, tuệ, chỉ, quán* để có trí tuệ phát sanh, nhận được chân lý chính là trí tuệ. nên Xuyên Công Thiển sư nói: “*Gió cuốn mây đen về biển cả. Một vầng trăng sáng giữa trời không*”.

3. Sự mẫu nhiệm về Hạnh

Trên cơ sở nền tảng trí tuệ soi đường cho sự tu tập. Vì thế, trí tuệ chỉ đạo cho sự thực hành pháp hành, để không bị sai lạc. Cho nên kinh *Niết-bàn*, Đức Phật dạy: “*Trí tuệ soi sáng tư duy, soi sáng cho hành động và soi sáng cho lộ trình đến giác ngộ*” và Xuyên Công Thiển sư nói: “*Nếu không do gió quét sạch mây mù. Làm sao thấy được trời thu vô tận*”.

4. Sự mẫu nhiệm về Quả vị

Do có trí tuệ, lần lượt chứng các quả vị, Thịnh văn Duyên giác, Bồ-tát, Phật. Như kinh *Hoa nghiêm* nói: “*Xưa vì chúng sinh khởi đại bi tu hành Bồ thí Ba-la-mật, nên được tướng tốt, chúng sanh trông thấy đều vui mừng*”. Kinh *Tăng nhất A-hàm* phẩm 10 nói: “*Bồ thí thành Phật đạo. Đủ 32 tướng tốt. Chuyển Pháp luân vô thượng, Quả báo do bồ thí*”.

5. Sự mẫu nhiệm về Ba pháp

Cuối cùng do sự tu tập chứng được Pháp thân, đầy đủ ba đức: Pháp thân đức, Giải thoát đức và Bát-nhã đức. Giới thuộc về Giải thoát đức, Định thuộc về Pháp thân đức, Tuệ thuộc về Bát-nhã đức. Ba đức: Giới đức, Tâm đức và Tuệ đức chính là Giải thoát đức, Pháp thân đức và Bát-nhã đức.

6. Sự mẫu nhiệm về Cảm ứng

Sau khi đã thành tựu ba đức, trụ vào kho tàng ba đức Pháp thân và Giới Định Tuệ mà tùy cơ cảm ứng, độ sanh theo từng trường hợp khác nhau. Nên cổ đức nói: “*Hễ có cầu thì tất ứng. Hễ có nguyện thì tất thành. Đó là sự cảm ứng mẫu nhiệm giữa chủ thể và đối tượng trong sự tương quan, tương duyên với nhau trong pháp giới vô tận*”.

7. Sự mẫu nhiệm về Thần thông

Sự cảm ứng này do chủ thể nói pháp, hay vận dụng 16 pháp thần biến mà hóa độ chúng sanh theo từng trường hợp một, không nhất định là một pháp nào. Theo chủ ý của Phật, thì giáo giới thần thông là ưu điểm nhất (kinh *Trường bộ* - 11, kinh *Trường A-hàm* 24).

8. Sự mẫu nhiệm về Thuyết pháp

Chúng sanh căn cơ có khác, thượng, trung, hạ, nhiều thành phần khác nhau. Tùy bệnh cho thuốc. Nói cách khác, Đức Phật nói pháp ban đầu đều hoàn hảo, khoảng giữa đều hoàn hảo và sau cùng đều hoàn hảo.

9. Sự mẫu nhiệm về Quyền thuộc

Có hai pháp tạo thành quyền thuộc là Bồ thí đứng đầu Lục độ và thuyết pháp độ sanh. Do đó, qua một thời pháp, đều trở thành quyền thuộc hoặc gần hoặc xa và tiếp tục mãi mãi cho đến khi thành Phật. Do đó, Tổ Quy Sơn dạy: “*Nguyện trăm đời, ngàn kiếp cùng làm bạn, quyền thuộc trong Chánh pháp, riêng đối với Bồ-tát và Phật là quyền thuộc của Bồ-tát và Phật*”.

10. Sự mẫu nhiệm về Lợi ích

Lời pháp như trận mưa rào, cỏ cây lớn nhỏ đều được lợi ích. Thượng, trung hay hạ căn đều được lợi ích như phẩm *Dược thảo* dụ thuộc kinh *Pháp hoa* đã đề cập. Do đó, cổ đức nói: “*Nghe một câu kinh tuy là ít, nếu như tỏ ngộ thì chứng quả Bồ-đề*” (Nhứt cú kinh văn tuy thiếu. Ngộ chi tức chứng Bồ-đề).

Tóm lại, Bốn môn là phần Nhân quá khứ xa xưa, thuộc Pháp thân, từ cơ sở này mà có ra dấu tích về Ứng hóa thân Phật và những việc độ sanh và kết quả thành tựu được trong hiện tại và tương lai, tất cả đều bắt đầu nhân, nếu không có nhân, thì không có quả, những hiện tượng độ sanh kết quả độ sanh của Ứng hóa thân Phật ở thế giới ta-bà này, đó là dấu vết, là Tích môn, phần hiện tướng thấy được do Nhân quá khứ xa xôi thời Đức Phật Vô Lượng Thọ nhập định vô lượng nghĩa và kinh *Đại thừa Vô Lượng Nghĩa*. Qua đó, Đức Thế Tôn đã hành động một cách mẫu nhiệm và còn lưu lại bao nhiêu vết tích mà số kiếp nữa mới kết thúc, đó là sự mẫu nhiệm về Tích môn thuộc Ứng hóa thân Phật. ■



Cơ cấu bộ ba trong âm nhạc Ấn Độ

LÊ HẢI DĂNG

Am nhạc Ấn Độ có truyền thống văn hóa lâu đời và chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tôn giáo, tín ngưỡng. Người Ấn Độ nói chung có thiên hướng tâm linh, tôn giáo rõ rệt. Trong âm nhạc, riêng bộ phận nhạc hát có đến 95% thuộc thể loại tụng ca, còn ở Việt Nam có lẽ tỷ lệ ấy dành cho tình ca!

Nền văn minh Ấn Độ cổ đại đã sản sinh và đóng góp cho thế giới hai tôn lớn là Ấn Độ giáo (Hinduism) và Phật giáo, đồng thời cũng hun đúc nên một tôn giáo khá đặc biệt là Kỳ-na giáo (Jainism). Trong đó, số lượng tín đồ Ấn Độ giáo chiếm khoảng trên 1 tỷ người, chỉ sau Cơ-đốc giáo và Hồi giáo. Ấn Độ giáo là một tín ngưỡng cổ xưa ở Ấn Độ, cùng với Phật giáo có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới. Ấn Độ giáo bao gồm cả Bà-la-môn, Shaivism, Vaishnavism, Shaktism. Tính phức tạp của Ấn Độ giáo vượt xa nội hàm tôn giáo hạn hẹp, liên quan đến nhiều tộc người, ngôn ngữ, nền văn hóa, thể chế chính trị...

Bởi vậy, có người từng đề xuất coi Ấn Độ giáo là nền văn minh, hiểu như một hệ thống phức tạp, bao gồm nhiều chủng loại ngôn ngữ, tộc người, dạng thức văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng... Trong Ấn Độ giáo, cơ cấu bộ ba gồm: Brahma, Shiva và Vishnu đã tạo nên một bộ khung tư tưởng cho các hiện tượng văn hóa biểu hiện. Con số ba hẳn nhiên mang giá trị biểu trưng thiêng liêng, tượng trưng cho nhiều sự vật, hiện tượng. Bộ ba không chỉ biểu hiện qua các vị thần, thế giới quan, không gian, thời gian mà vượt lên trên còn là một kết cấu ổn định, bền vững.

Có thể thấy, Ấn Độ giáo thuộc tín ngưỡng đa thần, trong đó cơ cấu bộ ba gồm Brahma, Shiva và Vishnu, những vị thần quyền uy trong tín ngưỡng Hinduism (Ấn Độ giáo) đã phóng chiếu lên các loại hình nghệ thuật. Riêng lĩnh vực âm nhạc, từ ca, múa, nhạc cho đến biên chế tổ chức, cơ cấu dàn nhạc, khúc thức... đều thể hiện rõ sự hiện hữu của cấu trúc này, như miền Bắc Ấn Độ có đàn sitar, trống tabla, đàn tampura; miền Nam có đàn sarangi, trống tabla và tampura. Nhạc khí chủ lực đóng

vai trò linh tấu, diễn tấu giai điệu có thể sử dụng các loại khác nhau, như sáo bansuri, đàn veena, kèn Shehnai ...

Trong âm nhạc Ấn Độ, mặc dù sự biến ảo của giai điệu, tiết tấu, điệu thức, âm tô điểm... diễn ra thường xuyên, song chúng dựa trên nền tảng của bộ ba: raga, tala và drone. Raga là điệu thức, bao gồm thang âm, hình thái giai điệu, các mô thức tô điểm, cách thức trang sức. Tala là tiết tấu và drone được dịch nghĩa là "âm trầm ngoan cố". Trên thực tế, sự xuất hiện của drone trong tác phẩm âm nhạc không chỉ biểu hiện dưới dạng âm trầm mà có cả âm cao. Điểm mấu chốt của nó là luôn xuất hiện dưới dạng lặp lại, giống như âm nền tri tục.

Qua đó cho thấy sự hiện hữu của cơ cấu bộ ba trong âm nhạc có liên quan đến Ấn Độ giáo. Drone chính là hiện thân của vị thần bảo hộ Vishnu. Sự có mặt thường xuyên của drone giúp cho tác phẩm duy trì thuộc tính ổn định, bảo đảm vững chắc bằng âm tựa, duy trì đặc điểm điệu thức, cũng như tạo nên hòa thanh quán xuyên từ đầu tới cuối. Bên cạnh đó, nhạc cụ linh tấu, như đàn sitar, sáo bansuri hay đàn cung kéo sarangi, kèn Shehnai thay đổi giai điệu liên tục, thể hiện sức sáng tạo, biến hóa đa đoan. Chúng là hiện thân của vị thần sáng tạo Brahma. Qua cách thể hiện, các nhạc cụ này đem đến cho người nghe nhiều xúc cảm phong phú, đi từ trạng thái bình ổn đến ngỡ ngàng... Nghệ sĩ diễn tấu nhạc cụ linh tấu đảm nhận vai trò trung tâm. Còn trống tabla sử dụng các âm hình tiết tấu đa dạng nhằm tạo nên cuộc xung đột, đối đầu với nhạc cụ linh tấu. Tabla chính là hiện thân của thần Shiva hủy diệt. Tất cả cùng nhau tạo nên sự kết hợp kỳ diệu.

Sáng tạo - bảo hộ - hủy diệt như một sự sắp đặt tài tình nhằm duy trì sự vận hành của âm nhạc. Bộ ba quyền uy nhìn từ góc độ văn hóa đã đi ra từ tín ngưỡng Ấn Độ giáo. Sự kỳ diệu của nó đạt đến tính chất linh thiêng, biểu trưng cho sự hiện hữu của thần linh. Tính thiêng cũng là một thuộc tính không thể bỏ qua trong âm nhạc Ấn Độ. Dù hiện trường biểu diễn thuộc môi trường tôn giáo, tín ngưỡng hay sân khấu, nghệ sĩ vẫn để chân trần nhằm bày tỏ lòng thành kính đối với thần linh. Thông qua âm nhạc, họ thực hiện cuộc đối thoại xuyên không gian, thời gian.

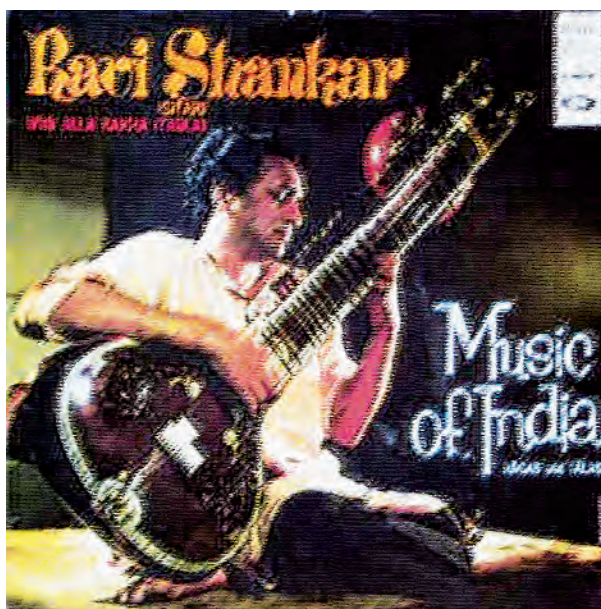
Nhạc truyền thống Ấn Độ nói chung sử dụng phương thức ứng tác tại chỗ, hiểu là ngẫu hứng. Phương thức này phát huy tác dụng, đạt tới đỉnh cao, tập trung ở những phần tử thể tập, hiểu là cha truyền con nối. Hai nghệ sĩ đàn sitar đồng thời là cha con người Ấn Độ Ravi Shankar (1920-2012) và Anoushka Shankar từng chinh phục khán giả khắp nơi trên thế giới nhờ tài nghệ ứng tác.

Trong tác phẩm âm nhạc Ấn Độ, khúc thức cũng thể hiện kết cấu bộ ba, gồm: Alap, Jod và Gat. Alap là phần dẫn, tốc độ chậm, nhịp điệu tự do, chỉ xuất hiện giai điệu và âm nền tri tục, chưa có sự tham gia của trống. Người đàn dựa vào raga (điệu thức) diễn tấu

ngẫu hứng. Phần này có tác dụng bồi bổ, nuôi dưỡng, ấp ủ cảm xúc, một hình thức tương tác giữa nghệ sĩ - thần linh - người nghe. Jod tương đương với phần gian tấu, chưa có sự gia nhập của trống, cấu trúc ngắn gọn, thường xuất hiện hình thức lặp đi lặp lại vài mô-típ giống nhau. Còn Gat là trung tâm của tác phẩm. Phần này đánh dấu bằng sự gia nhập của trống tabla. Đây cũng là phần duy nhất có thể sử dụng tác phẩm sáng tác trong âm nhạc truyền thống. Cao trào cũng như tinh hoa tác phẩm nằm trọn vẹn ở phần Gat. Nó đưa đẩy người nghe đi từ trạng thái thâm trầm đến xúc cảm thăng hoa. Mọi cung bậc tình cảm đều tập trung ở chương nhạc này. Đến với buổi biểu diễn âm nhạc Ấn Độ, đây là phần gây ấn tượng mạnh nhất cho thính giả.

Âm nhạc Ấn Độ phát triển rất sớm. Xét về cơ sở lý luận, khoảng thế kỷ thứ V ở Ấn Độ đã xuất hiện cuốn sách *Natya Sastra* đề cập tới lý thuyết âm nhạc. Nửa đầu thế kỷ XIII có cuốn *Saneeta Ranakara*, cũng là một tác phẩm quan trọng viết về âm nhạc. Sau khi Hồi giáo xâm nhập miền Bắc Ấn Độ vào thế kỷ thứ VIII, văn hóa Ấn Độ nói chung và âm nhạc nói riêng bắt đầu phân hóa. Miền Bắc chịu ảnh hưởng bởi âm nhạc Ba Tư (Iran), Afghanistan; miền Nam vẫn bảo lưu di sản truyền thống, từ đó âm nhạc Ấn Độ chia thành hai hệ thống Bắc - Nam. Hệ thống âm nhạc miền Bắc gọi là Hindustani và miền Nam gọi là Carnatic (Karnatak).

Trải qua thời kỳ thuộc địa của Anh, cộng với quá trình hiện đại hóa, âm nhạc Ấn Độ vẫn giữ được vẻ độc đáo nhờ cơ tầng văn hóa, triết học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật vững vàng. Âm nhạc Ấn Độ dù thay đổi thế nào vẫn không bị đánh mất bản sắc. Những gì lưu truyền đến hôm nay đủ minh chứng cho nền âm nhạc độc đáo của người Ấn, có sức lan tỏa, hấp dẫn và ảnh hưởng đến nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới. ■



Tinh cần giữa phóng dật

DIỆU HƯƠNG

Tinh cần từ bỏ ác pháp và tinh cần thực hành thiện pháp là lẽ sống của người con Phật nói chung và của người xuất gia nói riêng trong đường lối thực hành pháp giác ngộ của Phật. Đó là ý chí nỗ lực cần cầu giải thoát của những người nhận rõ bản chất biến đổi vô thường của cuộc đời cùng với sự trói buộc nguy hại của sinh tử luân hồi. Trước khi vào Niết-bàn, bậc Giác ngộ di huấn cho các môn đệ: *"Này các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các người. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát"*¹.

Tinh cần (*viriya/vàryama*) là yếu tố thứ sáu trong hệ thống giáo lý Bát Thánh đạo, có công năng thôi thúc ý chí tu tập thiện pháp và diệt trừ ác pháp trong tiến trình nỗ lực đi đến giác ngộ của người con Phật, đóng vai trò quan trọng quyết định sự thành công của hành giả Phật giáo. Được soi sáng và dẫn dắt bởi Chánh kiến, người con Phật biết rõ việc gì cần làm và đáng làm cho mục tiêu giải thoát khổ đau sinh tử luân hồi. Vị ấy lặng lẽ làm công việc chuyển hóa nội tâm một cách kiên trì, không xao lãng, thể hiện Chánh tinh tấn trong đời sống thực hành Bát Thánh đạo; quyết tâm dứt trừ mọi điều ác, nỗ lực làm các việc lành, trong ý nghĩ, lời nói và việc làm; giữ tâm không bị biến nhiễm trong đời sống xúc chạm hằng ngày; tinh cần trau dồi giới đức, phát triển tâm thức và trưởng dưỡng trí tuệ; thể hiện nếp sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn ngay trong đời này.

Vị ấy được mô tả:

*Tinh cần giữa phóng dật,
Tinh thức giữa quần mê;
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn*².

Sao gọi là tinh cần giữa phóng dật, tinh thức giữa quần mê? Đó là cách nói nhấn mạnh về lẽ sống đặc trưng của những người quyết tâm đi theo con đường giác ngộ của Phật với mục đích đoạn tận tham-sân-si, thoát ly khổ đau sinh tử luân hồi. Khác với lối sống thường tình của người thế gian chưa tỉnh ra sự khổ hiện hữu, người học tu theo con đường giác ngộ của Phật không còn ấp ủ các mục tiêu ham muốn trần thế, không đam mê ham thích thế sự, không khao khát tìm cầu danh lợi thế gian. Vị ấy được mô tả là người không tìm cầu dục lạc, dù là dục chư Thiên, chỉ ưa thích ái diệt³. Nhờ khéo nghe và khéo tác ý lời Phật dạy, vị ấy

tỉnh ra cơn mộng khủng khiếp của vòng sinh tử luân hồi, quyết tâm ra khỏi mọi vương lụy trần thế nên gọi là tinh cần giữa phóng dật, tinh thức giữa quần mê. Vị ấy có lẽ sống giác ngộ để thực thi, có mục đích giải thoát để theo đuổi, không còn ham muốn chuyển thế gian, không thích thú kéo dài chuỗi hiện hữu, thể hiện nếp sống không rộn (không tham) giữa rộn ràng (tham đắm)⁴, không hận giữa hận thù⁵, không bệnh (không nhiễm) giữa ốm đau (nhiễm ô)⁶, không chấp giữa chấp trước⁷. Vị ấy chuyên tâm tu hạnh viễn ly (thân viễn ly, tâm viễn ly, hữu viễn ly), tinh tấn thoát ly mọi trói buộc thuộc tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới), được mô tả là người có tâm tư siêu trần thoát tục, không còn thích thú cảnh tù ngục thế gian; giống như con ngỗng trời dễ dàng rời bỏ chốn ao hồ tù đọng để tự do đi lại giữa vùng trời rộng lớn⁸. Do theo đuổi nếp sống tinh cần như vậy, vị ấy được xem là người có trí, có sức mạnh nhiếp phục dục tham, mau chóng thoát ly mọi trói buộc phiền toái giữa cuộc đời; giống như con ngựa hùng mạnh lao nhanh về phía trước bỏ lại sau lưng những con ngựa hèn yếu vậy.

Nhưng động lực nào khiến vị Thánh đệ tử thực hiện lối sống tinh cần giữa phóng dật, tinh thức giữa quần mê? Đó là sự sanh khởi của Chánh kiến ở trong vị ấy nhờ khéo nghe và khéo tác ý lời Phật dạy. Không gì khác, chính tiếng nói trí tuệ phát ra từ tâm tỉnh thức thôi thúc người ấy đi đến tinh cần. Nói khác, chính sự nhắc nhở của Thế Tôn về sự thật khổ đau bất an của cuộc đời và sự khẳng quyết về con đường giải thoát đã soi sáng và thôi thúc vị Thánh đệ tử quyết tâm thực thi nếp sống tinh cần giữa phóng dật, tinh thức giữa quần mê. Thử lắng nghe một số lời dạy thức tỉnh sau đây của bậc Chánh đẳng giác, chúng ta sẽ hiểu được lý do vì sao các đệ tử của Phật kiên trì thực hiện lối sống tinh cần giữa phóng dật, tinh thức giữa quần mê.

Một hôm, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và nói như vậy:

"Này các Tỷ-kheo, khi khăn đầu hay đầu bị lửa cháy, thời phải làm gì?"

- Bạch Thế Tôn, khi khăn đầu hay đầu bị lửa cháy, để dập tắt khăn đầu hay đầu cần phải có ước muốn tăng thượng (*chanda*), tinh tấn (*vàryama*), cố gắng (*ussāha*), nỗ lực (*ussohi*), không có thói thất (*appativāmi*), chánh niệm và tỉnh giác.

- Bỏ qua đầu và khăn bị cháy, này các Tỷ-kheo, không có tác ý để như thật chứng ngộ bốn Thánh đế chưa được



chứng ngộ, cần phải có ước muốn tăng thượng, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, không thối thất, chánh niệm và tỉnh giác. Thế nào là bốn?

Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt"⁹.

Phật nhắc các học trò mình phải nhanh chóng nhận ra sự thật khổ đau và tinh tấn thực thi con đường đi ra khỏi khổ đau sinh tử luân hồi, như nhanh chóng dập tắt ngọn lửa đang cháy trên đầu vậy, không có lý do gì để nán ná hay trì hoãn; phải thấy rõ bản chất khổ đau, bị thiêu cháy, của các pháp hữu vi để quyết tâm dập tắt lửa tham-sân-si đưa đến giải thoát khổ đau, tức phát khởi ước muốn cao thượng, tinh tấn, cố gắng không dừng nghỉ để thấy ra sự khổ của sự kiện hiện hữu (sinh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não), để diệt

trừ nguyên nhân gây ra khổ đau (vô minh và tham ái), để chứng đắc sự diệt khổ (dứt trừ vô minh và tham ái) và để thực hành con đường đưa đến sự diệt khổ (tu tập Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định). Đây là biểu hiện của Chánh kiến đưa đến Chánh tinh tấn trong đời sống tu tập của người con Phật, tức thấy ra sự khổ của hiện hữu để quyết tâm dứt trừ khổ đau sinh tử luân hồi.

Vào một dịp khác, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, gọi các Tỷ-kheo và nói như sau:

"Ví như, này các Tỷ-kheo, có bốn con rắn độc, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt. Rồi có người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có bốn con rắn độc này, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt. Thành thạo hãy thức chúng dậy, thành thạo hãy tắm cho chúng, thành thạo hãy cho chúng ăn, thành thạo hãy cho chúng vào huyệt (để ngủ). Này Bạn, nếu một trong bốn con rắn độc này, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, tức



giận, thời này Bạn, Bạn sẽ đi đến chết, hay đau khổ gần như chết. Vậy này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ cần phải làm”.

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, chạy trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người ấy: “Này Bạn, có năm kẻ sát nhân thù địch này, đang đi theo sau lưng Bạn. Chúng nói: ‘Khi nào chúng ta thấy nó, chúng ta sẽ giết nó’. Này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm”.

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc ấy, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch ấy, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người ấy: “Này Bạn, có một tên thứ sáu cướp nhà, giết người, với ngọn kiếm giờ lên, đang đi theo sau lưng Bạn. Nó nói: ‘Khi nào ta thấy nó, ta sẽ chém đầu nó’. Này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm”.

Rồi, này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm giờ lên, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một ngôi làng trống không. Nhà nào người ấy đi vào, người ấy vào chỗ trống không, vào chỗ rỗng không, vào chỗ tuyệt không. Người ấy sờ đến đồ dùng nào, người ấy sờ chỗ trống không, người ấy sờ chỗ rỗng không, người ấy sờ chỗ tuyệt không. Người ta nói với người ấy: “Này Bạn, bọn cướp phá hoại làng, sẽ đánh cướp ngôi làng trống không này. Này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm”.

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên giết người thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm giờ lên, quá sợ hãi

các tên cướp làng, liền chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một đầm nước lớn, bờ bên này đầy những sợ hãi nguy hiểm, bờ bên kia được an ổn, không có sợ hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, không có cầu để đi qua đi lại.

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy suy nghĩ như sau: “Đây là vùng nước động, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn, không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, cũng không có cầu bắc qua từ bờ bên này đến bờ bên kia. Nay ta hãy tháo gọt cỏ cây, nhánh lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân ta có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn”.

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy tháo gọt cỏ cây, nhánh lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, người ấy vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia, đứng trên đất liền.

Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, Ta làm để giải thích ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa:

Bốn con rắn độc với sức nóng tốt độ, với nọc độc mãnh liệt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bốn đại chủng: địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại.

Năm tên giết người thù địch, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm thủ uẩn: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

Tên thứ sáu cướp nhà, giết người với cây kiếm giờ lên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với dục tham.

Ngôi làng trống không, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Này các Tỷ-kheo, nếu một người hiền, kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con mắt; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không... Nếu tìm hiểu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.

Bọn cướp phá làng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Này các Tỷ-kheo, mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, thân bị tàn hại trong các xúc khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái.

Vùng nước lớn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bốn bậc lưu: dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu và vô minh bậc lưu.

Bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân kiến này.

Bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Niết-bàn.

Cái bè, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Thánh đạo Tám ngành.

Tinh tấn dùng tay và dùng chân, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với tinh tấn, tinh cần.

Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia và đứng trên đất liền, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bậc A-la-hán¹⁰.

Lời Phật nhắc cho chúng ta rằng hiện hữu dưới bất cứ hình thức nào tự nó là thế giới bất an; con người gồm bốn đại, năm uẩn, sáu nội xứ là thất thường, không an ổn, tự hủy hoại, trống không, không thực thể; thế giới chống đỡ cho con người tồn tại gồm sáu ngoại xứ chính là các đối tượng cho lòng tham tàn hại con người. Hiện hữu với các điều kiện nguy hiểm như vậy thì đời sống không thoải mái, không an ổn. Con người thường xuyên bị đe dọa và bị tra tấn bởi tham kịch hiện hữu, chạy đi đâu cũng không tìm thấy chỗ nương náu an toàn. Vì cả hiện hữu đều bị bốc cháy và hủy diệt bởi lửa tham-sân-si¹¹. Chỉ có duy nhất một lối thoát. Đó là làm sao qua được bờ bên kia. Không có ai giúp mình qua bờ kia. Phải tự mình tinh tấn tìm phương pháp để vượt qua. Phải tinh tấn dùng Bát Thánh đạo để vượt qua bờ kia mới được an toàn, mới được giải thoát. Nói cách khác, phải tinh tấn tu tập Bát Thánh đạo mới diệt trừ được lòng tham dục, mối nguy hiểm gốc rễ của tham kịch hiện hữu, mới thoát khỏi cơn mộng huyễn của luân hồi tái sinh.

Như vậy, tinh tấn tu tập Bát Thánh đạo, tinh cần nhiếp phục và diệt trừ ái dục, nguyên nhân gốc rễ của tham kịch hiện hữu, chính là lẽ sống thức tỉnh lớn lao mà người con Phật quyết tâm thực hành, kiên trì theo đuổi, không xao lãng trong mọi giây phút. Rõ là một khi đã nhận ra sự nguy hiểm khổ đau của sự kiện tái sinh hay hiện hữu và biết rằng có con đường thoát khỏi mối hiểm họa ấy thì chắc chắn người hiểu biết sẽ không còn sự chọn lựa nào khác ngoài việc nhanh chóng bước đi trên con đường thoát ly hiểm họa khổ đau. Kinh văn *Pàli* đôi khi phác họa ý chí cần cầu giải thoát của những người nhận ra bản chất bất an của thế giới sinh tử luân hồi: *“Dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ có tinh tấn lực để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, nhờ trượng phu nhẫn nại, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dũng”*¹².

Người con Phật chấp trì nếp sống tinh cần giữa phóng dật, tỉnh thức giữa quần mê, quyết tâm nhiếp phục và dứt trừ ái dục để mau chóng ra khỏi vòng sinh tử khổ đau, được xem là người có trí, thể hiện nếp sống sáng suốt giữa cuộc đời còn nhiều mê lầm là vậy.

Các bản kinh *Pàli* cho biết trước khi giác ngộ, Đức Phật từng ưu tư như vậy: *“Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết sự xuất ly, thoát khỏi già chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến sự xuất ly già chết”*¹³. Đôi khi Ngài lại tự vấn: *“Cười gì, hân hoan gì, khi đời mãi bị thiêu, bị tối tăm bao trùm; sao không tìm ngọn đèn?”*¹⁴.

Xuất phát từ lối suy tư như vậy, Ngài đã buông bỏ hết mọi chuyện thế gian, kiên trì tìm kiếm lời giải cho vấn đề căn bản và lớn lao nhất của nhân sinh trong suốt bảy năm mới phát hiện ra kẻ xây nhà sinh tử luân

hồi là ái dục¹⁵ và quyết tâm dùng Bát Thánh đạo dứt trừ nó.

Sau khi giác ngộ, thoát ly vực thẳm sinh tử luân hồi¹⁶ nhờ tinh cần tu tập Bát Thánh đạo, Đức Phật khuyên nhắc mọi người phải biết quay về với chính mình, tinh tấn phát huy các phẩm chất giác ngộ vốn có trong chính mình (Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) để nhiếp phục và chiến thắng ái dục, gốc rễ của luân hồi khổ đau, và để thoát ly khổ đau sinh tử luân hồi.

Ngài nhắc nhở các học trò:

*“Mọi hành là vô thường,
Tự tánh phải sanh diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc”*¹⁷.

*“Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già”*¹⁸.

*“Tỷ-kheo tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau;
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết-bàn”*¹⁹.

Đó là di ngôn muôn thuở của bậc Chánh đẳng giác dành cho các đệ tử, một di ngôn sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, trở thành kim chỉ nam cho nếp sống tinh cần giữa phóng dật, tỉnh thức giữa quần mê của những người hiểu sâu và hành sâu lời dạy của Ngài. ■

Chú thích:

1. Kinh Đại bát Niết-bàn, Trường bộ.
2. Kinh Pháp Cú, kệ số 29.
3. Kinh Pháp Cú, kệ số 187.
4. Kinh Pháp Cú, kệ số 199.
5. Kinh Pháp Cú, kệ số 197.
6. Kinh Pháp Cú, kệ số 198.
7. Kinh Pháp Cú, kệ số 200.
8. Kinh Pháp Cú, kệ số 91.
9. Kinh Khẩn đầu, Tương ưng bộ.
10. Kinh Rắn độc, Tương ưng bộ.
11. Kinh Bị bốc cháy, Tương ưng bộ.
12. Kinh Kitagiri, Trung bộ.
13. Kinh Thành ấp, Tương ưng bộ.
14. Kinh Pháp Cú, kệ số 146.
15. Kinh Pháp Cú, kệ số 153-154.
16. Kinh Vực thẳm, Tương ưng bộ.
17. Kinh Vườn hoan hỷ, Tương ưng bộ.
18. Kinh Pháp Cú, kệ số 238.
19. Kinh Pháp Cú, kệ số 369.



Thiền định

YUVAL NOAH HARARI
NGUYỄN VĂN NHẬT dịch

Hãy chỉ quan sát

Khi còn ở tuổi thiếu niên, tôi là kẻ luôn băn khoăn thao thức. Cuộc đời hình như chẳng có ý nghĩa gì đối với tôi. Tôi chẳng tìm được câu trả lời nào cho những câu hỏi lớn của mình về cuộc sống. Nói riêng, tôi chẳng hiểu tại sao lại có quá nhiều đau khổ trong thế giới và trong cuộc sống riêng mình, và tôi có thể làm được gì trước tình trạng đó. Tất cả những gì tôi gặt hái được từ những người chung quanh cũng như từ những quyển sách tôi đọc chỉ là những điều bịa đặt tinh vi; các huyền thoại tôn giáo về những vị thần và những vùng thiên đường, các huyền thoại dân tộc chủ nghĩa về đất mẹ và những sứ mạng lịch sử, các huyền thoại lãng mạn về tình yêu và những cuộc phiêu lưu, hay các huyền thoại kiểu tư bản chủ nghĩa về sự tăng trưởng kinh tế cũng như việc mua sắm và tiêu thụ những thứ vô vấn như thế nào thì sẽ mang lại hạnh phúc cho mình. Tôi đã có đủ khả năng phán đoán để nhận thức rằng tất cả những điều đó phần nhiều chỉ là bịa đặt, nhưng tôi chẳng có chút ý niệm nào để tìm ra đâu là chân lý.

Khi bắt đầu vào đại học, tôi nghĩ đó có lẽ là nơi lý tưởng để tìm ra sự thật. Nhưng rồi tôi đã thất vọng. Thế giới học thuật cung cấp cho tôi những công cụ có tác động đủ mạnh để giải thích về sự kiến tạo tất cả những huyền thoại mà loài người đã từng sáng tạo, nhưng điều đó cũng không mang lại những câu trả lời thỏa đáng cho những câu hỏi lớn về kiếp nhân sinh. Ngược lại, môi trường ấy khuyến khích tôi tập trung vào những câu hỏi ngày càng cạn kiệt. Dần dần, tôi phát hiện ra mình đang viết một luận án tiến sĩ tại Viện Đại học Oxford về các bản văn tự truyện của những người lính thời trung cổ. Như là một thú tiêu khiển phụ, tôi không ngừng đọc những quyển sách triết và tham gia vào nhiều cuộc tranh luận triết học, thế nhưng mặc dù hoạt động này mang lại cho tôi những giây phút giải trí trí thức không ngừng nghỉ, nó không hề mang lại một chút tuệ giác thực sự nào. Điều đó quả là một sự vỡ mộng.

Dần dần, người bạn thân Ron Merom của tôi đề nghị rằng tôi cố gắng gạt qua một bên những quyển sách và những cuộc tranh luận trí thức ấy trong vài ngày để

tham gia một khóa thiền Vipassana (Trong ngôn ngữ Pali, một ngôn ngữ Ấn Độ cổ đại, vipassana có nghĩa là sự nội quán). Tôi đã nghĩ, đây lại là một trò thờ cúng lỗi lằng nào đó của Đợt Sống Mới, và vì tôi hoàn toàn không muốn nghe nói đến thêm một loại huyền thoại nào khác, tôi đã bác bỏ chuyển đi. Thế nhưng sau gần một năm kiên trì thúc cùi chỏ, vào tháng Tư năm 2000, người bạn này đã lôi được tôi đến một khóa tu Vipassana kéo dài mười ngày.

Từ trước, tôi biết rất ít về thiền định và cho rằng hẳn là trò này cũng dính líu đến tất cả những loại lý thuyết huyền bí phức tạp. Cho nên tôi đã sững sờ khi thấy giáo pháp này hóa ra lại thực tiễn đến như vậy. Vị giảng sư của khóa học, ngài S.N. Goenka, chỉ thị cho tất cả học viên phải ngồi khoanh chân và nhắm mắt, rồi tập trung tất cả sự chú ý của mình ở hơi thở ra và hơi thở vào ngay hốc mũi. Ngài không ngừng bảo “Đừng làm gì cả. Đừng cố kiểm soát hơi thở hoặc thở theo một cách riêng nào. Hãy cứ quan sát thực tại của khoảnh khắc hiện tiền, bất kể điều đó là gì. Khi hơi thở đi vào, quý vị chỉ cần nhận biết - nay hơi thở đang đi vào. Khi hơi thở đi ra, quý vị chỉ cần nhận biết - nay hơi thở đang đi ra. Và khi quý vị lơ lửng sự tập trung của mình, tâm quý vị bắt đầu lang thang vào ký ức hay tưởng tượng, quý vị cũng cứ chỉ nhận biết - nay tâm ta đã lang thang và rời bỏ hơi thở”. Đó chính là điều quan trọng nhất có người đã từng nói với tôi.

Khi người ta đặt ra những câu hỏi lớn về kiếp người, thường là họ tuyệt đối không quan tâm đến việc biết được khi nào hơi thở đi vào hốc mũi của họ và khi nào thì nó đi ra. Đúng hơn, họ muốn biết những chuyện như là điều gì xảy ra sau khi ta chết. Thế nhưng điều thực sự bí ẩn về cuộc đời chẳng phải là chuyện gì xảy ra sau khi ta chết, mà là điều gì xảy ra trước khi ta chết. Nếu muốn hiểu biết về cái chết, người ta trước hết phải hiểu biết về sự sống.

Người ta vẫn hỏi, “Khi tôi chết, phải chăng tôi hoàn toàn tan biến? Phải chăng tôi sẽ lên thiên đàng? Phải chăng tôi sẽ tái sinh trong một thân thể mới?”. Những câu hỏi này đặt nền tảng trên một giả định rằng có một cái “tôi” tồn tại từ lúc sinh ra đến lúc chết đi, và câu hỏi ấy hàm ý là “Điều gì sẽ xảy ra cho cái ‘tôi’ ấy vào lúc chết?”. Thế nhưng cái tồn tại từ lúc sinh ra đến lúc chết đi ấy là cái gì? Thân xác này không ngừng thay đổi trong từng khoảnh khắc, não không ngừng thay đổi trong từng khoảnh khắc, và tâm cũng không ngừng thay đổi trong từng khoảnh khắc. Ta càng tự quan sát mình thật gần, càng hiển nhiên là ta nhận biết rằng chẳng có gì tồn tại kể cả từ khoảnh khắc này qua khoảnh khắc kế tiếp. Vậy thì cái gì đã gắn kết với nhau cả toàn bộ cuộc đời? Nếu ta không biết được câu trả lời cho câu hỏi ấy thì quả là ta không hiểu gì về cuộc đời, và chắc chắn là ta chẳng có cơ may nào để hiểu về cái chết. Chỉ khi ta phát hiện được điều gì đã gắn kết cuộc

đời lại với nhau, bấy giờ câu trả lời cho câu hỏi lớn về cái chết cũng trở nên thật hiển nhiên.

Có người nói, “Linh hồn tồn tại từ lúc sinh ra đến khi chết đi và như vậy nó kết nối toàn bộ lại thành cuộc sống”, thế nhưng đấy cũng chỉ là điều bịa đặt. Có bao giờ bạn đã quan sát được một linh hồn chưa? Bạn có thể thăm dò điều đó ở mọi khoảnh khắc, không chỉ vào khoảnh khắc của cái chết. Nếu bạn có thể hiểu được điều gì xảy ra cho bạn vào lúc một khoảnh khắc chấm dứt và một khoảnh khắc khác bắt đầu, bạn sẽ hiểu được điều gì xảy ra cho bạn vào khoảnh khắc của sự chết. Nếu bạn có thể thực sự tự quan sát mình trong suốt thời gian của một hơi thở, bạn sẽ hiểu tất cả điều đó.

Điều đầu tiên tôi học được bằng cách quan sát hơi thở của mình là mặc dù tất cả những quyển sách tôi đã từng đọc cũng như tất cả những khóa học tôi đã tham dự ở trường đại học, hầu như tôi chẳng biết gì về tâm của mình, và tôi lại càng chẳng kiểm soát được tâm mình chút nào. Mặc cho tất cả những cố gắng của mình, tôi chẳng thể nào quan sát được thực tại về hơi thở vào và ra ngay hốc mũi tôi lâu hơn mười giây trước khi tâm tôi xao lãng. Suốt bao nhiêu năm, tôi đã sống với ấn tượng rằng tôi là chủ của cuộc đời mình, và là chủ tịch tổng giám đốc cho cái thương hiệu cá nhân của chính tôi. Nhưng chỉ vài giờ thiền tập đủ cho tôi thấy rằng tôi chẳng có một chút quyền kiểm soát nào trên chính mình. Tôi chẳng phải là chủ tịch tổng giám đốc mà chỉ là một kẻ gác-dan, một tên canh cổng. Tôi đã được yêu cầu đứng canh trước cổng cái thân xác của mình - hai hốc mũi - và chỉ việc quan sát bất kỳ thứ gì đi vào hay đi ra. Thế mà chỉ sau vài khoảnh khắc, tôi đã mất tập trung rồi bỏ nhiệm sở. Đó chính là kinh nghiệm làm mờ mắt.

Khi khóa học tiến triển, các học viên được dạy quan sát không chỉ hơi thở của họ mà là tất cả mọi cảm giác trên toàn thân. Chẳng phải là những cảm giác khác thường của sự đề mê hay ngây ngất, mà đúng hơn là những cảm giác rất thể tục, thật bình thường: nóng bức, ngứa ngáy, đau đớn... Kỹ thuật nội quán vipassana dựa trên tuệ giác cho rằng dòng tâm thức liên kết chặt chẽ với những cảm giác của thân. Làm trung gian giữa tôi và thế giới này, luôn luôn có những cảm giác của thân. Tôi không bao giờ phản ứng với những sự kiện thuộc thế giới bên ngoài; tôi luôn luôn phản ứng với những cảm giác trên chính thân xác mình. Khi cảm giác là không dễ chịu, tôi phản ứng bằng sự ghét bỏ. Khi cảm giác là thích thú, tôi phản ứng bằng cách mong mỏi nhiều hơn nữa. Ngay cả khi chúng ta nghĩ rằng mình phản ứng với điều người khác đã làm, đối với những dòng trạng thái trên trang Twitter của ông Tổng thống Donald Trump chẳng hạn, hay đối với một ký ức xa xưa thời thơ ấu của chính mình, thì sự thực là chúng ta luôn luôn phản ứng với những cảm xúc thân xác trực tiếp của mình. Nếu chúng ta giận điên lên vì



có kẻ nào dám sỉ nhục đất nước mình hay các vị thần thánh mà mình tôn thờ, điều khiến cho sự sỉ nhục đó trở nên không thể chịu đựng nổi chính là những cảm giác cháy bỏng bùng lên trong khoang dạ dày cùng với những dải buốt nhức kẹp quanh đầu của chúng ta. Đất nước ta chẳng cảm nhận điều gì, nhưng thân thể ta thực sự bị tổn thương.

Bạn muốn biết cơn giận là gì ư? Dễ thôi, hãy cứ quan sát những cảm giác xuất hiện rồi trôi qua ở chính thân xác của bạn trong lúc bạn đang giận dữ. Khi đến với khóa tu này, tôi đã được hai mươi bốn tuổi, và đã trải qua những cảm giác giận dữ có lẽ đến cả chục ngàn lần trước đó, thế nhưng tôi chưa bao giờ bận tâm quan sát xem cơn giận thực sự mang lại những cảm giác gì. Bất cứ lúc nào cáu giận, tôi chỉ chăm chăm chú ý đến đối tượng của cơn giận của mình - điều gì đó ai đó nói hay làm - chứ không quan tâm đến thực tại cảm xúc của sự giận dữ.

Tôi nghĩ rằng tôi đã học được rất nhiều về chính mình và về loài người nói chung bằng cách quan sát cảm giác của mình trong suốt mười ngày ấy hơn là những gì tôi đã học trong suốt cuộc đời mình cho đến bấy giờ. Và để được như vậy, tôi đã không phải chấp nhận bất kỳ điều bịa đặt nào, lý thuyết nào hay huyền thoại nào. Tôi chỉ phải quan sát thực tại như nó đang diễn ra. Điều quan trọng nhất mà tôi nhận thức được là nguồn gốc sâu xa của nỗi đau khổ của tôi nằm ngay trong những mô hình tâm thức của chính tôi. Khi tôi muốn một điều gì đó mà điều đó không xảy ra, tâm thức của tôi phản ứng bằng cách tạo ra sự đau khổ. Đau khổ không phải là một điều kiện khách quan từ thế giới bên ngoài. Đó chỉ là một phản ứng thuộc về tâm được tạo nên bởi chính tâm thức của tôi. Việc học được điều đó chính là bước đầu tiên hướng đến việc chấm dứt tạo ra đau khổ thêm nữa.

Kể từ khóa tu đầu tiên vào năm 2000 ấy, tôi bắt đầu thiền định mỗi ngày hai giờ đồng hồ, và mỗi năm, tôi lại tham gia một khóa tu kéo dài một hay hai tháng. Đó không phải là việc trốn thoát thực tại. Đó chính là để chạm vào thực tại. Ít nhất hai giờ đồng hồ mỗi ngày tôi

thực sự quan sát thực tại như chính nó, trong khi suốt hai mươi hai tiếng đồng hồ còn lại, tôi bị tràn ngập với những thư điện tử, những mẩu tin ngắn trên Twitter, những đoạn phim hình ảnh động về những con chó con xinh xắn. Nếu không có sự tập trung và sự trong sáng do phương pháp thực hành này mang lại, tôi đã không thể nào viết xong hai quyển lược sử loài người (*Sapiens*) và lược sử tương lai (*Homo Deus*). Ít nhất là đối với tôi, thiền định không bao giờ trở nên mâu thuẫn với nghiên cứu khoa học. Đúng hơn, thiền định đã là một công cụ có giá trị trong bộ công cụ khoa học, đặc biệt là khi cố gắng tìm hiểu tâm thức con người.

Đào từ hai đầu

Khoa học đã phát hiện rằng rất khó để giải mã những điều huyền bí của tâm thức, chủ yếu vì chúng ta thiếu những công cụ hữu hiệu. Nhiều người, kể cả nhiều nhà khoa học, có khuynh hướng lẫn lộn về tâm với não, nhưng chúng thực sự là những sự kiện rất khác nhau. Não là một mạng lưới vật chất những tế bào não, những khớp nối tế bào não và các phản ứng sinh hóa. Tâm là một luồng kinh nghiệm chủ quan, chẳng hạn như đau đớn, dễ chịu, giận ghét, yêu thương... Các nhà nghiên cứu về sinh học cho rằng bằng cách nào đó não sản xuất ra tâm, và rằng các phản ứng sinh hóa trong hàng tỷ tế bào não bằng cách nào đó sản xuất ra những kinh nghiệm như đau đớn hay thương yêu. Tuy nhiên, cho đến nay, chúng ta tuyệt đối không có một giải thích nào về việc tâm xuất hiện từ não ra sao. Làm thế nào khi hàng tỷ tế bào kích thích những tín hiệu điện theo những mô thức nào đó thì ta cảm thấy đau đớn; và khi những tế bào ấy kích thích theo một mô thức khác thì ta cảm thấy yêu thương? Chúng ta không có được một chút manh mối nào cả. Vì thế, ngay cả khi tâm quả thực xuất hiện từ não đi chăng nữa, ít nhất là vào lúc này, việc nghiên cứu về tâm là một công việc khác với việc nghiên cứu về não.

Việc nghiên cứu về não đang có những bước tiến nhảy vọt nhờ sự trợ giúp của kính hiển vi, máy quét

chụp não và máy điện toán có khả năng xử lý cao. Nhưng chúng ta không thể thấy được tâm nhờ một kính hiển vi hay một máy chụp quét não. Những thiết bị này cho phép chúng ta phát hiện những hoạt động điện học và sinh hóa học trong não bộ nhưng không cho phép chúng ta tiếp cận bất kỳ một kinh nghiệm chủ quan nào kết hợp với những hoạt động ấy. Cho đến bây giờ là năm 2018, tâm thức duy nhất tôi có thể tiếp cận trực tiếp là tâm của chính tôi. Nếu tôi muốn biết những chúng sinh khác đang kinh nghiệm những gì, tôi chỉ có thể dựa trên những báo cáo thứ cấp, chắc chắn là phải chịu ảnh hưởng của những sự giới hạn và méo mó.

Tất nhiên, chúng ta có thể thu thập rất nhiều báo cáo thứ cấp từ rất nhiều người khác nhau, và sử dụng phương pháp thống kê để nhận dạng những mô thức hồi quy. Những phương pháp như vậy đã cho phép những nhà tâm lý học và các nhà khoa học về não bộ không chỉ gạt hái được nhiều hiểu biết về tâm mà còn giúp cải thiện kể cả cứu được mạng sống của cả hàng triệu người. Tuy nhiên, rất khó để vượt qua một số điểm quan trọng khi nhà nghiên cứu chỉ sử dụng những báo cáo thứ cấp. Trong khoa học, khi bạn nghiên cứu một hiện tượng đặc biệt, điều tốt nhất là phải quan sát trực tiếp hiện tượng ấy. Chẳng hạn, các nhà nhân học đã sử dụng sâu rộng các nguồn thông tin thứ cấp, nhưng khi muốn thực sự hiểu rõ về nền văn hóa của dân Samoa, sớm hay muộn, họ cũng phải ba-lô lên vai để đến thăm quần đảo Samoa.

Tất nhiên, viếng thăm không thôi cũng chưa đủ. Một trang nhật ký mạng được viết bởi một anh chàng du lịch ba-lô đã đi khắp quần đảo Samoa không thể được coi là một bản nghiên cứu nhân học có tính cách khoa học, bởi vì những người đi du lịch như vậy thiếu những công cụ và sự huấn luyện cần thiết. Những quan sát của họ thường là quá ngẫu nhiên và đầy thiên kiến. Để trở thành một nhà nhân học đáng tin cậy, ta phải học quan sát về văn hóa loài người theo một cách khách quan và có phương pháp, hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi những ý niệm hay phán đoán có sẵn. Đó là điều bạn học tập ở khoa nhân học và là điều cho phép các nhà nhân học đóng một vai trò sinh động trong việc nối liền những khoảng cách giữa các nền văn hóa của loài người.

Việc nghiên cứu khoa học về tâm thức con người hiếm khi tuân theo mô hình của khoa nhân học. Trong khi các nhà nhân học thường báo cáo về những chuyến viếng thăm của họ đến những vùng đảo xa hay những xứ sở huyền bí, các học giả trong lĩnh vực ý thức hiếm khi thực hiện những hành trình cá nhân vào các vương quốc của tâm. Vì tâm duy nhất mà tôi có thể trực tiếp quan sát được chỉ là tâm của chính tôi; và bất kể việc quan sát văn hóa Samoa không thiên kiến không bị ảnh hưởng bởi những phán đoán có sẵn là điều khó khăn đến thế nào chăng nữa, thì việc quan sát tâm thức của chính tôi một cách khách quan cũng vẫn khó khăn hơn. Ngược lại, trong khi

các học giả nghiên cứu về tâm đã phát triển nhiều công cụ để thu thập và phân tích những báo cáo thứ cấp, khi vấn đề là nghiên cứu vào chính tâm thức của mình thì chúng ta mới chỉ gãi trên bề mặt.

Trong tình trạng thiếu hẳn những phương pháp hiện đại để quan sát tâm, chúng ta có thể thử một số công cụ đã được phát triển bởi các nền văn minh tiền hiện đại. Nhiều nền văn hóa cổ đã cung hiến rất nhiều sự chú ý vào việc nghiên cứu tâm thức, và họ không hề dựa vào việc thu thập những báo cáo thứ cấp mà dựa vào việc huấn luyện người ta quan sát tâm của chính mình một cách có hệ thống. Những phương pháp mà người cổ đại đã phát triển có thể được gọi chung dưới thuật ngữ tổng quát là thiền định. Ngày nay, thuật ngữ này thường bị gắn liền với tôn giáo và sự huyền bí, nhưng về nguyên tắc, thiền định là bất kỳ phương pháp nào được dùng để quan sát trực tiếp tâm thức của một người. Quả nhiên, nhiều tôn giáo đã sử dụng sâu rộng những kỹ thuật thiền định khác nhau, nhưng điều đó không có nghĩa thiền định phải là tôn giáo. Nhiều tôn giáo cũng sử dụng rộng rãi nhiều loại sách vở, nhưng đâu có nghĩa sử dụng sách vở là một cách thực hành tôn giáo!

Trải qua hàng ngàn năm, loài người đã phát triển hàng trăm kỹ thuật thiền định khác nhau, với nhiều sai biệt về nguyên tắc và hiệu quả. Tôi chỉ có kinh nghiệm cá nhân với một phương pháp - Vipassana - và đó là phương pháp duy nhất mà tôi có thể bàn luận với một chút thẩm quyền. Như một số những kỹ thuật thiền định khác, người ta cho rằng Vipassana đã được phát kiến ở Ấn Độ trong thời cổ bởi Đức Phật. Trải qua nhiều thế kỷ, một số câu chuyện và lý thuyết được gán cho Đức Phật, thường là không có chứng cứ ủng hộ. Tuy nhiên, để thiền định, chúng ta chẳng cần phải tin bất kỳ điều gì trong số những truyền thuyết ấy. Vị thầy mà từ ngài tôi đã được truyền thụ về Vipassana, Goenka, là một người hướng đạo hết sức thực tiễn. Ngài lập đi lập lại những chỉ dẫn đối với môn sinh rằng khi quan sát tâm của chính mình, họ phải gạt ra một bên tất cả những mô tả thứ cấp, mọi học thuyết tôn giáo và mọi sự phỏng đoán triết học, chỉ tập trung vào kinh nghiệm của chính mình và bất kỳ thực tại gì mà họ thực sự gặp phải. Hàng ngày, nhiều môn sinh được phép vào phòng của ngài để tìm kiếm sự hướng dẫn và đặt những câu hỏi. Ngay lối vào phòng, một tấm bảng ghi hàng chữ: *"Hãy tránh mọi thảo luận lý thuyết và triết học, tập trung câu hỏi vào vấn đề liên quan đến việc thực hành thực sự của mình"*.

Thực hành thực sự nghĩa là quan sát các cảm giác của thân và những phản ứng của tâm đối với những cảm giác ấy theo một cách có phương pháp, miên mật và khách quan, nhờ đó phát hiện những hình mẫu căn bản của tâm. Đôi khi, có người biến việc thiền định thành việc theo đuổi những kinh nghiệm riêng về trạng thái

sung sướng và mê mải. Thế nhưng thực sự, ý thức là điều bí mật vĩ đại nhất của vũ trụ, và những cảm giác bức bối hay ngứa ngáy, dù chỉ là mỗi mảnh của ý thức, cũng huyền bí như cảm giác của trạng thái hỷ lạc hay sự hợp nhất với vũ trụ vậy. Người thực hành thiền định theo phương pháp Vipassana phải thận trọng không bao giờ bám vào việc tìm kiếm những kinh nghiệm đặc biệt, mà phải tập trung vào việc hiểu biết thực tại về tâm thức của chính mình, bất kể thực tại ấy có thể là gì.

Trong những năm gần đây, các học giả thuộc lĩnh vực tâm và não đã thể hiện sự quan tâm ngày càng tăng về những kỹ thuật thiền định này, nhưng cho đến nay, hầu hết các nhà nghiên cứu vẫn chỉ sử dụng công cụ này một cách gián tiếp. Nhà khoa học đặc trưng ấy không thực sự tự mình thực hành thiền định. Thay vào đó, người này mời những thiền giả có kinh nghiệm đến phòng thí nghiệm của mình, phủ lên đầu các vị thiền giả ấy những điện cực, đề nghị các vị ấy thực hành thiền rồi quan sát những hoạt động của não do việc thiền định mang lại. Việc này có thể dạy cho chúng ta nhiều điều thú vị về não, nhưng nếu mục đích của nghiên cứu là để hiểu về tâm thì chúng ta vẫn bỏ sót những hiểu biết sâu sắc quan trọng nhất. Điều đó cũng giống như một người cố gắng tìm hiểu cấu trúc của vật chất bằng cách quan sát một tảng đá thông qua một chiếc thấu kính. Bạn đến gặp người ấy, trao cho người ấy một chiếc kính hiển vi và bảo, "Hãy thử cái này xem. Ông có thể thấy rõ hơn". Người ấy nhận chiếc kính hiển vi, nhặt chiếc thấu kính đáng tin cậy của mình lên, và cẩn thận quan sát qua chiếc thấu kính ấy thứ vật chất mà chiếc kính hiển vi vừa tạo ra... Thiền định là công cụ dùng để quan sát trực tiếp tâm. Bạn sẽ bỏ sót rất nhiều tiềm năng của công cụ ấy nếu thay vì tự mình thiền định, bạn lại giám sát những hoạt động điện học trong não của một thiền giả khác.

Chắc chắn, tôi không đề nghị bỏ qua những dụng cụ và sự thực hành hiện tại về việc nghiên cứu não. Thiền định không thể thay thế những điều ấy, nhưng có thể bổ sung cho chúng. Điều này cũng giống như việc các kỹ sư đào một đường hầm xuyên qua một ngọn núi khổng lồ. Tại sao lại chỉ đào từ một phía? Cùng lúc đào từ hai phía sẽ tốt hơn. Nếu não và tâm chỉ là một và giống hệt nhau, cả hai đoạn đường hầm chắc chắn phải gặp nhau. Nhưng nếu não và tâm không phải là như nhau? Khi ấy điều quan trọng hơn tất cả là phải đào vào tâm, chứ không chỉ đào vào não.

Một số trường đại học và phòng thí nghiệm quả thực đã bắt đầu sử dụng việc thiền định như một công cụ nghiên cứu chứ không chỉ là một đối tượng cho việc nghiên cứu não. Thế nhưng tiến trình này vẫn còn ở giai đoạn ấu trĩ, nhất là vì nó đòi hỏi sự đầu tư phi thường về phần nhà nghiên cứu. Hoạt động thiền định nghiêm túc đòi hỏi một tinh thần kỷ luật khủng khiếp. Nếu bạn cố gắng quan sát khách quan những cảm giác của mình, điều đầu tiên bạn nhận thấy sẽ là tâm thức

sao mà phóng túng và hấp tấp đến vậy. Ngay cả khi bạn tập trung chú ý vào việc quan sát một cảm giác tương đối rõ rệt như hơi thở vào và ra hoặc mũi mình, tâm thức của bạn thường cũng chỉ thực hiện công việc ấy không quá vài giây đồng hồ trước khi nó đánh mất sự tập trung và bắt đầu lang thang vào những tư tưởng, ký ức và mơ mộng.

Khi ống kính hiển vi lạc mất tiêu điểm, chúng ta chỉ việc quay chiếc cần điều chỉnh. Nếu chiếc cần điều chỉnh ấy hư, ta có thể gọi một người thợ máy sửa lại. Nhưng khi tâm thức lạc mất tiêu điểm, ta không thể sửa chữa dễ dàng như vậy. Thường thường người ta phải chấp nhận sự rèn luyện lâu dài, làm cho tâm dịu lại và biết tập trung, sau đó tâm mới có thể tự quan sát nó một cách khách quan và có phương pháp. Có lẽ, trong tương lai chúng ta có thể nuốt một viên thuốc nào đó và thành tựu được sự tập trung trong khoảnh khắc. Nhưng vì thiền định nhắm đến việc thăm dò tâm chứ không chỉ tập trung tâm, một biện pháp đi tắt như vậy có thể chứng tỏ là phản tác dụng. Thuốc có thể làm cho ta trở nên bén nhạy và tập trung, nhưng cùng lúc, nó có thể ngăn cản ta thăm dò toàn thể phạm vi hoạt động của tâm. Sau nữa, ngay cả ngày nay chúng ta có thể tập trung tâm bởi việc xem một bộ phim có tình tiết ly kỳ trên màn ảnh truyền hình - nhưng tâm ấy quá tập trung vào nội dung phim đến nỗi nó không thể quan sát những động lực của chính nó.

Thế nhưng ngay cả khi chúng ta chưa thể tin cậy vào những công cụ kỹ thuật nhỏ nhặt ấy, chúng ta cũng không nên bỏ cuộc. Chúng ta có thể được truyền cảm hứng bởi những nhà nhân học, những nhà sinh vật học hay những phi hành gia. Các nhà nhân học và sinh vật học trải qua hàng nhiều năm ở những nơi xa xôi phơi mình trước những hoàn cảnh nguy hiểm và bệnh tật. Các phi hành gia tận hiến hàng năm trời chấp nhận những chế độ đào tạo khó khăn, chuẩn bị cho những chuyến du hành đầy bất trắc ở ngoại tầng không gian. Nếu loài người chúng ta sẵn sàng thực hiện những cố gắng như vậy để hiểu biết thêm về những nền văn hóa xa lạ, những giống sinh vật chưa nghe nói tới, những hành tinh vờ vọi, có thể chúng ta cũng nên làm việc với cùng sự cần cù như vậy để hiểu rõ về tâm thức của chính mình. Và tốt hơn, chúng ta nên hiểu rõ về tâm thức của chính mình *trước khi những thuật toán vận hành bởi trí thông minh nhân tạo có đủ điều kiện thay thế chúng ta làm chủ vũ trụ này*. ■

Nguyên tác: *Meditation*, trích trong *21 Lessons for the 21st Century*, Yuval Noah Harari.

Tác giả: Yuval Noah Harari là người Do Thái, Giáo sư Sử học tại Đại học Tel Aviv, tác giả các tập sách bán chạy *Sapiens, A Brief History of Humankind* và *Homo Deus, A Brief History of Tomorrow*. 21 bài học cho thế kỷ XXI là quyển sách thứ ba của ông.

Bên kia ngôn ngữ

NORMAN FISCHER
CAO HUY HÓA dịch

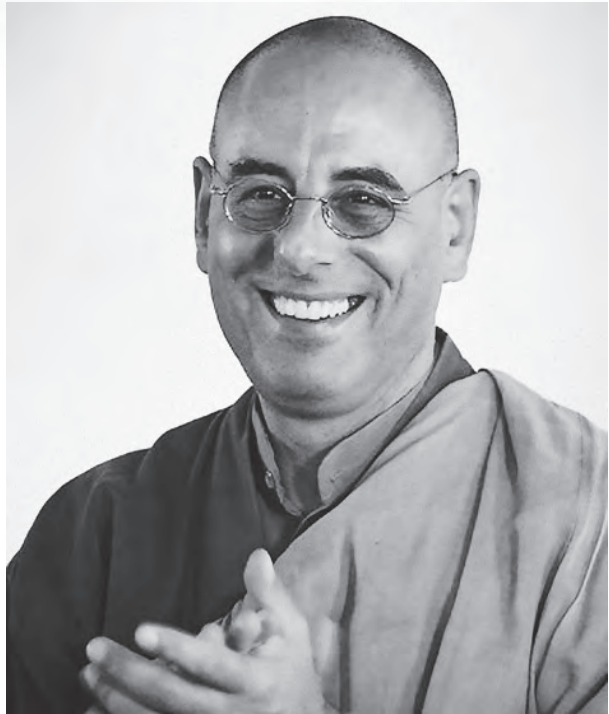
Một thực tế hầu như không tránh được của đời tôi là, tôi là nhà thơ, hay ít nhất, tôi viết những bài thơ. Vì sao tôi cảm thấy cần làm việc đó? Đó là vì tôi bị cám dỗ bởi ngôn ngữ. Ngôn ngữ đang quyến rũ mọi người. Thông qua ngôn ngữ, chúng ta diễn tả, từ đó tạo ra thế giới ta sống trong đó, và thông qua ngôn ngữ diễn tả, chúng ta tạo nên chính mình. Nếu thế giới là khó khăn và cuộc đời là khó khăn, đó có thể không phải có cái gì sai với đời sống và thế giới - đó có thể có gì sai với sự mô tả của chúng ta.

Chúng ta thường nghĩ rằng, có *cái gì đó* và rồi, có nói chuyện về *cái gì đó*, và cái đó là thật, và nói về cái đó chỉ là chuyện thứ yếu. Nhưng đối với tâm trí con người, không có cách nào phân chia *cái gì đó* với *nói về cái gì đó*. Ngay cả nhận thức, đến một mức độ nào đó, là một tiến trình nhận thức về *nói cái gì đó*.

Tôi nghĩ bạn có thể nói ngôn ngữ là bản chất của người, bởi vì ý thức con người là ý thức tạo ra ngôn ngữ. Ngôn ngữ rất gần gũi với chúng ta nhưng chúng ta không thể hiểu nó là gì. Chúng ta là "ở trong" ngôn ngữ theo kiểu như cá trong nước; đối với con cá, nước chính là thể cách của sự vật.

Tôi đã tự thắc mắc về ngôn ngữ hầu như suốt đời, và sau nhiều năm nghiên cứu, tôi tiến gần hơn để hiểu nó hơn là đã từng hiểu. Tuy vậy, trong thơ tôi, tôi luôn luôn viết về những cố gắng để hiểu ngôn ngữ. Chủ điểm chính của tôi dường như là: Chúng ta có thể biết ngôn ngữ là gì? Có thể biết chúng ta là ai? Nhà thơ Paul Celan viết, "Bất cứ khi nào chúng ta nói về sự vật theo cách đó (trong thơ), chúng ta ngụ ở trong câu hỏi: mọi sự từ nơi đâu và đến đâu, một câu hỏi mở không có lời giải".

Như thế, ngôn ngữ, *một mặt* là ngục tù: chúng ta bị khóa theo nghĩa đen từng chữ ở trong ngôn ngữ, như: chữ đó được tạo bởi gì, được định nghĩa bởi ngôn ngữ



nào, và chỉ có thể nhìn thấy từ xa như chúng ta có thể nói. *Mặt khác*, ngôn ngữ cũng có thể giải thoát chúng ta: nó có thể mở ra trí tưởng tượng và cho phép chúng ta bước ra ngoài thế giới - và bay xa bên kia thế giới. Đó là những gì các nhà thơ cố gắng làm.

Họ thường thất bại, nhưng điểm đến không phải là thành công mà là vượt tới.

Trong tu tập thiền Zen, chúng ta thường cố gắng đứng bên trong ngôn ngữ theo cách thức tươi mát, để mở ra bàn tay của tư tưởng, chơi với ngôn ngữ và để ngôn ngữ chơi với chúng ta. Điều đó có nghĩa, chúng ta đi đến hiểu biết và ngụ trong ngôn ngữ theo nhiều cách. Mỗi từ có nghĩa là cái gì đó và không gì khác.

Nhưng cũng mỗi từ qua đi ngay khi chúng ta nói nó, và như thế nó không là cái gì. Khi chúng ta nói về điều gì đó, chúng ta nghĩ rằng chúng ta đang hiểu nó hay kiểm soát được nó, nhưng đó là không thể. Khi chúng ta đang nói về điều gì đó, chúng ta cũng đang - và chủ yếu - nói về không có gì cả. Nói chính là nói về chúng ta, diễn tả chúng ta. Khi chúng ta rồi lên trong chuyện gì đó mà chúng ta nghĩ là đang nói tới, thế là chúng ta đau khổ.

Tất cả ngôn ngữ đều là hát. Âm nhạc không có bất cứ một ý nghĩa có thể mô tả được, tuy nhiên nó là sinh động cho cuộc sống của chúng ta. Nhưng chúng ta không biết điều đó. Chúng ta nắm sự vật mà chúng ta tạo nên với ngôn ngữ của chúng ta, sự vật vốn không có như chúng ta tưởng tượng nó như thế, và chúng ta đau khổ. Nếu chúng ta có thể kinh nghiệm ngôn ngữ như nó thực sự là như thế đối với chúng ta, chúng ta có thể thoát khỏi ngôn ngữ tạo đau khổ. Điều đó không có nghĩa rằng chúng ta giải thoát khỏi đau khổ và sầu muộn. Chỉ khi chúng ta được giải thoát khỏi một loại đặc biệt của khổ đau, đó là: *cô đơn và cách ly với chính họ, với người khác và thế giới.*

Ý nghĩ này nằm ở trung tâm của đạo Phật. Ba tu tập đầu tiên của bát chánh đạo là *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ*. Cả ba khả dĩ làm thành đạo đức, và khi có đạo đức đích thực, ở đó có thêm tu tập thiền và chánh niệm, thì đạo đức dẫn đến trí tuệ, bằng cách ấy mà làm vững chắc thêm chánh kiến. Vì thế, ngay từ đầu, Đức Phật nhìn thấy ngôn ngữ của chúng ta quy định những tính cách tâm linh thông qua quan điểm, ý định, và ngôn từ phát ra, và sự rèn luyện nhận thức về tiến trình đó chính là điểm khởi đầu cho tu tập tâm linh. Về sau, trong tư tưởng Phật giáo, sự hiểu thấu bên trong này được vững chắc hơn và rõ ràng hơn với những lời dạy về *Không*, nêu lên bản chất của thực tại con người.

Như một đạo sư tâm linh làm việc trong thế giới thực với những môn đồ thực, Đức Phật hoàn toàn thực dụng và khéo léo trong những vấn đề đó. Giống như Socrate, ngài là vị thầy của đối thoại. Ngài biết rằng bị cuốn vào trong ngôn ngữ là vấp phải bẫy. Ngài thấy rằng không có gì căn bản hơn là chánh kiến - qua chánh kiến, mọi điều tốt được bộc lộ - nhưng ngài cũng thấy rằng chánh kiến không phải là một học thuyết hay sự thật gợi ý. Thỉnh thoảng có người hỏi tôi, cái gì là quan điểm của Phật giáo về việc này hay việc kia? Tôi trả lời: không có quan điểm của Phật giáo về việc này hay việc kia. Quan điểm Phật giáo là loại không-quan-điểm, nhưng không phải không-quan-điểm là đối nghịch với một quan điểm, một chủ nghĩa lập lờ thiếu quyết đoán. Không quan điểm bao gồm nhiều quan điểm khác nhau khởi lên khi giải đáp những điều kiện. Không quan điểm là một thái độ, một tâm hồn rộng mở, một sự tử tế, mềm dẻo liên quan đến ngôn ngữ. Không quan điểm là một cách để đứng bên trong



ngôn ngữ, để dùng ngôn ngữ, để kết nối mà không bị cuốn vào và làm phân ly giữa thế giới và ngôn ngữ.

Đức Phật nói chuyện với mọi người suốt cuộc đời. Trên thực tế, ngài là một trong những vị thầy lớn nhất về nói chuyện với mọi người đã được ghi lại trong lịch sử. Mỗi người có thể hưởng phước vị trong những bài kinh mà Đức Phật đã nói, không phải bởi vì Ngài nói nhiều, hoặc bởi vì Ngài hay giải thích tỉ mỉ, nhưng Ngài nói để giúp mọi người thấy xuyên suốt làn khói mờ đục của những ngôn ngữ riêng biệt và quan điểm. Một lần có người hỏi Ngài về bí quyết của cách nói hiệu quả mà Ngài sử dụng. Ngài bảo, có bốn cách để trả lời câu hỏi. *Cách đầu tiên* là dứt khoát, đúng hay sai rõ ràng, không mơ hồ. *Cách thứ hai* là phân tích câu hỏi, làm sáng tỏ những định nghĩa và cố gắng xác định thực sự những gì có thể nói được, thông thường là phân chiết ra. Rất nhiều lần Đức Phật dùng cách này khi không cần thiết trả lời câu hỏi: sau khi phân tích, câu hỏi trở thành vô nghĩa. *Cách thứ ba* là hỏi vặn lại, mục đích là đưa người hỏi trở về tâm của mình, hướng sự chú ý ra xa tình huống phức tạp của ngôn ngữ về một điều gì đó là thực ẩn sau câu hỏi. *Cách thứ tư* đơn giản là để câu hỏi qua một bên, biết rằng một số câu hỏi bị vướng vào vô vọng, đụng vào chúng như đụng vào tường, vỡ đầu mà không có hồi kết. Đặt câu hỏi qua một bên, đơn giản là đi bộ quanh bức tường. Cách này có thể đưa bạn qua bên kia bức tường mà không vỡ đầu. Vì thế, đôi khi Đức Phật dùng cách im lặng khi trả lời một câu hỏi.

Trong khi biện luận về chánh ngữ, Đức Phật đã chứng tỏ sự hiểu biết tinh tế, uốn khúc, cho rằng ngôn từ không có ý nghĩa nhất định và không bao giờ được



xét giá trị trên bề mặt. *Nghĩa của một từ tùy thuộc vào ngữ cảnh*: ai đang nói và đang nghe, giọng nói như thế nào, thái độ ẩn ý, và hoàn cảnh trong đó lời nói phát ra. Sự kiện Đức Phật không khuyên lời nói của ngài được viết và ngài cho phép mọi người giải thích lời dạy của ngài theo những ngôn từ riêng của họ, bằng cách nhấn mạnh rằng ngôn ngữ thông thường có thể dùng chứ không cần phải ngôn ngữ thiêng liêng đặc biệt, chúng tỏ rằng ngài hiểu ngôn ngữ là một tiến trình - đặc biệt là cuộc đối thoại, một kinh nghiệm sống động - hơn là một công cụ mô tả hay giải thích đúng. Đức Phật thấy rằng ra khỏi một ống dẫn trung tính để truyền đạt những ý nghĩa có từ trước, thì ngôn ngữ là phương tiện luôn luôn thay đổi đối với bản thân, và ngài cũng thấy rằng cách để làm rõ bản thân và thế giới là giữ cho ngôn ngữ được đúng đắn và linh động.

Trong tất cả những lời dạy của Đức Phật mà những thiền sư Trung Hoa cổ đại được thừa hưởng từ Ấn Độ, điều mà họ nhấn mạnh nhất là "công án" sau đây về ngôn ngữ:

Một nhà sư hỏi đạo sư Triệu Châu, "*Thành tựu viên mãn của trí tuệ là gì?*".

Triệu Châu đáp, "*Thành tựu viên mãn*".

Nhà sư khác hỏi, "*Thiền là gì?*".

Triệu Châu đáp, "*Không-thiền*".

"*Thiền là không-thiền, là như thế nào?*"

"*Nó vẫn ở đó*".

Vị sư khác: "*Một từ là gì?*"

Triệu Châu: "*Hai từ*".

Một vị sư hỏi thiền sư Fengxue (Fengxue Yanzhao 風穴延沼 Phong Huyệt Diên Chiếu, chú thích của người

dịch), "*Làm thế nào tôi có thể vượt qua bên kia ngôn từ và im lặng?*".

Để trả lời, Fengxue trích dẫn vài dòng của một bài thơ nổi tiếng.

Điều làm ta khổ sở, điều gây ra cho chúng ta xung đột với người khác, là cứ khẳng khẳng nhất định về quan điểm sự vật riêng tư của chúng ta: quan điểm về những gì chúng ta xứng đáng hay mong muốn, quan điểm về phải và trái, quan điểm về cái ngã, quan điểm về người khác, quan điểm về đời sống, quan điểm về cái chết. Nhưng những quan điểm chỉ đúng là quan điểm, chúng không phải là sự thật rốt ráo. Không có cách nào loại bỏ quan điểm, và chúng ta cũng không muốn thế. Càng sống và nhận thức thì càng có những quan điểm. Những quan điểm là đa sắc màu, lý thú và phong phú thì càng sống lâu dài, miễn là chúng ta biết đó là quan điểm. Những thiền sư Trung Hoa muốn chúng ta biết quan điểm như là quan điểm, và không lẫn lộn nó với cái gì khác. Nếu bạn biết quan điểm như là quan điểm, bạn có thể giải thoát khỏi quan điểm đó. Nếu bạn biết ý nghĩ như là một ý nghĩ, bạn sẽ thoát ra khỏi ý nghĩ đó.

Vượt qua ngôn ngữ khi sử dụng ngôn ngữ là điều mà chúng ta có thể thực tập và phát triển thông qua thiền, qua học tập, và nhận thức trong đời sống hàng ngày. Trong thiền, ta có thể học cách chú ý không chỉ cảm giác mà còn xúc động và suy nghĩ. Học để cho suy nghĩ đến và đi, rồi cuộc chúng ta có thể hiểu ý nghĩ như là ý nghĩ, ngôn từ như là ngôn từ, và với sự hiểu biết đó chúng ta thấy một mức độ tự do từ ý nghĩ và ngôn từ. Chúng ta có thể bắt đầu tiếp cận tư tưởng Phật giáo không như một chuỗi những khái niệm mới mà chúng ta bám vào, mà như một phép luyện yoga tinh thần, một đối trọng với những khái niệm mà chúng ta đã nắm vô ý thức và trói buộc chúng ta, khóa chúng ta trong một cái ngã nhỏ bé, tạm thời, vụn vặt.

Khi trong đời sống hàng ngày, chúng ta dần dần học cách trở về thân, tâm và cảm xúc, thì chúng ta học được cách nắm ngôn ngữ và quan điểm của chúng ta một cách nhẹ nhàng, để thấy rằng chúng là những dòng chảy luôn luôn biến hóa của con người, rằng chúng không chỉ là của chúng ta mà tùy thuộc vào mọi người. Khi chúng ta nuôi dưỡng thực tập sự chú tâm vào cách mà chúng ta nói với chính mình, chúng ta sẽ không tự lừa mình quá nhiều. Một thiền sư Zen thường nói với chính mình, "Nè, người đừng bị lừa phỉnh bởi bất cứ gì nhé!", và tự đáp, "Tôi không bị như thế!". ■

Nguyên tác: *Beyond Language*, trên *Tricycle online*, Summer 2011.

Tác giả: *Norman Fischer* là một nhà thơ, một nhà tu thiền Zen sống tại Green Gulch Farm, một trung tâm thiền Zen tại California, ở đó ông là nhân vật chủ chốt tổ chức các chương trình tu tập.w

Về thực hành chánh niệm



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Mới đây, tôi đọc tin trên báo và thấy lòng mình phấn khích. Tin trên báo cho biết, Tiến sĩ Dương Ngọc Dũng, giảng viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM đã có buổi thuyết trình, chia sẻ với chủ đề “*Bạn đang nghịch gì với đời mình?*”.

(Báo Tuổi Trẻ ngày Thứ Bảy 23-2-2019, mục Sổ tay: Hãy là chính mình).

Là giảng viên nên diễn giả thu hút nhiều người là sinh viên trẻ tuổi đến nghe. Nhưng điều làm tôi vui mừng phấn khởi là những gì diễn giả truyền đạt lại lấy cảm hứng từ cuốn sách cùng tên với chủ đề của tác giả là nhà hiền triết người Ấn Độ Jiddu Krishnamurti. Krishnamurti là tác giả của nhiều tác phẩm tôi đã đọc và có cảm nhận như rất nhiều người khác là “*những gì*

Krishnamurti rao giảng hiện nay và những lời Đức Phật dạy từ hơn 2.500 năm trước là rất giống nhau”.

Học giả Phật học, cao tăng Walpola Rahula đã phát biểu: “*Đối với những người am hiểu khá thấu đáo về Phật giáo, thì tư tưởng giáo pháp của Krishnamurti là quen thuộc, không có điều gì mới, khác lạ với những gì Đức Phật dạy. Lời Phật hơn 2.500 năm trước, giờ đây, được Krishnamurti trao truyền và trình bày với một phong cách, ngôn từ mới lạ và độc đáo*”.

Dựa vào ý tưởng trong sách của Krishnamurti, TS. Dương Ngọc Dũng đã có những lời khuyên phù hợp với giáo lý Phật giáo như “*Các bạn hãy là chính mình... Đừng đi theo những giá trị hào nhoáng nhất thời, điều đó sẽ không mang lại cho các bạn hạnh phúc. Là chính mình, bạn luôn coi chừng cái “tôi” luôn thôi thúc bạn lúc nào cũng cảm thấy sợ hãi từ trong ý thức và vô*



thức, luôn tìm đến sự an toàn bằng hành vi vô mình, lẩn lặc, đầy ảo tưởng. Do tác động từ môi trường bên ngoài và thôi thúc của cái “tôi” bên trong mà chúng ta tự tạo ra những cuộc ganh đua giả tạo, hay so sánh mình với người khác và điều đó cản trở chúng ta phát huy những tiềm năng thật sự vốn có của bản thân”.

Cũng đọc từ sách của Krishnamurti, diễn giả cho rằng “Mục tiêu của giáo dục không phải tạo ra những nhân viên, công chức làm việc một cách máy móc trong những hệ thống, mà là những con người thống nhất trong suy nghĩ, sở hữu năng lực, sự khôn ngoan và không chút sợ hãi”. Mục tiêu của giáo dục vừa kể, tuy không nói ra, nhưng theo Krishnamurti chính là hình thành những con người “tỉnh thức”, hay nói theo Phật giáo những con người “chánh niệm”.

Cũng mới đây, tôi đọc được hai bài báo (đăng trên

Thế giới Tiếp thị số 7 (246) từ ngày 13 -19-2-2019) mà chỉ đọc qua tựa đề tôi lại cảm thấy phấn khích quá đỗi. Bài thứ nhất có tựa “*Có nên đưa mindfulness vào trường học?*”, bài báo thứ hai có tựa “*Tỉnh thức là chìa khóa của hạnh phúc*”. Mindfulness chính là tỉnh thức hay chánh niệm.

Bài báo thứ nhất có nêu định nghĩa mindfulness từ *Psychology Today.com* “Mindfulness là một trạng thái của hoạt động con người khi mà họ chỉ tập trung vào thời điểm hiện tại. Khi bạn ở trạng thái này, bạn sẽ biết cách tách biệt khỏi cảm xúc và lý trí để đánh giá sự vật, sự việc một cách khách quan, không phán xét tốt, xấu”. Bài báo cũng cho biết, mindfulness, dưới đây sẽ gọi là chánh niệm) đã được nghiên cứu ở các nước châu Âu và Bắc Mỹ và trở thành chương trình học và thực hành trong các doanh nghiệp. Ở Anh, 370 trường học đưa chánh niệm trở thành môn học chính thức. Còn tại Việt Nam, chánh niệm đang được các tổ chức (dự án HappySchool, All-Live and Learn, Tomato Education...) các nhà giáo dục nghiên cứu, xây dựng chương trình môn học và đưa vào trường học.

Còn bài báo thứ hai cho biết trong hai thập niên qua, phương pháp chánh niệm ngày càng phổ biến hơn tại Hoa Kỳ. Tổ chức Mindful School tại Oakland, bang California cho biết đã tập huấn cho hơn 25.000 giáo viên từ hơn 100 quốc gia trên thế giới. Đối với trẻ con, phương pháp chánh niệm dùng các trò chơi dễ học, dễ nhớ dạy trẻ quán “tứ niệm xứ” gồm thân, thọ, tâm, pháp, giúp trẻ thoát khỏi cái khuôn mẫu là mỗi khi “thiền” là cứ phải kiểm chỗ yên tĩnh, nhắm mắt, tréo chân.

Chánh niệm là gì?

Theo quan điểm của Phật giáo, thì trạng thái tỉnh thức của một người bình thường rất có giới hạn và đang bị giới hạn bởi những tập quán hành động máy móc vô ý thức. Nói chính xác hơn thì trạng thái ấy giống như của một người nằm mộng - mộng thức, chứ không là của một người tỉnh thức. Thực tập chánh niệm là nhằm đánh thức chúng ta dậy từ giấc mộng thức này, và giúp thân-tâm chúng ta luôn bên nhau đúng với sự sống thật, để rồi từ đó chúng ta mới có thể sử dụng được hết mọi khả năng của ý thức cũng như tiềm thức nơi chính mình.

Cũng theo đạo Phật, chánh niệm còn được gọi là trái tim của thiền quán. Sức mạnh của chánh niệm nằm ở chỗ ta biết thực hành và áp dụng nó. Chánh niệm có nghĩa là chú ý theo một đường lối đặc biệt: có mục đích, ở trong giây phút hiện tại và không phán xét. Sự chú ý này sẽ nuôi dưỡng một ý thức rộng lớn, sáng tỏ và biết chấp nhận thực tại. Chánh niệm đánh thức ta dậy để nhận thấy sự thật rằng sự sống của ta chỉ có mặt trong giây phút hiện tại này mà thôi. Nếu chúng ta không có mặt trọn vẹn trong những giây phút ấy,

ta không những bỏ qua những gì quý báu nhất trong đời mình, mà còn không thể nhận diện được sự giàu có và thâm sâu của những cơ hội có thể giúp ta trưởng thành và chuyển hóa.

Thầy Thích Nhất Hạnh có viết: “Chánh niệm rất cụ thể. Khi chú ý tới hơi thở là ta đã có chánh niệm rồi. Thở vào, ta chú ý tới hơi thở vào từ đầu cho tới cuối và nhủ thầm “vào”. Thở ra, ta chú ý tới hơi thở ra từ đầu cho tới cuối và nhủ thầm “ra”. Với hành động đơn giản ấy, thân tâm ta hợp nhất và ta sẽ thực sự có mặt. Chánh niệm cũng có thể có mặt trong một bước chân. Những lúc bạn bước đi, hãy đầu tư một trăm phần trăm vào mỗi bước chân và nhớ kết hợp bước chân với hơi thở một cách tự nhiên... Chỉ hoàn toàn chú tâm vào bước chân và hơi thở. Thực tập này rất đơn giản nhưng hiệu quả vô cùng. Nhờ bước chân chánh niệm, hơi thở chánh niệm mà ta có thể trở về với tự thân, thực sự có mặt và tỉnh thức”.

Chánh niệm là sự tỉnh giác, là sự chú tâm đến những gì đang xảy ra nơi ta trong giây phút hiện tại, một cách vô tư không phê phán hoặc so sánh. Chánh niệm là không bị mê đắm bởi những trạng thái tâm tốt và không cố gắng lẫn tránh những trạng thái tâm không tốt, cũng không đeo bám theo sự dễ chịu hay trốn chạy cảm giác khó chịu. Đây cũng là một phương cách giúp ta làm chủ lại được đường hướng và phẩm chất của đời mình, trong đó có những mối tương quan của ta trong gia đình, ngoài xã hội, rộng hơn nữa là với thế giới và trái đất này, và căn bản hơn hết là với chính ta, như một con người.

Thói quen đem hy sinh giây phút hiện tại này cho một sự kiện nào đó chưa xảy ra, đẩy ta thẳng vào thế giới của thất niệm, và từ đó ta không còn ý thức được màng lưới rối rắm nối liền mọi sự sống với nhau nữa. Theo bài báo thứ hai nêu trên, hậu quả của việc mất chánh niệm (còn gọi là thất niệm) khiến con người bị điều kiện hóa để tạo một nền giáo dục vong thân, một hệ thống truyền thông gian trá.

Cũng theo Phật giáo, điểm quan trọng nhất là ta phải biết trở về với chính mình, chứ không nên cố gắng trở thành một cái gì khác hơn là mình. Đạo Phật dạy cho ta biết tiếp xúc với tự tánh của ta và để cho nó hiển lộ ra một cách không ngăn ngại. Có nghĩa là ta phải tỉnh thức, thức dậy và nhìn thấy sự vật như chúng thật sự như vậy. Thật ra chữ *Buddha*, Phật, có nghĩa là một *người tỉnh thức*, một người đã thấy được tự tánh của mình, một người thường xuyên có mặt trong chánh niệm.

Thực tập chánh niệm không hề xung đột với bất cứ một tín ngưỡng hay một truyền thống nào khác - cho

dù đó là tôn giáo hoặc khoa học - và nó cũng không đòi hỏi ta phải tin vào một hệ thống tư tưởng hoặc một chủ nghĩa nào hết. Chánh niệm chỉ đơn giản là một phương pháp cụ thể giúp ta tiếp xúc được với chính mình một cách trọn vẹn hơn, qua một quá trình tự quán chiếu, tự xét soi và hành động có ý thức. Nền tảng của chánh niệm phải là lòng từ bi, hiểu biết và nuôi dưỡng. Ta có thể nghĩ đến chánh niệm như là lòng nhân từ.

Thực tập chánh niệm không phải dễ

Trong tu thiền, bạn đặt sự chú tâm của mình vào một đối tượng nào đó, thiết thân nhất là chọn hơi thở làm đề mục chú tâm. Chú tâm đơn thuần là đang nhận biết luồng hơi đi vào cơ thể, luồng hơi đi ra khỏi cơ thể. Thế nhưng chú tâm một cách trọn vẹn vào đối tượng không hề dễ dàng đối với người mới thực hành, vì tâm ưa duyên theo các ý tưởng khác đi lang bạt kỳ hồ trong thế giới tâm tưởng.

Có những lúc ta rất muốn lòng ta lắng xuống, tâm ta dứt hẳn những dòng ý tưởng cứ lăng xăng tuôn ra mãi không thôi. Như vào một buổi sáng sớm, mọi vật còn đang chìm trong giấc ngủ mà ta đã thức dậy. Ta còn nằm im hoặc ngồi bất động, những mong đắm chìm trong cõi tĩnh lặng, lắng nghe được sự yên tịnh kiểu như nghe được “*tiếng vỗ của một bàn tay*” thế mà ta có lặng yên được đâu. Thân ta lúc đó đứng là bất động, chung quanh cũng dường như bất động vì mặt trời còn ngủ yên để cho bóng tối tràn ngập, vây phủ mọi vật mọi nơi. Nhưng tâm ta thì ôi thôi, các ý tưởng cứ làm xam mãi không dứt. Hết nghĩ điều này đến điều khác.

Tưởng chừng ta không thể nào có được chánh niệm dù trong giây lát.

Có những lúc ta thấy cần phải chánh niệm tức không suy nghĩ vẩn vơ, không để quá khứ ràng buộc cũng như tương lai lôi kéo, mà nhìn thấu, lắng nghe mọi sự như chúng đang là trong hiện tại. Cần có chánh niệm vì như thế mới mong giải thoát khỏi sự ham muốn, bám chấp, ích kỷ của cái “ngã” được tạo ra do sự suy nghĩ, tư tưởng vẩn vơ đó. Rõ ràng chánh niệm sao mà khó vậy!

Ngày nay, khoa học về não bộ đã chứng minh thiền định có thể giúp chuyển hóa, biến đổi của hoạt động não bộ. Như người ta đã dùng kỹ thuật chẩn đoán MRI tiên tiến để chứng minh thiền định giúp con người chế ngự sự đau đớn hoặc có trạng thái an nhiên tự tại với hình ảnh thay đổi những vùng trên não bộ rõ ràng. Chánh niệm sao quá khó chỉ vì con người không biết “*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền*” (“*Vô tâm trước cảnh, chớ hỏi Thiền*”, thơ của Phật hoàng Trần Nhân Tông) đó thôi. ■





Các cấp độ nhận thức

THÍCH TRUNG ĐỊNH

Nhận thức (tiếng Anh: cognition) là hành động hay quá trình tiếp thu kiến thức và những am hiểu thông qua suy nghĩ, kinh nghiệm và giác quan, bao gồm các quy trình như tri thức, sự chú ý, trí nhớ, sự đánh giá, sự ước lượng, sự lý luận, sự tính toán, việc giải quyết vấn đề, việc đưa ra quyết định, sự lĩnh hội và việc sử dụng ngôn ngữ. Theo *"Từ điển Bách khoa Việt Nam"*, nhận thức là quá trình biến chứng của sự phản ánh thế giới khách quan trong ý thức con người, nhờ đó con người tư duy và không ngừng tiến đến gần khách thể. Sự nhận thức của con người vừa ý thức, vừa vô thức, vừa cụ thể, vừa trừu tượng và mang tính trực giác. Quá trình nhận thức sử dụng tri thức có sẵn và tạo ra tri thức mới¹. Thông qua nhận thức, con người có sự nhận biết, phân biệt và đối xử. Từ đó nảy sinh sự yêu - ghét... đến các sự vật hiện tượng.

Theo Phật giáo, có ba cấp độ nhận thức được kinh *Pháp môn Căn bản*, thuộc *Trung bộ* giới thiệu đó là: *tưởng tri*, *thắng tri* và *liễu tri*. Ba cấp độ nhận thức này Đức Phật giới thiệu đi từ thấp lên cao. Cấp độ nhận thức đầu, tưởng tri đó là nhận thức của phàm phu

chúng sinh; thắng tri và liễu tri là cấp độ nhận thức của Bồ-tát, Phật.

Tưởng tri (sannājanāti)

Là sự nhận biết thông qua hình dạng của sự vật². Tưởng tri là cái thấy biết của tri thức thường nghiệm, cái thấy có hạn cuộc, mang đầy ngã tính, nhị nguyên có phân biệt chủ thể và đối tượng. Tưởng tri được mô tả là sự nhận thấy *"đất như là đất"*, vẫn là cái thấy biết thông thường dựa trên hình dạng, tính chất đặc thù của nó (*nhậm tri tự tánh quý sanh vật giải*). Mục đích của thiền tuệ Phật giáo là nhìn nhận sự vật không chỉ đơn thuần dựa trên hình thù và tính chất mà nhìn sâu vào bản chất thực tại của sự vật, bấy giờ *'đất vẫn là đất'*, nhưng đất không phải là một thực thể cố định bất biến. Mà đất là sự hòa hợp của các yếu tố sắc, thậm chí trong đất vẫn có nước, lửa, và gió. Tức thấy bằng tuệ giác duyên sinh, tương tức và tương nhập. Các nhà bình luận giải thích rằng những người thường nắm bắt khi biểu thức thông thường 'nó là đất', và áp dụng điều này đến các đối tượng, sự nhận thức này được gọi là

‘nhận thức sai lầm’ (*saññāvipallāsa*). Vì thật chất của chúng nếu suy xét kỹ thì chúng luôn biến chuyển, thay đổi. Nhưng với tưởng tri thì luôn nghĩ rằng: vô thường là thường, đau khổ là vui, vô ngã cho là ngã, cấu uế bất tịnh như tịnh...³, đây là nhận thức sai lầm, vọng tưởng do đó dẫn đến khổ đau.

Thắng tri (Abhijānāti)

Là sự thấy biết rõ ràng với tuệ giác. Đây là cấp độ thấy biết trực tiếp các sự vật thông qua thiền định, và qua trí tuệ, mà không qua quá trình đối đãi của tư duy, thấy rõ tâm lý và vật lý là một chuỗi duyên sinh vô ngã. Với nhận thức này không có giới hạn, tách biệt, không chủ thể và đối tượng. Thắng tri còn được giải thích là cái thấy biết đặc biệt, cái biết tận sâu vào bản chất của mọi sự vật hiện tượng là vô thường, khổ và vô ngã⁴.

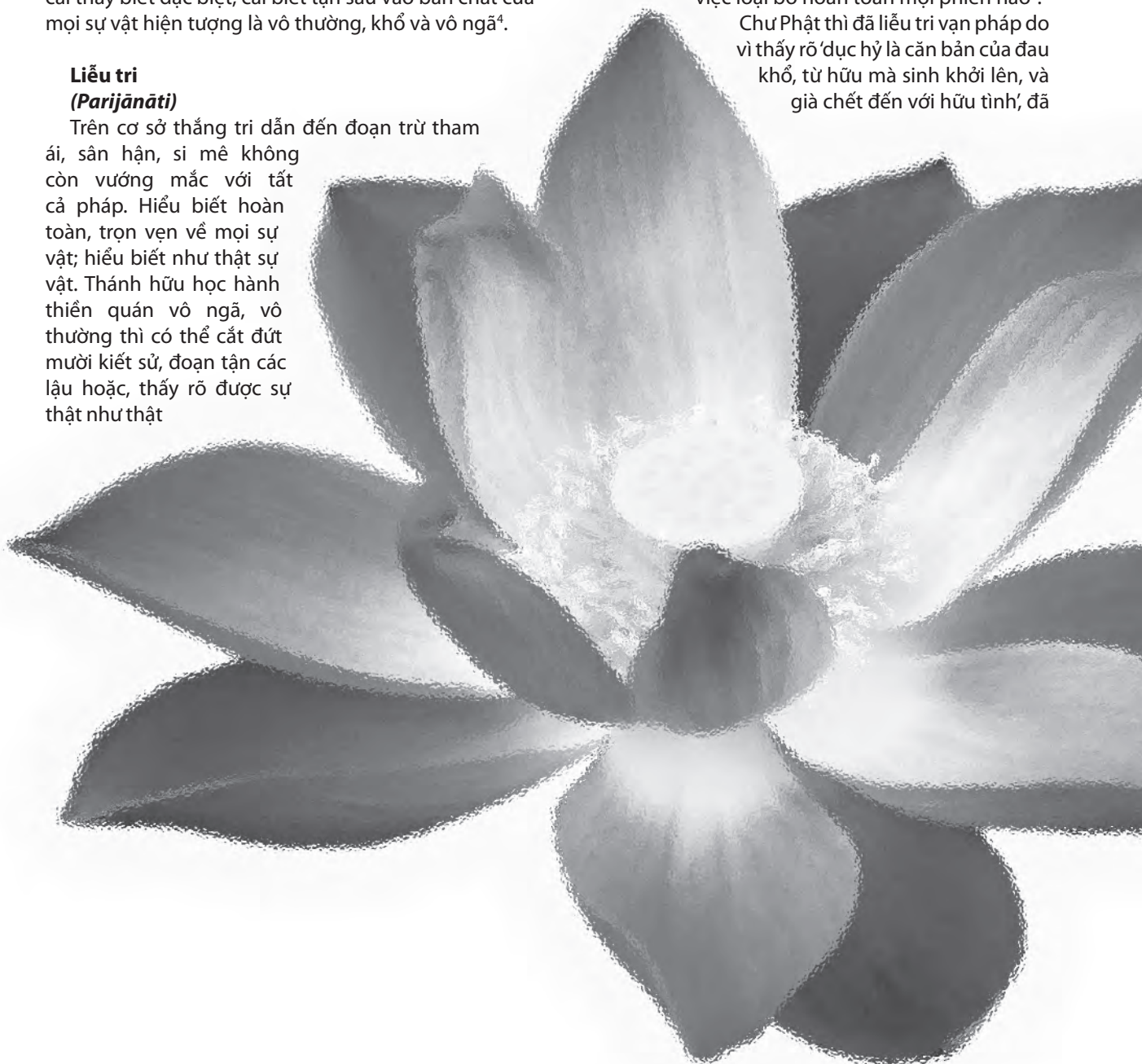
Liễu tri (Parijānāti)

Trên cơ sở thắng tri dẫn đến đoạn trừ tham ái, sân hận, si mê không còn vướng mắc với tất cả pháp. Hiểu biết hoàn toàn, trọn vẹn về mọi sự vật; hiểu biết như thật sự vật. Thánh hữu học hành thiền quán vô ngã, vô thường thì có thể cắt đứt mười kiết sử, đoạn tận các lậu hoặc, thấy rõ được sự thật như thật

của các hiện hữu (hữu vi và vô vi). Với các Thánh vô học, do đoạn tận tham mà liễu tri các pháp; tương tự, do đoạn tận sân, đoạn tận si mà liễu tri các pháp. Chỉ có các bậc A-la-hán, Bích chi và A-la-hán Chánh đẳng giác mới liễu tri sự vật.

Với những vị Thánh đệ tử được đào luyện cao hơn, Đức Phật khuyến khích rằng không nên an trú, bằng lòng với những trạng thái tinh thần mới đạt được. Mà phải thực hành hạnh xả ly, ly tham và đoạn diệt. Với thánh quả Dự lưu, do mới đoạn trừ được ba kiết sử đầu là thân kiến, nghi và giới cấm thủ. Nhưng những kiết sử sâu nặng khác như tham dục, mạn... chỉ có thể được đoạn tận ở đạo quả A-la-hán, vì vậy thánh hữu học vẫn thường dễ bị chi phối, thoái hóa. Trong khi đó, thắng tri và liễu tri thuộc đạo quả A-la-hán, vì nó liên quan đến việc loại bỏ hoàn toàn mọi phiền não⁵.

Chư Phật thì đã liễu tri vạn pháp do vì thấy rõ ‘dục hỷ là căn bản của đau khổ, từ hữu mà sinh khởi lên, và già chết đến với hữu tình’, đã



‘diệt trừ hoàn toàn các ái, hoàn toàn ly tham, hoàn toàn xả ly’ nên đã ‘chân chánh giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác’.

Như vậy, trí tuệ chân thật đó là thắng tri (*abhiñāṇā*) và liễu tri (*pariñāṇā*). Trí tuệ chân thật được ví như thuyền bát-nhã vượt qua đại dương sanh tử luân hồi, là ánh sáng rọi soi vô minh đen tối, là lương dược cho người tật bệnh. Trong *Mahāvedalla Sutta* cũng định nghĩa về trí tuệ cũng có nghĩa là thắng tri, cũng có nghĩa là liễu tri và cũng có nghĩa là đoạn tận.

Ba cấp độ của Trí tuệ

Có ba cấp độ của trí tuệ đó là:

- *Nhất thiết trí* của hàng Nhị thừa (Thanh văn), là trí hiểu biết tất cả những khía cạnh khác biệt của chư pháp; *Đạo chủng trí* của hàng Bồ-tát, trí biết được những con đường tu tập khác nhau; là trí hiểu biết khía cạnh toàn vẹn của chư pháp và, *Nhất thiết chủng trí* của chư Phật, trí huệ toàn hảo biết được tất cả khía cạnh của các pháp. Trí thông đạt tất cả những loại trí huệ khác.

Đầu tiên, *Nhất thiết trí* là sự hiểu biết đúng đắn về danh nghĩa, hoặc bản chất của vũ trụ. Đó là trí tuệ hiểu biết các khía cạnh chung của tất cả những kiếp sống, trí tuệ của hàng Thanh văn. Thứ hai, *Đạo chủng trí* là trí tuệ hiểu biết một cách chính xác về các sự vật hiện tượng, trí này có thể thấu hiểu tất cả những hiện tượng vô hạn của vũ trụ, là trí nhận biết tất cả các khía cạnh phân biệt đối xử của mọi sự hiện hữu, trí tuệ của Bồ-tát. Trí này thấu hiểu được các hiện tượng do đâu phát sinh, bằng cách nào để chúng sinh khởi, và kết quả cuối cùng của chúng là gì. Thứ ba, *Nhất thiết chủng trí* là trí tuệ nhận thức đầy đủ và hoàn hảo, trí này hiểu về sự thật của cuộc sống con người và vũ trụ mà không có sự nghi ngờ nhỏ hoặc lỗi, đó là trí tuệ của chư Phật. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni sở hữu tất cả ba loại trí tuệ này, Ngài hoàn toàn hiểu được chân lý của cuộc sống con người và vạn pháp⁶.

Ba con mắt

Trong *Tiểu bộ kinh*, Đức Phật dạy có ba con mắt đó là: *Nhục nhãn*, *Thiên nhãn* và *Tuệ nhãn*⁷.

Nhục nhãn là mắt thường của người đời, thấy được màu sắc và hình tướng, như chúng ta thường thấy.

Thiên nhãn (*dibba-cakku*) là loại mắt thanh tịnh thấy xa, song Thiên nhãn mới chỉ kiến đạo mà chưa đạt đạo.

Tuệ nhãn (*pāṇṇā-cakku*) là loại mắt vừa thấy đạo vừa đạt đạo.

Cấp độ nhận thức bằng tưởng tri và thức tri là thấy

biết bằng nhục nhãn; cấp độ thắng tri và liễu tri là pháp nhãn và tuệ nhãn. Cái biết của tưởng và thức còn mang nặng ngã tính, vọng tưởng nên cái thấy biết đó dễ đưa đến nhận thức sai lầm, như Duy thức học nói: nhìn dây hóa rắn.

Tuệ nhãn là cái thấy biết đúng như thật, thấy rõ ba pháp ấn: Khổ (*dukkha*), Vô thường (*anicca*) và Vô ngã (*anatta*) thể hiện trong cuộc đời không chấp thủ, sai lầm, và sống theo Tám chánh đạo (Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định). Đặc biệt, do đặc tính thâm nhập vào bản chất của các pháp, nên trí tuệ mới có khả năng tấn công vào tận hang ổ cuối cùng của bản ngã, như lập luận của ngài Acharya Buddhakkhita: “Ở đây, nếu có sự sáng suốt hoàn toàn, nhất thiết sẽ đặt cái gọi là ‘Ta’ đó là ánh sáng của những thực tại vô thường, khổ, vô ngã, như vậy mới tỉnh ngộ khỏi những ảo tưởng do sự suy đoán đó tạo ra”⁸.

Với cái nhìn trí tuệ, thông qua Thiền minh sát (*vipassanā*) chắc chắn sẽ thấy rõ cái bản chất thật của tự ngã là vô thường, khổ và vô ngã (không có thực thể), do đó thực hiện được giải thoát qua bốn quả vị Niết-bàn: Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn và Giải thoát (*Alaṅkāra*).

Tóm lại, việc giới thiệu các cấp độ nhận thức cho chúng ta thấy rõ tiến trình nhận thức từ phàm phu đến thánh quả. Khi nhìn nhận sự vật mở ra cho hành giả một lối thoát, không vướng kẹt vào các khái niệm phạm trù dẫn đến hoang tưởng, khổ não. Tập nhìn đời bằng con mắt thiên nhãn và tuệ nhãn để thấy xa trong rộng, mở mang sự hiểu biết, rộng mở cõi lòng. Chánh niệm trong cái thấy biết của tưởng tri để điều chỉnh nhận thức, an trú trong cái thấy biết của thắng tri và liễu tri để thấy như thật sự vật, tâm trong sáng thuần tịnh, an nhiên và tự tại. ■

Ghi chú:

1. Nhận thức, https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%ADn_th%E1%BB%A9c.
2. See, Maurice Walshe (trans.), *Digha nikāya, The Long Discourses of the Buddha*, Wisdom publications, Boston, 2012, p.594.
3. See, Bhikkhu Ñāṇamoli and Bhikhu Bodhi, (trans.), *Majjhima nikāya, The Middle Length Discourses of the Buddha*, Wisdom publications, Boston, (2009 fourth ed), p.1162.
4. Ibid, pp.1166-67.
5. Bhikkhu Ñāṇamoli and Bhikhu Bodhi, (trans.), *Majjhima Nikāya, The Middle Length Discourses of the Buddha*, Wisdom publications, Boston, (2009 fourth ed), p.1167.
6. Dr. Ch. Venkata Siva Sai, *Buddhist Education Theory and Practice*, Prashant Publishing House, Delhi, 2014, p.XIX.
7. Īhānissaro Bhikkhu, Itivuttaka, *This Was Said By The Buddha*, Printed For Free Distribution, Revised edition, 2013, p.40.
8. Acharya Buddhakkhita, *Mind Overcoming Its Cankers*, Buddhist Publication Society, Kandy Sri Lanka, 2004, p.109-10.

Suy tư về các bối cảnh trong cuộc sống

ĐỨC ĐẠT-LAI LẠT-MA
HOANG PHONG dịch

Suy tư về người đàn ông và người đàn bà

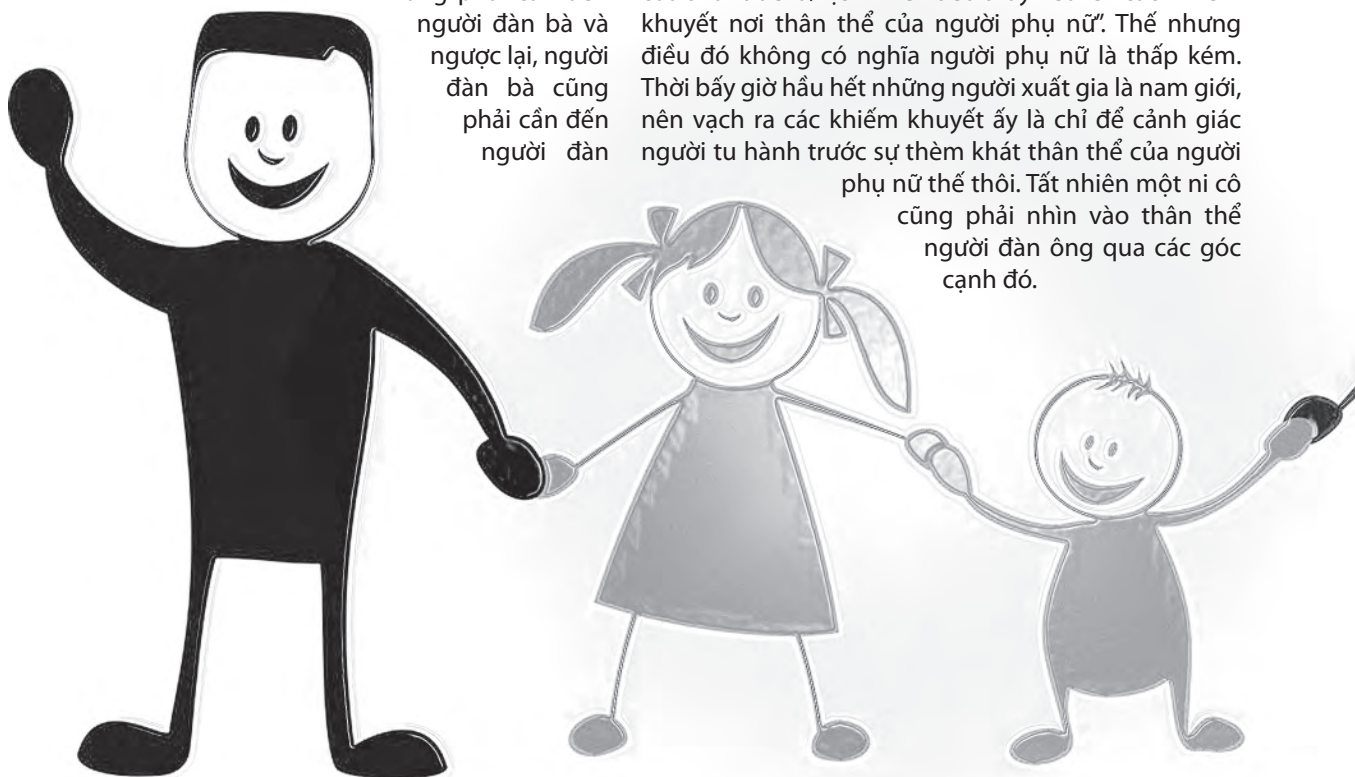
Giữa người đàn ông và người đàn bà tất nhiên là có một số khác biệt về mặt thể xác. Các khác biệt này lại đưa đến một số khác biệt khác trong lãnh vực xúc cảm. Thế nhưng trên căn bản thì sự suy nghĩ, các cảm giác cũng như những đặc tính khác liên quan đến bản chất con người giữa nam và nữ đều hoàn toàn giống nhau. Nam giới thích nghi hơn với các công việc cần đến sức lực, nữ giới thì lại khéo léo hơn trong các công việc cần đến sự suy nghĩ minh bạch và mau lẹ. Trái lại, trong các lãnh vực mà sự suy tư giữ một vai trò chủ động thì nam và nữ giới đều ngang hàng nhau.

Không có một sự khác biệt căn bản nào giữa người đàn ông và người đàn bà, vì thế thật hết sức hiển nhiên là cả hai phải có các quyền hạn ngang hàng nhau, mọi sự kỳ thị nam-nữ đều không thể chấp nhận được, dù là dưới bất cứ hình thức nào. Hơn nữa, người đàn ông phải cần đến người đàn bà và ngược lại, người đàn bà cũng phải cần đến người đàn

ông. Bất cứ ở đâu mà quyền hạn của người phụ nữ bị chà đạp thì chính họ phải tranh đấu, và người đàn ông phải bênh vực họ. Chính tôi đã từng đứng lên tranh đấu cho người phụ nữ Ấn được hưởng một số quyền hạn, chẳng hạn như được cấp sách đến trường, theo đuổi việc học hành đến khi thành đạt và được giao phó các chức vụ ngang hàng với nam giới.

Theo Phật giáo thì nam và nữ giới đều hàm chứa cùng một bản thể như nhau không chút khác biệt nào mà người ta gọi đó là Bản thể của Phật hay Tiềm năng Giác ngộ. Do đó họ hoàn toàn bình đẳng với nhau.

Sự kỳ thị nam và nữ vẫn còn xảy ra trong một số các truyền thống tín ngưỡng. Thế nhưng thật ra thì đây cũng chỉ là hậu quả gây ra bởi xã hội và các truyền thống văn hóa. Trong tập luận *Vòng Hoa Trân Quý* (Precious Garland/Ratnavali) của Nagarjuna/Long Thụ và tập thơ *Hành trình đến Giác Ngộ* (Bodhicaryavatara) của Shantideva/Tịch Thiên đều thấy nêu lên các “khiếm khuyết nơi thân thể của người phụ nữ”. Thế nhưng điều đó không có nghĩa người phụ nữ là thấp kém. Thời bấy giờ hầu hết những người xuất gia là nam giới, nên vạch ra các khiếm khuyết ấy là chỉ để cảnh giác người tu hành trước sự thèm khát thân thể của người phụ nữ thế thôi. Tất nhiên một ni cô cũng phải nhìn vào thân thể người đàn ông qua các góc cạnh đó.



Ở các cấp bậc tu tập cao thâm nhất trong Kim Cương thừa/Vajrayana, thì sự phân biệt giữa nam và nữ giới không những không còn xảy ra mà thành phần nữ tính còn được xem là giữ một vai trò vô cùng chủ yếu, đến độ sự khinh thường phụ nữ còn bị xem là vi phạm giới luật.

Suy tư về đời sống gia đình

Gia đình là đơn vị cơ bản nhất của xã hội. Nếu trong gia đình bằng bạc một bầu không khí an bình và nhân hậu thì cha mẹ, con cái, cháu chắt và có thể là cả các thế hệ về sau, đều sẽ được hưởng hạnh phúc và một cuộc sống hài hòa. Nếu cha mẹ có một niềm tin tôn giáo thì con cái cũng sẽ quan tâm đến tôn giáo. Nếu cha mẹ ăn nói lễ độ, biết giữ gìn đạo đức, thương yêu và kính trọng nhau, biết giúp đỡ những người lâm vào cảnh khó khăn, luôn quan tâm đến tất cả mọi người chung quanh, thì rất có thể con cái cũng sẽ bắt chước theo và hành xử như những người ý thức được trách nhiệm mình. Trái lại, nếu cha mẹ bất hoà, thường xuyên thóa mạ nhau, làm theo bất cứ ý nghĩ nào bùng lên trong tâm trí mình, không hề biết kính nể nhau, thì không những họ sẽ chẳng bao giờ tìm được hạnh phúc mà con cái cũng phải gánh chịu hậu quả do họ gây ra.

Với tư cách một người Phật giáo, tôi thường nói với người Tây Tạng là nếu thật sự có một nơi mà họ phải cố gắng khơi động và quảng bá giáo huấn của Đức Phật thì nơi ấy chính là gia đình. Đây là môi trường

mà cha mẹ phải phát lộ lòng tin của mình hầu cảm hóa con cái, và cũng là nơi mà mình phải tự biến cải chính mình hầu giúp mình trở thành những người hướng dẫn tinh thần. Cha mẹ không phải chỉ biết bày ra các ảnh tượng và bảo với con cái đây là vị thánh nhân mang tên này, đây là vị thánh nhân mang tên kia, mà phải giải thích cặn kẽ hơn: đây là vị thánh nhân biểu trưng cho lòng từ bi, đây là vị thánh nhân biểu trưng cho trí tuệ tối thượng, v.v. Nếu cha mẹ thấu triệt chính xác giáo huấn của Đức Phật thì sự hiểu biết đó của

họ tất nhiên sẽ tạo được các ảnh hưởng tích cực hơn đối với con cái. Điều này cũng đúng với các tín ngưỡng và tôn giáo khác.

Gia đình này lại tiếp tục ảnh hưởng đến gia đình kia, tiếp theo đó là các gia đình khác nữa, từ hàng chục sẽ nhân lên hàng trăm, hàng ngàn, sau cùng là toàn thể xã hội sẽ được lành mạnh hơn.

Trong các xã hội tân tiến ngày nay, một số người cho rằng không còn ai biết tôn trọng bất cứ một thứ gì nữa mà chỉ có những người sống trong các quốc gia kém phát triển về kỹ nghệ thì mới còn có một cung cách hành xử ý thức mà thôi, tuy nhiên chúng ta cũng nên dè dặt trước quan điểm này. Tại nhiều vùng sâu trong rừng Hy-mã-lạp-sơn tại Ấn Độ chẳng hạn, công nghệ tân tiến gần như chẳng có gì, thế mà không mấy khi xảy ra trộm cắp hay án mạng, dân chúng an phận với những gì mình có. Hơn thế nữa còn có những nơi mà mỗi khi đi vắng thì người nhà vẫn không khóa cửa, để dự trù nếu có khách đến thăm trong khi mình vắng nhà thì họ có chỗ tạm trú, nấu ăn, nghỉ ngơi để chờ mình về. Trái lại trong các thành phố lớn, chẳng hạn như Delhi, tội ác nhan nhản, con người chẳng bao giờ hài lòng với số phận mình, tình trạng đó đưa đến vô số các vấn đề nan giải. Thế nhưng theo tôi nếu căn cứ vào các nhận xét trên đây để nhất quyết không phát triển kinh tế mà phải quay lại với tình trạng lạc hậu, thì đấy cũng sẽ là một sự sai lầm khác.

Bản tính ngoan ngoãn và nề nang kẻ khác mà người ta nhận thấy trong các xã hội truyền thống thường là do sự nhịn nhục để được yên thân, hoặc cũng có thể là một sự cam phận tạm thời khi họ chưa có một ý niệm nào về các lối sống khác mà mình có thể thực hiện được. Hãy cứ hỏi những người du mục Tây Tạng xem họ có muốn tránh cái rét của mùa đông, tìm được sự ấm áp mà túp lều và các vật dụng trong đó không bị khói bám đen, được chăm sóc thuốc men mỗi khi đau ốm, được xem truyền hình về những gì xảy ra ở những nơi tận cùng của thế giới hay không? Tôi có thể đoán chắc về câu trả lời của họ.

Tiến bộ kinh tế và kỹ thuật là điều nên làm và thật ra thì cũng thật cần thiết. Sự tiến bộ đó phải nhờ vào rất nhiều yếu tố hết sức phức tạp thường vượt khỏi sự chủ động của chúng ta. Quả hết sức ngậm thơ khi nghĩ rằng phải tìm cách làm cho mọi sự tiến bộ tức khắc dừng lại thì mới có thể giải quyết đồng loạt được tất cả mọi khó khăn. Thế nhưng cũng thật rõ ràng là không nên đưa ra bất cứ một biện pháp thiếu thận trọng nào. Bất cứ một giải pháp nào cũng phải đi kèm với các giá trị đạo đức. Là con người chúng ta phải nhận lãnh trách nhiệm đó, tức là phải thực hiện cùng lúc cả hai chủ đích (tiến bộ và đạo đức). Đây là chiếc chìa khóa giúp chúng ta bước vào tương lai một cách vững vàng hơn. Một xã hội thực hiện được sự liên kết giữa phát triển vật chất và tiến bộ tinh thần mới mong mang lại hạnh phúc thật sự.



Gia đình phải giữ một vai trò chủ yếu. Nếu trong gia đình lan tỏa một sự an bình thật sự và ngoài sự cảm thông mọi người còn tìm thấy cả các giá trị đạo đức đích thật, biết sống ngay thẳng và vị tha, thì khi đó mới mong kiến tạo được phần còn lại của xã hội. Theo tôi, trọng trách mà gia đình phải gánh vác thật vô cùng lớn lao.

Điều chủ yếu nhất là các đứa trẻ phải được nẩy nở một cách thật sự, có nghĩa là phát huy được các phẩm tính căn bản của con người, tạo được một cung cách hành xử cao quý, phát động được tinh thần tương trợ cao độ, nhận thấy sự liên hệ giữa mình và những gì đang xảy ra chung quanh mình, hầu biến mình thành một tấm gương cho kẻ khác trông vào. Các đứa trẻ ấy sau này mới có thể đảm trách nhiệm vụ của mình một cách hoàn hảo và hội đủ khả năng dạy dỗ các thế hệ lớn lên sau mình. Khi về già dù phải trở thành những vị giáo sư lộm khộm với cặp kính mắt dày cộm nhưng họ sẽ vẫn còn giữ được các thói quen tuyệt đẹp của ngày còn trẻ trung! Tôi luôn vững tin vào điều đó.

Nếu gia đình muốn thực hiện được lý tưởng đó thì người đàn ông cũng như người đàn bà không nên chỉ biết quần quýt vì vẻ đẹp trên thân thể, vì giọng nói hay dáng dấp bên ngoài của nhau, mà trước hết phải cố gắng tìm hiểu nhau. Khi nào cả hai cùng khám phá ra một số các phẩm tính của nhau, cảm nhận được tình yêu giữa nhau, thì khi đó tình yêu ấy mới được ghép thêm sự nể nang và tương kính, và cuộc sống lứa đôi nhờ đó mới có nhiều cơ may được hạnh phúc và lâu bền hơn.

Ngược lại, nếu cả hai sống chung với nhau chỉ vì lạc thú, có nghĩa là vì sự bám víu dục tính, thì điều đó chẳng khác gì mấy với cách cư xử của các cô gái điếm, cả hai không cần biết đến tánh tình nhau, giữa nhau không có một sự kính trọng nào, cả hai chỉ biết yêu nhau khi nào sự thèm khát còn thúc đẩy. Thế nhưng một khi chẳng còn gì mới lạ giữa hai người để kích thích nhau, khi tình yêu không còn đi đôi với sự quý mến sâu xa giữa hai người với nhau, thì quả khó để cùng sống chung trong hạnh phúc. Thứ tình yêu đó quả là mù quáng, đến một lúc nào đó thì mọi sự sẽ trở thành ngược lại. Nếu có con với nhau thì những đứa bé ấy sẽ không hề biết đến sự triu mến là gì. Thật hết sức quan trọng là mỗi người phải ý thức được các điều trên đây trước khi quyết định sống chung với một người khác.

Một hôm tại San Francisco tôi có gặp một vị tu sĩ Ki-tô giáo, cố vấn hôn nhân cho những người trẻ tuổi. Vị này khuyên họ trước hết nên quen biết thật nhiều bạn trai và bạn gái, sau đó thì mới nên chọn lựa. Không nên quyết định ngay sau một cuộc gặp gỡ đầu tiên, vì đấy cũng có thể là một sự sai lầm. Theo tôi lời khuyên này rất hữu lý.

Phải hiểu rằng sau khi lập gia đình thì một người sẽ trở thành hai. Ngay cả lúc còn độc thân, những gì mình

suy nghĩ vào buổi tối đôi khi cũng có thể trở thành ngược lại vào buổi sáng hôm sau. Hướng chỉ khi đã trở thành hai người thì sự trái ngược về quan điểm cũng có thể sẽ xảy ra bất cứ lúc nào. Nếu người này hay người kia chỉ biết bám chặt vào cách suy nghĩ của mình, không cần biết đến quan điểm của người phối ngẫu, thì cuộc sống lứa đôi sẽ khó có thể thuận buồm xuôi gió được.

Bắt đầu từ lúc sống chung với một người khác thì phải đối xử với tất cả sự thương mến của mình và phải luôn quan tâm đến quan điểm của người ấy. Dù chuyện gì xảy ra thì mỗi người đều phải nhận lãnh phần trách nhiệm của mình. Cuộc sống lứa đôi nào có phải là chuyện của một người đâu.

Người chồng phải chiều chuộng người vợ, người vợ phải chiều chuộng người chồng. Nếu người này không thực hiện được những điều mà người kia mong đợi thì tất sẽ đưa đến bất hòa và tan vỡ. Nếu chưa có con với nhau thì cũng chưa hẳn là một thảm họa. Cả hai đưa nhau ra tòa, điئن vào các tờ khai in sẵn, phí tổn chỉ là một ít giấy mực. Ngược lại, trong trường hợp đã sinh con đẻ cái thì suốt đời các đứa bé ấy sẽ bị ám ảnh bởi một thứ cảm tính đau buồn nào đó.

Nhiều cặp vợ chồng ly dị nhau, đôi khi cũng có cái lý của họ. Thế nhưng theo tôi thì tốt hơn và trước hết nên cố gắng làm tất cả những gì mà mình có thể làm được để tiếp tục sống chung với nhau trong hạnh phúc. Tất nhiên điều đó đòi hỏi thật nhiều cố gắng và suy nghĩ. Nếu sự chia tay không sao tránh khỏi được thì cần nhất là đôi bên phải giữ được sự êm thấm, không nên tạo thêm cho nhau một sự đau buồn nào cả.



Nếu muốn sống chung với một người khác thì phải thật lòng và nhất là không nên hấp tấp. Một khi đã sống chung với nhau thì phải ý thức bốn phận mình trong cuộc sống lứa đôi. Gia đình là chuyện hệ trọng. Hãy làm tất cả những gì có thể làm được để cùng mang lại hạnh phúc cho cuộc sống chung, phải chu cấp đầy đủ cho gia đình, dạy dỗ con cái để bảo đảm tương lai cho chúng.

Nên xem phẩm chất quan trọng hơn số lượng. Đó cũng là nguyên tắc hành xử chung trước bất cứ một cảnh huống nào xảy ra trong cuộc sống. Trong một ngôi chùa dù chỉ có một vài nhà sư thế nhưng nếu họ là những người nghiêm túc thì dĩ nhiên là vẫn tốt hơn. Nơi học đường cũng vậy, điều quan trọng không phải là có đông học trò mà phải là các học trò lễ độ, không hư hỏng. Trong gia đình, điều chủ yếu không phải là đông con mà là những đứa con lành mạnh, được dạy dỗ cẩn thận.

Suy tư về cuộc sống độc thân

Có nhiều cảnh huống độc thân khác nhau. Có những người tu hành tự nguyện tiết dục, thế nhưng cũng có những người thế tục không màng đến cuộc sống lứa đôi. Có nhiều người cố tình chọn cho mình cuộc sống độc thân, nhưng cũng có những người khác đành phải chấp nhận hoàn cảnh ấy ngoài sự mong muốn của mình. Nhiều người tìm được hạnh phúc trong cảnh độc thân, nhưng cũng có nhiều người khổ sở trong hoàn cảnh đó.

Cuộc sống lứa đôi có nhiều thuận lợi nhưng cũng tạo ra lắm vấn đề khó khăn. Chẳng hạn phải dành ra nhiều thì giờ chăm lo cho người phối ngẫu, nếu có con thì lại phải chăm sóc chúng, phải luôn bên cạnh chúng, tiêu xài nhiều hơn, làm việc nhiều hơn, phải giao du với các gia đình khác, v.v.

Những kẻ sống đơn độc có một cuộc sống thường giản dị hơn, chỉ có một cái bao tử để nhét thức ăn, bốn phận cũng ít hơn, hoàn toàn tự do muốn làm gì thì làm. Nếu muốn tìm hiểu hay bước theo một con đường tâm linh nào thì hoàn toàn tự do và dù phải đi đến đâu cũng vậy, tất cả đều tùy ý mình muốn tìm hiểu gì hay bước đi đâu. Chỉ cần một túi hành trang là cũng đủ và mình có thể tha hồ lưu lại nơi mình thích lâu hay mau. Cuộc sống độc thân cũng có thể là một quyết định thuận lợi trong chiều hướng giúp mình thực hiện những gì mình mong muốn hiệu quả và tự do hơn.

Một số đàn ông buộc lòng phải sống độc thân vì không tìm được vợ. Một số phụ nữ thì mong mỏi chết người đi được mà không tìm ra một người bạn đời. Những hoàn cảnh éo le ấy đôi khi xảy ra chỉ vì mình nhìn quá nhiều vào chính mình và đòi hỏi quá đáng ở kẻ khác. Nếu biết chọn một thái độ ngược lại, tức là mở rộng lòng mình với kẻ khác, đồng thời bớt quan tâm đến các khó khăn của riêng mình, thì tự nhiên mình sẽ thu hút được các phản ứng tích cực hơn nơi kẻ khác.

Suy tư về cuộc sống tập thể

Theo tôi, cuộc sống tập thể nếu được thực hiện dựa vào sự tự nguyện thì tốt hơn cả. Cuộc sống đó thật chính đáng bởi vì con người từ bản chất vốn đã sống lệ thuộc vào nhau, người này cần đến người kia. Sống tập thể cũng tương tự như cùng sinh hoạt trong một gia đình đồng đức, lối sống đó có thể đáp ứng được các đòi hỏi của chúng ta.

Khi quyết định tham gia vào sự sinh hoạt của một tổ chức nào đó thì cũng có nghĩa là mình tìm thấy một số phẩm tính nơi tổ chức đó. Tất cả mọi người cùng sinh hoạt với nhau. Hằng ngày mỗi người quán xuyến công việc của mình và đồng thời cũng được hưởng kết quả mang lại từ sự cố gắng của các người khác. Theo tôi, giải pháp đó rất thiết thực.

Trong sự sinh hoạt của bất cứ một tổ chức nào cũng vậy, thường xảy ra các quan điểm đối nghịch nhau. Theo tôi thì đây là một lợi điểm. Càng có nhiều quan điểm khác biệt nhau thì lại càng có dịp để học hỏi các cách nhận định mới lạ của kẻ khác hầu cải thiện sự hiểu biết của riêng mình. Nếu cứ khăng khăng tìm cách tranh giành được thua với những người suy nghĩ khác hơn với mình, thì mọi sự sẽ chuyển hướng khác đi. Không nên bám chặt vào các ý nghĩ của riêng mình mà phải đối thoại với kẻ khác bằng một thái độ thật cởi mở. Nhờ đó chúng ta mới có thể đối chiếu các quan điểm trái ngược nhau để có thể đi đến một sự hiểu biết mới lạ hơn.

Bất cứ nơi nào, trong gia đình hay ngoài xã hội, điều hết sức quan trọng là phải đối thoại với nhau. Ngay từ lúc còn trẻ, mỗi khi xảy ra cãi vã thì phải tránh các ý nghĩ tiêu cực, chẳng hạn như: "Ta phải làm gì đây để thanh toán tên này mới được". Dù không hạ mình đến độ tự hỏi xem mình phải làm gì để tiếp tay với hắn, thế nhưng ít ra cũng phải lắng nghe xem hắn muốn nói lên điều gì. Hãy tập phản ứng theo cung cách đó. Nơi học đường cũng như trong gia đình, mỗi khi bùng lên sự cãi vã thì tức khắc hãy cùng nhau thảo luận và dựa vào những lời đối thoại đó để cùng nhau suy nghĩ thêm.

Chúng ta thường có thói quen cho rằng bất đồng chính kiến tự nó là một sự xung đột, và nếu đã là xung đột thì nó cũng chỉ có thể chấm dứt khi nào có một kẻ thắng và một người thua, hoặc như người ta thường nói là khi nào sự kiêu hãnh đã bị triệt hạ. Chúng ta không nên nhìn vào mọi sự qua góc cạnh đó mà hãy tìm cách tạo ra một sự đồng thuận. Điều chủ yếu nhất là phải tức khắc quan tâm đến quan điểm của người khác. Thật hết sức hiển nhiên là tất cả chúng ta đều có thể làm được điều đó. ■

Nguồn: 365 lời khuyên tâm huyết của đức Đạt-lai Lạt-ma - Cẩm nang cho cuộc sống ngày nay (365 Méditations quotidiennes du Dalai-Lama pour éclairer votre vie) do Đức Đạt-lai Lạt-ma và ngài Matthieu Ricard thực hiện.

Đạo đức

Còn nhiều nỗi băn khoăn

NGUYỄN CÂN

Từ vết xước văn hóa...

Chuyện ở Hà Nội kể rằng một số người dân sau Hội nghị thượng đỉnh Mỹ Triều lén bẻ trộm cây, hoa trang trí quanh khách sạn JW Mariot được camera an ninh ghi thành clip với hình ảnh trộm mai, trộm đào, trộm cả những chậu cúc bé tí khiến không ít người xem thấy buồn cười tự hỏi: *"Trộm những cành hoa, những chậu hoa ấy làm gì nhỉ, chẳng lẽ đem bán?"*; lại thấy xấu hổ vì có cả những quý bà đi xe hơi, lén lút lấy chậu cây cao chỉ gang tay! Và chuyện gần đây, 16 trong tổng số 18 pho tượng La-hán tại chùa Khánh Long (xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội) bị kẻ xấu đập phá bẻ tay bẻ chân, khiến các Phật tử và người dân địa phương vô cùng bức xúc.

Rồi chuyện ở Huế, mặc dù luật đã quy định, nhưng đến thời điểm này, dường như chưa có đối tượng viết vẽ, chạm khắc lên di sản bị đưa ra xử phạt bằng Luật Di sản văn hóa. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế quản lý hệ thống di tích triều Nguyễn đã triển khai nhiều biện pháp để bảo vệ, nhưng đến nay vẫn chưa thể ngăn chặn triệt để tình trạng người dân viết, vẽ, dán quảng cáo bừa bãi lên di sản. Trên lưng con rùa đội bia đá ở chùa Thiên Mụ có hàng trăm, thậm chí là hàng nghìn cái tên được khắc sâu vào mặt đá. Điều đáng buồn, những dẫn chứng trên không phải là cá biệt. Nó hiện diện nhiều nơi trên những cổng thành, bức tường rêu trong Đại Nội, trên các lăng vua, các tấm bia đá ở Văn Miếu, chùa Thiên Mụ, phía sau tượng Phật đứng ở cầu Tuần...

Và chuyện ở TP.HCM, sáng 10/4/2019 theo trang mạng *Dân Trí*, nguồn tin từ Công an quận 1 xác nhận có xảy ra vụ việc chiếc xe tải làm rơi khoảng 10 thùng bia lon xuống đường Nguyễn Thái Học, đoạn qua địa bàn phường Cầu Ông Lãnh, quận 1 và người dân đã xúm vào lấy sạch.

Chỉ bốn vụ việc ở ba địa phương lớn đã khiến chúng ta cảm thấy văn hóa ứng xử hiện nay tồn tại nhiều vấn đề đáng lưu tâm vì đó là hành động của những người trưởng thành, hoàn toàn ý thức về việc mình làm, trách sao con trẻ trong học đường không mạnh dạn, quay cóp, dùng vũ lực xử lý nhau!

Đến vết thương đạo đức

Ngày 10/4/2019, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng gặp mặt đại diện Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông nói, với những thông tin trên mạng, ông thấy rất xót xa khi đạo đức xuống cấp. "Đạo đức là nền tảng tinh thần. Càng kinh tế thị trường thì càng phải quan tâm giữ gìn văn hóa, đó là bản chất của chủ nghĩa xã hội". Trong phiên chất vấn của Quốc hội, đại biểu Đinh Thị Kiều Trinh đề nghị Bộ trưởng Văn hóa-Thể thao & Du lịch Nguyễn Ngọc Thiện cho biết các giải pháp để khắc phục tình trạng đạo đức xã hội, gia đình đang xuống cấp nghiêm trọng. Thừa nhận thực trạng này, Bộ trưởng Thiện cho rằng nhiều giá trị tốt đẹp của dân tộc bị mai một; tình trạng suy thoái đạo đức trong cán bộ, đảng viên gia tăng; đạo đức nghề nghiệp sa sút; gian lận trong học hành, bằng cấp; tình trạng chạy chức chạy quyền; bạo lực gia đình, bạo lực với người cao tuổi... đang diễn ra.

Cụ thể chỉ xem một trang tin trên mạng, chúng ta không khỏi rùng mình trước những tội ác đã xảy ra quanh ta gần đây.

Vụ án Cao Mỹ D, nữ sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên bị năm (hay nhiều hơn) kẻ man rợ bắt nhốt, cưỡng bức, giết hại và phi tang... lúc đi giao gà chiều 30 Tết (ngày 4.2.2019) đã gây chấn động dư luận bởi hành vi đầy thú tính coi thường pháp luật của các đối tượng gây án. ... Tuần qua, vụ cô gái 18 tuổi ở Bình Chánh (TP.HCM) bị một nhóm người đánh đập tra khảo hơn 20 ngày đến hư thai vì món nợ chỉ có 1 triệu 6 của anh mình! Còn những tin tiếp theo trong ngày như: Nghi can hãm hại nữ du học sinh tại Sài Gòn bị bắt; Kẻ giết người chọn cơ sở cai nghiện làm nơi trốn truy nã; Người xâm hại bé gái 11 tuổi trong ngõ vắng ở Hà Nội bị bắt... Hầu như ngày nào cũng xảy ra vài chuyện hình sự, còn những vụ ấu dâm, quấy rối tình dục... thì nhan nhản; có nhiều vụ xử quá nhẹ chưa đủ sức răn đe. Theo thống kê của Bộ Công an, năm 2018, toàn quốc xảy ra trên 1.500 vụ xâm hại trẻ em; trong đó, hơn 1.200 vụ án xâm hại tình dục trẻ em (chiếm 82% so với tổng số vụ xâm hại trẻ em) với 1.230 người phạm tội có hành vi xâm hại tình dục trên 1.100 em.



Nguồn: dotchuoinon.com

Đây là những vụ việc biểu hiện sự xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức, lối sống của nhiều thành phần, kể cả những kẻ giàu có, trong xã hội hiện nay. Việc xử lý nghiêm minh là phải làm. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là làm thế nào để bảo vệ nền tảng đạo đức xã hội, lấy lại niềm tin của người dân vào hệ thống pháp luật, đạo đức xã hội là điều cần lưu tâm, đáng bàn sau những chuyện này.

Đi tìm nguyên nhân

Ý kiến đại biểu Quốc hội

Trong phiên họp Quốc hội, Bộ trưởng Thiện cho rằng để nâng cao truyền thống văn hóa, đạo đức cần phải có sự đồng hành của toàn xã hội, bởi "Tồn tại xã hội quyết định hình thức xã hội; nếu giải quyết lĩnh vực văn hóa mà bỏ kinh tế sang một bên thì không được, vì kinh tế là cái gốc". Không đồng ý với ý kiến của Bộ trưởng Thiện, đại biểu Nguyễn Quang Tuấn, Giám đốc Bệnh viện Tim Hà Nội, cho rằng: "... tiền không thể mua được văn hóa, không thể mua được đạo đức xã hội... Tại sao khi xã hội nghèo, khó khăn thì đạo đức được duy trì và văn hóa rất tốt. Bây giờ thoát nghèo, trở thành xã hội có thu nhập trung bình thì nền tảng đạo đức lại xuống cấp trầm trọng?". Theo ông Tuấn, con người có đạo đức, nhân cách thì hình thành từ gia đình, bố mẹ là tấm gương cho các con, thầy cô cũng phải là tấm gương cho học trò, tiên học lễ hậu học văn;

đây là việc quan trọng để ngăn chặn sự xuống cấp của đạo đức xã hội.

Không tranh luận, Bộ trưởng Nguyễn Ngọc Thiện giải thích thêm "... văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế xã hội. Từ trước đến nay nói đến đạo đức xã hội là giao cho ngành văn hóa và các ngành xã hội, quan điểm xử lý vấn đề nếu vẫn như vậy thì việc khắc phục sự xuống cấp đạo đức xã hội sẽ khó. Tôi nói rằng cả xã hội phải vào cuộc. Chính sự xuống cấp đạo đức xuất phát từ các ngành kinh tế, cần xử lý ở các lĩnh vực chứ không riêng ngành xã hội, nếu cứ để ngành văn hóa loay hoay thì không giải quyết được vấn đề xuống cấp đạo đức".

(ghi nhận theo Nam Phương, VN Express, 30/10/2018)

Trong bài phát biểu ở một kỳ họp Quốc hội, đại biểu Võ Thị Dung đã đề cập tới bảy vấn đề hệ trọng mà đất nước đang phải đối mặt, trong đó ngoài nỗi lo ngoại xâm từ phía Bắc, nỗi lo nội xâm là nạn tham nhũng và tình trạng lãng phí, thì nỗi lo thứ ba là về suy thoái đạo đức xã hội. Đạo đức giả ngày càng lấn át đạo đức thật, chủ nghĩa thực dụng ngày càng phổ biến trong xã hội. Tính tham lam, ích kỷ, tệ dối trá, lừa đảo, cướp giật, giết người... mất an toàn trong vệ sinh an toàn thực phẩm và một số tệ nạn khác đang tạo ra sự bất an cho nhân dân.

Pháp luật chưa thực hiện hết quyền hạn

Theo thiên ý chúng tôi, có hiện tượng xem thường kỷ cương phép nước ở những kẻ có chức có quyền vì dựa vào sức mạnh quan hệ hay thậm chí... đồng tiền. Có những vụ án xử nhưng không được dư luận đồng tình vì quá nhẹ hay quá nặng: Ví dụ vụ hai thiếu niên cướp một bịch chuối sấy, ổ bánh mì ngọt và ba bịch me ở Sài Gòn, trị giá khoảng 45.000 đồng, bị tuyên án lần lượt là 10 tháng tù và 8 tháng 20 ngày tù - về tội cướp giật tài sản - dù thời điểm phạm tội cả hai đều chưa thành niên!

Trong khi nguyên Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chỉ bị tuyên án ba năm về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” gây thất thoát 15.000 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam (VNCB).

Còn nhiều trường hợp khác vì lý do “nhân thân tốt” hay “có tình tiết giảm nhẹ” nên bản án không đủ sức răn đe khiến người phạm tội phải sợ hãi không dám làm.

Nên chăng, siết chặt kỷ cương tuân thủ pháp luật trong mọi lãnh vực xây dựng, kinh doanh, y tế để những kẻ làm công trình kém chất lượng, làm hàng gian hàng giả phải bị trừng phạt, những kẻ trục lợi trên đầu người dân qua dịch vụ y tế hay cung cấp suất ăn cho các trường học phải nghiêm túc và có trách nhiệm...

Cơ chế còn bất cập

Phải chăng cơ chế còn có chỗ bất cập nên tình trạng tham nhũng vẫn còn dù có một số vụ việc được công bố và xử lý? Giáo sư Trần Ngọc Đường đề nghị cần phải tiếp tục xây dựng và tăng cường hơn nữa cơ chế kiểm soát quyền lực, “Dư luận xã hội mong muốn Đảng tăng cường kiểm soát quyền lực chính trị của mình, nếu không sẽ bị sự thao túng của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương”.

Chấm dứt tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, không dựa trên đạo lý, không dựa trên pháp luật, mà bằng phe nhóm, ý thế, ý quyền, ý vào giai cấp, ý vào quyền lực cha ông... Luật sư Trần Quốc Thuận, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội từng cho rằng chính cái “... cơ chế hiện nay đang tạo kẽ hở cho tham nhũng! Nhưng cái mà chúng ta mất lớn nhất lại không phải là mất tiền, mất của, dù số tiền đó là hàng chục tỉ, hàng trăm tỉ. Cái lớn nhất bị mất, đó là đạo đức”.

Vai trò môn Công dân giáo dục và làm gương

Tình trạng lỏng lẻo trong quản lý bạo lực học đường và cả bạo lực xã hội khiến các nhà hoạch định chính sách, thiết kế chương trình phải xem lại những lỗ hổng quá lớn. Rồi trong gia đình thì cha mẹ, anh chị, sau đó cả thầy cô cũng phải làm gương giáo dục con trẻ. Chúng ta có vui không khi hình ảnh người Việt Nam hiện ra xấu xí không chỉ trong mắt nhau mà trong mắt

thế giới với những hành vi tranh giành, vứt rác, khạc nhổ, ăn cắp vặt trong siêu thị tại Nhật Bản, Thái Lan...

Như vậy thiếu sót xuất phát từ triết lý, chương trình, phương pháp giáo dục... tư cách thầy cô và cung cách quan chức hỗ trợ cho xã hội ra sao... rồi vấn đề phương tiện truyền thông, báo chí đưa việc tốt, việc xấu trong xã hội như thế nào... để cho xã hội đi vào nền nếp, trật tự, trở thành một xã hội văn minh.

Văn hóa là gốc của đạo đức

Trong một bài viết trước đây “Văn hóa Việt Nam - đòi điều suy ngẫm”, chúng tôi đã đề cập đến thủy chuẩn văn hóa chúng ta hiện nay đang ở mức thấp, rất thấp, khi so sánh những mối quan tâm hàng ngày qua việc tìm kiếm trên internet... Tất cả đều phản ánh thực trạng dân khí suy yếu, mất định hướng từ trong tư duy; người đi học thì cũng nhiều, nhưng hiểu lẽ đời, biết phân biệt phải trái... thì chẳng có bao nhiêu! Người ta trở nên ích kỷ, bất chấp đạo lý trong đời sống hay kinh doanh, sẵn sàng làm tổn hại người khác để mưu lợi cho mình...

Chúng tôi xin nhắc lại một ý trong bài viết đó “Muốn xây dựng con người văn hóa mới, phải chú ý trước hết ở phần tâm và trí... Đó là con người tôn trọng luật pháp, có lý tưởng sống, tuân theo lương tâm và theo một tôn giáo nào đó, nếu muốn. Tôn giáo vốn được xem là một môi trường tốt huân tập tâm hồn con người với những bài giảng về từ bi hay bác ái. Nhưng ngay cả người vô thần thì cũng phải sống có văn hóa, nghĩa là phải theo lương tâm. Anh ta cũng không thể nhân danh vô thần không tin vào kiếp sau, vào luân hồi, hay vào quả báo mà có thể ăn cướp, tước đoạt, gây hại cho kẻ khác được.

Nói theo Đức Đạt-lai Lạt-ma thì, “Trong thời đại khoa học ngày nay nhiều người cho rằng theo những tôn giáo là vô nghĩa, vậy thì cơ sở nào cho những giá trị như thế? Theo tôi, mặc dầu nhân loại có thể sống mà không cần tôn giáo, nhưng không thể sống mà không có những giá trị bên trong... Đạo đức và các giá trị bên trong không có nội dung tôn giáo giống như nước, là thứ mà chúng ta cần hàng ngày để sống còn và khỏe mạnh. Đạo đức và các giá trị bên trong, trong bối cảnh tôn giáo, giống như trà... Nhưng dù trà được pha chế thế nào thì thành phần chính vẫn là nước. Trong khi chúng ta có thể sống mà không có trà, chúng ta không thể sống thiếu nước. Tương tự, chúng ta sinh ra không có tôn giáo nhưng chúng ta không sinh ra mà lại không có nhu cầu về lòng từ bi...”.

(Đạt-lai Lạt-ma - *Bên ngoài tôn giáo*, bản dịch Trần Ngọc Bảo, 2015)

Chúng ta không thể tách rời mối liên hệ giữa hạnh phúc của chúng ta với hạnh phúc cộng đồng. Phải chăng đó là ý nghĩa của tương tức tương sinh (*interbeing*) trong nhà Phật. Tóm lại, dù không có tôn



Nguồn: tuyengiao.vn

giáo, người ta vẫn phải tôn trọng các nguyên tắc phát triển nhân tính, dựa trên nhân bản và vì nhân sinh. Bất cứ một nền văn hóa nào không lấy yếu tố con người làm trọng tâm sẽ thất bại. Tại sao chúng ta không phát huy cái đẹp văn hóa vốn có của người Việt Nam: lạc quan, chân thực, kiên trung, cần mẫn, thông minh, vị tha, bao dung... mà để những phẩm chất ấy phai mờ trở thành những kẻ giả dối, gian trá, độc ác, vị lợi, chấp nhất, hẹp hòi...”

(Nguyễn Cẩm - Cứu nguy văn hóa
Văn Hóa Phật Giáo số 247 ngày 15/4/2016)

Ngoài ra, chúng ta cũng nên biết yếu tố văn hóa sẽ thúc đẩy sự thành công trong kinh tế. David Landes kết luận rằng “Tính tiết kiệm, làm việc chăm chỉ, bền bỉ, trung thực và bao dung là những yếu tố tạo nên sự khác biệt” (*The Wealth and Poverty of Nations*). Max Weber thì cho rằng sau cùng thì thái độ xã hội và giá trị văn hóa có tiếng nói quyết định đến việc một nền kinh tế thành công hay thất bại.

Vậy là nâng cao dân trí trở thành nguyên lý hành động của mọi người và của các cấp lãnh đạo... Phân tích mọi mặt đời sống của mình và những người chung quanh, gạt bỏ bệnh thái tâm lý xa hoa, tinh tiến về tri

thức và nhận thức, tu dưỡng nếp sống mới, nhân sinh quan mới, tận dụng thời gian, vui hưởng cuộc sống thanh bạch hàng ngày, làm việc hết sức mình nhưng không thái quá, tri túc để biết sống nếp sống giản dị thanh đạm, phù hợp với mức thu nhập và điều kiện chung quanh, sống không tranh chấp, cùng nhau tiến bộ... Chúng ta hiểu rằng không bao giờ văn hoá suy đồi mà kinh tế phát triển. Văn hoá bao giờ cũng là động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế; mặt khác, kinh tế phát triển là mảnh đất thuận lợi cho sự phát triển văn hóa của cộng đồng. Lịch sử thế giới cũng như nước Việt Nam đã chứng minh nguyên lý đó.

Sự thịnh vượng kinh tế phải gắn với môi trường văn hoá - còn những định chế của nó sẽ là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển. Nền tảng văn hóa cho sự phồn vinh cần phải quan tâm xây dựng với tất cả tinh thần trách nhiệm. Phải nêu cao “nhà nước pháp quyền” và tinh thần thượng tôn pháp luật, biến thành kỷ luật tự giác trong mỗi con người (như chữ Giới trong nhà Phật), chừng ấy chúng ta mới có một xã hội kiên cường, ổn định hài hòa và hạnh phúc trên một nền đạo đức nhân bản theo nguyên lý tương dung tương sinh, với niềm tin vào lòng từ bi dù có hay không theo một tôn giáo nào. ■



Thánh địa Mỹ Sơn có còn hấp dẫn?

NGUYỄN VĂN TOÀN

Năm nay tròn 20 năm thánh địa Mỹ Sơn được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) công nhận Di sản văn hóa thế giới. Nhưng những bí ẩn xung quanh nó cho đến nay vẫn chưa có lời giải cuối cùng. Điều này khiến sức hấp dẫn của khu thánh địa này trong lòng du khách thập phương không hề bị “giảm nhiệt”.

Bí ẩn chưa có lời giải

Vì mê văn hóa Champa, tôi cùng một đồng nghiệp cưỡi “ngựa máy” hướng về miền đất Quảng. Nơi ấy có Mỹ Sơn, khu thánh địa linh thiêng của vương triều Champa cổ! Dù đã tham quan thánh địa Mỹ Sơn nhiều

lần nhưng đến tháp Champa nơi đây vẫn có sức hút kỳ lạ với chúng tôi.

Chúng tôi chạy xe máy từ nửa trưa nắng gắt đến nhá nhem tối thì đến thị xã Tam Kỳ của miền đất Quảng Nam. Tá túc một ngày ở nhà người quen và thưởng thức món mì Quảng thơm ngon, chúng tôi lại khăn gói tìm lên Mỹ Sơn để thỏa mãn cơn “mê” Chăm của mình.

Đường lên Mỹ Sơn đã khác nhiều so với chuyến tham quan thực tế thời tôi còn là sinh viên. Con đường “hành hương” đến đền tháp Chăm đã được đầu tư kỹ lưỡng hơn nên xe máy của chúng tôi chạy êm ru. Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy nhiều du khách chọn xe buýt để lên khu thánh địa. Hỏi một du khách mới biết xe buýt chở khách đến tận làng Mỹ Sơn (xã Duy

Phú, huyện Duy Xuyên). Sau đó, chỉ cần đi bộ khoảng năm trăm mét là đến được khu thánh địa của người Champa cổ nên rất thuận tiện.

Trước khi đến với các đền tháp, chúng tôi đến thăm Nhà trưng bày hiện vật Mỹ Sơn được xây dựng vào năm 2005 tọa lạc khá gần khu thánh địa Mỹ Sơn. Tại nơi đây, tỉnh Quảng Nam đã cho trưng bày những hiện vật gốc của thánh địa Mỹ Sơn như bia ký, phù điêu, linga, yoni, gạch ngói... và những pa-nô giới thiệu tổng quan về lịch sử nghiên cứu đền tháp Mỹ Sơn cũng như thành quả trong công tác trùng tu.

Men theo con đường nhỏ mà người xưa từng đi, chúng tôi len lỏi qua từng tán cây rừng và dần lạc bước vào một thế giới tâm linh huyền ảo. Đập vào mắt chúng tôi là hàng chục ngôi đền tháp đồ rực như lửa, cao hàng chục mét vươn lên giữa rừng già chằng chịt những rễ cây lộ thiên như những mạch máu sinh vật sống. Điều đặc biệt hơn nữa, những bức tường gạch của các đền tháp Champa đều không bao giờ bị rêu phong, đen sạm bởi sương gió, ngoại trừ bị vỡ, bị tách biệt khỏi môi trường kiến trúc tự nhiên.

Kim tự tháp Ai Cập dùng sức nặng hàng chục tấn của những khối đá được mài nhẵn các cạnh thành hình chữ nhật hoặc hình vuông để làm giá đỡ cho nhau nên không cần chất kết dính giữa những khối đá với nhau. Kỹ thuật mài nhẵn đá của người Ai Cập tinh vi đến mức một con dao sắc bén cũng không thể lách vào được giữa các khối đá. Càng lên cao thì các khối đá lại có kích thước nhỏ lại dần, trong khi những khối đá ở tầng đáy lại có kích thước lớn nhất để chịu lực toàn bộ công trình. Có lẽ vì thế nên công trình hoàn toàn bằng đá cao đến trăm mét ấy mới có được sự vững chãi, chắc chắn hàng ngàn năm.

Vì vậy, từ lâu người Ả-rập có lời khen ngợi rằng: *"Tất cả đều sợ thời gian, nhưng thời gian sợ Kim tự tháp"*. Kim tự tháp Kheops (cao đến gần 150m) chính là một trong những công trình cổ nhất và duy nhất còn tồn tại trong số bảy kỳ quan thế giới cổ đại.

Ngược lại, các đền tháp Champa có kích thước khiêm tốn hơn rất nhiều lần so với các Kim tự tháp Ai Cập nhưng lại được xây bằng gạch, thứ nguyên liệu nhỏ, nhẹ hơn rất nhiều so với nguyên liệu đá. Nhưng, nếu đền tháp Champa xây bằng gạch thì phải có chất kết dính những viên gạch lại với nhau như chúng ta dùng vữa từ hỗn hợp xi-măng, cát, sạn... ngày nay. Song trên thực tế, không hề phát hiện có những mạch vữa giữa các viên gạch ở các đền tháp Champa.

Vậy nếu không có chất kết dính thì làm sao người Chăm xưa có thể tạo nên một tòa tháp bằng gạch cao hàng chục mét? Đó là chưa kể những bức phù điêu gắn xung quanh thân và phần vòm đền tháp Champa đều làm bằng đá sa thạch. Nếu không có chất kết dính thì làm sao có thể "gắn" những bức phù điêu vào bức tường gạch? Và liệu các lớp gạch không có kết dính có



thể chịu được sức nặng của vòm bằng đá sa thạch từ phần mái hay không?

Theo truyền thuyết dân gian còn truyền ở các làng Chăm tại Ninh Thuận thì tháp được xây bằng gạch mộc còn ướt chưa nung. Nếu dùng gạch đã nung để xây đền tháp Champa thì liệu có thể xếp được các viên gạch thành một tòa tháp với kiến trúc rất tinh vi và phức tạp không, nếu không có chất kết dính? Nếu dùng gạch chưa nung thì làm sao để tạo ra vòm bằng sa thạch khi các trụ đứng bằng thứ đất sét yếu ớt khó có thể chống đỡ sức tan chảy của chính nó bởi ngọn lửa khổng lồ đang nung "chín" toàn bộ ngôi đền tháp? Nghĩa là, xây đền tháp Champa bằng gạch chưa nung thì chắc chắn không thể tạo ra vòm sa thạch và thân tháp sẽ cực kỳ yếu và dễ sụp đổ. Phải chăng người Chăm xưa đã sử



dựng đến sức mạnh của thần linh để tạc nên những hình khối tôn giáo?

Về hiện tượng Lê Văn Chỉnh, một người thợ thủ công đã dùng kỹ thuật “mài chập” để tạo nên một mô hình tháp Chăm cao 6,7m tại nhà hàng ẩm thực Apsara (Đà Nẵng) vào năm 2003, ông Nguyễn Hữu Thông, một chuyên gia về Champa, nhận định: “Đó là kỹ thuật mài nhẵn hai viên gạch để tạo ra hỗn vị cho gạch. Hỗn vị này là bột gạch, chất kết dính hai viên gạch lại với nhau. Điều này có thể kiểm chứng ở các tháp ở Indonesia. Tuy nhiên, ông Lê Văn Chỉnh chỉ làm nên một mô hình tháp Chăm, tỉ lệ nhỏ hơn rất nhiều so với ngôi tháp thực. Cho nên khả năng chịu lực từng viên gạch thấp hơn rất nhiều so với thực tế. Do đó, mô hình tháp khó có thể bền vững qua hàng thế kỷ như tháp Chăm”.

Được biết, Mỹ Sơn là thánh địa Ấn Độ giáo của Vương quốc Champa. Mỗi vị vua, sau khi lên ngôi, đều đến Mỹ Sơn làm lễ thánh tẩy, dâng cúng lễ vật và xây dựng đền thờ. Trong số 225 di tích Chăm được phát hiện tại Việt Nam, riêng thánh địa Mỹ Sơn đã có khoảng 70 đền tháp, 32 bi ký tồn tại ở nhiều dạng khác nhau (chiếm hơn 1/5 tổng số 170 bi ký Champa đã biết). Kazimierz Kwiatkowski (1944-1997) - người kiến trúc sư Ba Lan tài ba nhiều năm gắn bó với thánh địa Mỹ Sơn - đã nhận định: “... người Chăm cổ đã gửi tâm linh vào đất đá; và đã biết dựa vào thiên nhiên để làm nên một Mỹ Sơn tráng lệ, thâm nghiêm, hùng vĩ. Đây là một bảo tàng kiến trúc điêu khắc nghệ thuật vô giá của nhân loại mà sẽ còn lâu chúng ta mới hiểu hết”.

Thu hút du khách

Sau khi được UNESCO công nhận Di sản văn hóa thế giới, thánh địa Mỹ Sơn ngày càng thu hút du khách. Nếu như năm 1995 tổng lượng khách tham quan khu thánh địa ở khoảng 22 nghìn lượt thì đến năm 2015 con số này đã tăng lên gần 270 nghìn khách. Từ năm 2010 đến năm 2015, lượng khách đến tham quan Mỹ Sơn đạt hơn 1,2 triệu lượt người.

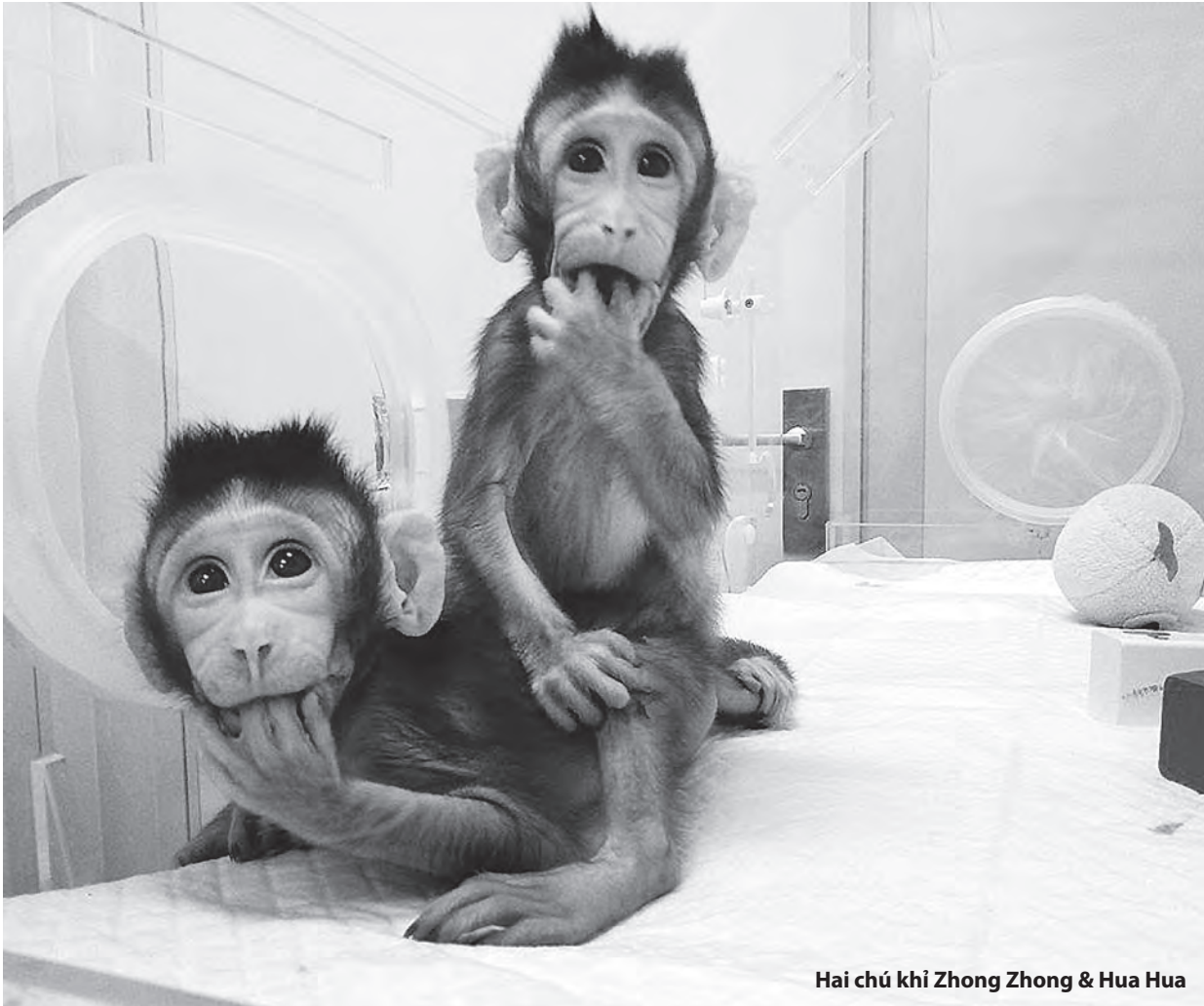
Năm 2017, tổng lượt khách đến Mỹ Sơn đạt 360.000 lượt, trong đó có 308.700 lượt khách quốc tế và 51.300 lượt khách nội địa. Năm 2018, tổng lượt khách đến Mỹ Sơn đạt 392.070 lượt khách, trong đó khách nước ngoài đạt 342.938 lượt.

Theo Ban Quản lý di sản văn hóa Mỹ Sơn, từ năm 2013 đến nay, doanh thu không ngừng tăng cao. Nếu năm 2013 tổng nguồn thu chỉ 20 tỷ đồng thì đến năm 2017, doanh thu từ du lịch Mỹ Sơn đã đạt con số 56 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước hơn 12 tỷ đồng. Năm 2018, doanh thu qua vé đạt hơn 60 tỷ đồng.

Tuy nhiên, điều đặt ra sau 20 năm thánh địa Mỹ Sơn được UNESCO công nhận Di sản văn hóa thế giới, là công tác trùng tu và bảo tồn. GS.TS.KTS Hoàng Đạo Kính, một chuyên gia uy tín trong lĩnh vực bảo tồn di sản, nhận định: “Di sản nghệ thuật kiến trúc Chăm, nhìn sâu xa vào mức độ quý hiếm, mức độ mất mát, đòi hỏi ở các nhà bảo tồn và các nhà trùng tu, trên hết và trước hết, đó là sự duy trì lâu dài, không bị mất mát thêm và không bị sai lệch”.

Một cách tu bổ “làm mới”, “trẻ hóa” dễ chấp nhận bởi người dân địa phương nhưng những du khách sẽ ngoảnh mặt đi với giá trị của di sản kiến trúc cổ xưa. “Điều gì xảy ra khi khách du lịch chẳng thèm xem bức tranh chép lại thật khéo tay về chân dung nàng Mona Lisa của danh họa thời Phục hưng Leonard de Vinci, nhưng họ sẵn sàng tốn tiền đến Bảo tàng Louvre ở Paris nước Pháp xa xôi ở để xem bản gốc dù đã sờn mòn theo thời gian?” - Đó là câu hỏi mà “họa sĩ Chăm” Nguyễn Thượng Hỷ đặt ra cho công tác bảo tồn đền tháp Champa hiện nay. ■

* Ảnh của tác giả



Hai chú khỉ Zhong Zhong & Hua Hua

Đâu phải chuyện Tôn Ngộ Không!

Nguyễn Đạo VĂN CÔNG TUÂN

Đọc báo nghe những tin tức giật gân, rồi đột nhiên đâm ra lo lắng.

Tháng 11 năm 2018 cả thế giới hoảng hốt lo ngại vì một nhà sinh vật và vật lý tên là He Jiankui (Hạ Kiến Khuê; sinh năm 1984) công bố tại một hội nghị khoa học và rộng rãi trên các phương tiện truyền thông một đoạn phim đăng tải việc sử dụng kỹ thuật chỉnh sửa *gen* CRISP-Case 9 thay đổi *gen* cho hai phôi thai người để có khả năng miễn nhiễm virus HIV. Ông He Jiankui lúc ấy đang giảng dạy và nghiên cứu ở Phân khoa Sinh học (Biologie) thuộc

Đại học Khoa học và Kỹ thuật Nam Trung Quốc. Ngay lập tức sau đó, các nhà khoa học trên thế giới đã lên tiếng phản đối và gọi đây là “thử nghiệm nhân loại vô lại”. Rồi bỗng dưng người ta không còn nghe gì đến nhà “khoa học trí tuệ” này nữa cả. Có thể trước sự phản nộ của tất cả khoa học gia trên thế giới, chính quyền Trung Quốc đã ém nhẹm một công trình nghiên cứu phi nhân bản này. Rồi yên lặng như tờ không thấy tăm hơi gì thêm.

Vấn đề để ta suy ngẫm là, không lẽ chính quyền hay giới nghiên cứu cấp đại học ở Trung Quốc trước đây

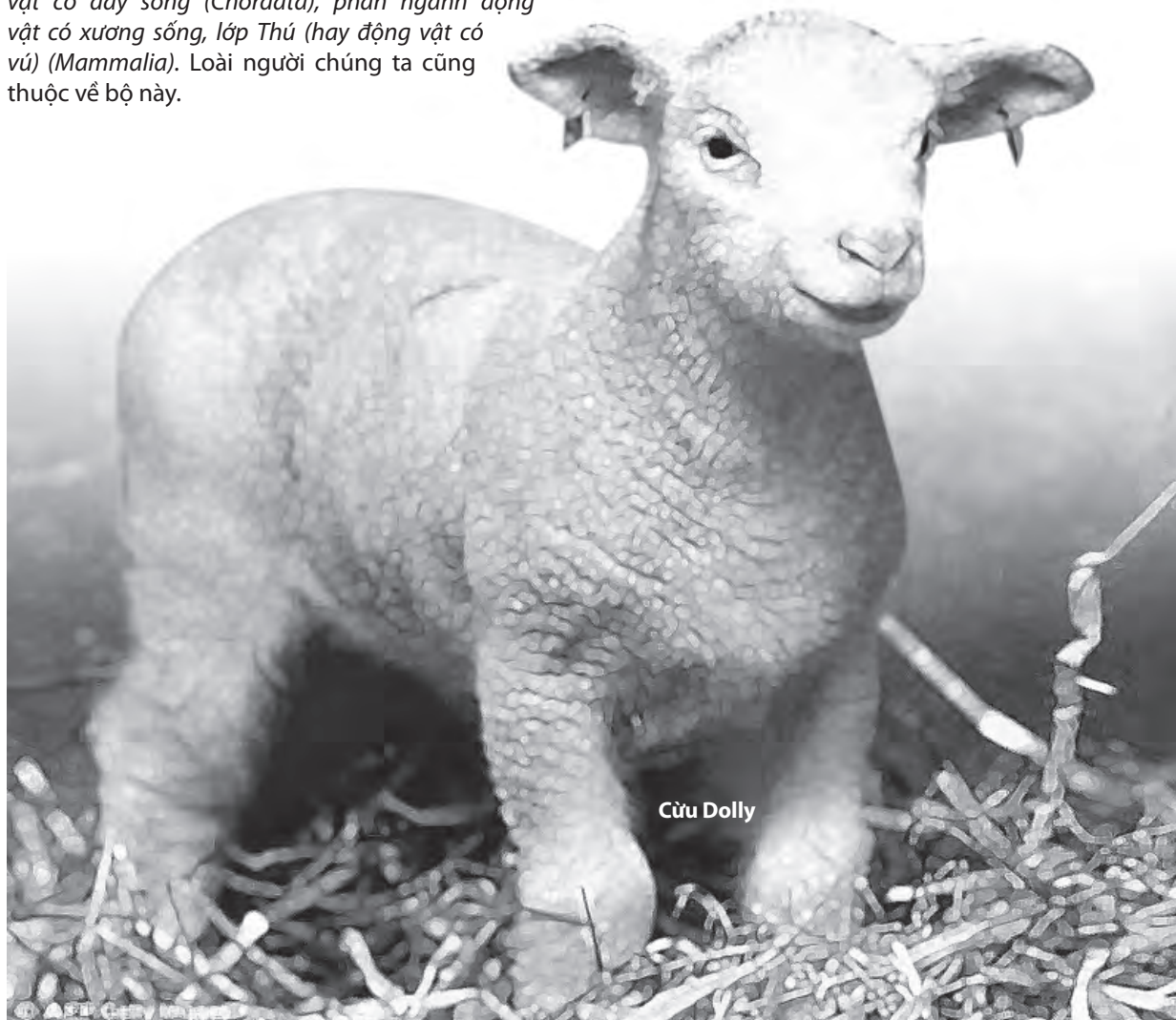
không hề biết gì về việc nghiên cứu di truyền của ông He Jiankui chẳng? Không, không thể nào như vậy được. Một công trình nghiên cứu ở đại học thường phải qua nhiều bước thực hiện các dự án khác nhau, kể cả việc xin các ngân khoản tài trợ. Còn nếu như thật sự không ai biết gì đến việc ấy trước đó thì thật tội nghiệp, đáng thương cho ông He Jiankui, một con người trẻ tuổi thông minh lại rơi vào cái mà ta gọi là tà kiến. Nghĩ thương cho những kẻ khờ dại kia dám cả gan chơi trò “thay đấng hóa công” để rồi sinh sản những vật chẳng phải người mà cũng chẳng phải ngợm.

Nhớ lại, trước đây chưa đầy một năm, tháng 1/2018, cũng tại đại quốc ấy, ông Tiến sĩ Mu-ming Poo, Giám đốc Học viện Nghiên cứu Thần kinh học thuộc Chinese Academy of Sciences ở Thượng Hải công bố họ đã “sản xuất” được hai chú khỉ sống, tức loài động vật nhiều đặc tính gần giống loài người.

Wikipedia giải thích: Trong các bộ động vật thì khỉ thuộc vào bộ Linh trưởng (từ khoa học gọi là *Primates*) là một bộ thuộc giới động vật (*Animalia*), ngành động vật có dây sống (*Chordata*), phân ngành động vật có xương sống, lớp Thú (hay động vật có vú) (*Mammalia*). Loài người chúng ta cũng thuộc về bộ này.

Do vậy, khi họ đã tạo ra được những chú khỉ thì họ cũng có thể có khả năng tạo ra những cái “thằng người”. Không biết sao tôi cứ lo cho cái yên lặng đầy khả nghi của mấy ông khoa học gia này quá. Mấy ông không nói thì có thể vẫn đang âm thầm làm tiếp. Cả lúc nói không mà cũng cứ làm huống chi không nói! Chỉ có điều, mấy ông có thể có khả năng tạo ra những sinh vật trong phòng thí nghiệm được, nhưng chắc chắn chỉ là những hình sáp hay những ông phỗng đá biết đi, hoặc mấy lão bù nhìn đội mũ đứng đuổi chim ngoài ruộng. Khá hơn nữa thì tạo ra những sinh vật được nhào nặn theo một công thức có sẵn, việc làm vô cùng nguy hiểm gây ra tai họa cho nhân loại. Những kết quả nắn ra được ấy không bao giờ có thể là những con người với đầy đủ nhân tính được.

Xưa có chuyện ông Tể Thiên Đại Thánh theo Đường Tam Tạng đi Tây Trúc thỉnh kinh mà ai cũng biết. Nhân vật Tôn Ngộ Không Tể Thiên Đại Thánh này cũng là một con khỉ.



Khí này còn có tên là Thạch Hẫu vì nó được sinh bởi một hòn đá ở biển Hoa Đông nứt ra. Nhưng Thạch Hẫu đâu có thật. Thạch Hẫu chỉ là nhân vật hư cấu dưới ngòi bút của Ngô Thừa Ân vào thế kỷ XVI thời. Học viện Thần kinh học của ông Mu-ming Poo này hãnh diện đặt tên cho hai chú khí mới chào đời “nhân tạo” này là Zhong Zhong & Hua Hua (Trung Trung & Hoa Hoa). Lùi thêm lại ít bước nữa, trước đây 20 năm cũng có một cô cừu mang tên Dolly được cấy thành công tại Viện Roslin ở Edinburgh nước Tô Cách Lan đã gây ra không biết bao nhiêu tranh luận, vì cừu là một loài động vật có vú. Nhưng lần này, trường hợp hai chú khí Zhong Zhong & Hua Hua là trường hợp đáng lo ngại vì lần đầu tiên phòng thí nghiệm có thể (hay dám cả gan) tạo ra một động vật trong bộ động vật Linh trưởng từ một tế bào gốc trưởng thành.

Hãnh diện khoa học hay hãnh diện dân tộc đây? Khí hay người?

Vậy, trước hiện tượng này Phật tử mình nghĩ sao đây? Nghĩ sao chuyện những sinh vật không cha không mẹ được chào đời trong các phòng thí nghiệm bởi những máy móc vô tri và những cái đầu vô ... duyên (tôi tránh không dám dùng chữ vô lại như các phản ứng của những nhà khoa học Tây phương)? Từ câu chuyện Thạch Hẫu cho đến các câu chuyện hôm nay, ta thử suy nghiệm về sự kiện, bởi duyên có gì mà một con người hay vật – một chúng sinh – có mặt trên cõi đời này. Không lẽ chỉ đơn giản xuất hiện khơi khơi, nói hello rồi good bye biến mất thôi ư? Đây là nghiệp chướng, đây là nhân duyên?

Đầu óc miên man cố đi tìm giải đáp cho mình, tai tôi nghe như có ai nhắc lại lời kinh của Pháp hội tri tụng kinh Đại Bảo Tích tại Bồ-đề Đạo tràng Ấn Độ năm 1818 vừa qua, mà cá nhân tôi đã duyên may được tham gia gần hai tuần lễ (trong ba tuần của Pháp hội). Còn nhớ mãi đoạn kinh ngắn chiếu hôm ấy, nó đã làm tôi giật mình. Tối về phòng trọ phải lật kinh chép ngay vào sổ tay.

Đoạn Đức Phật dạy ngài Bửu Tràng đồng tử:

(Trước tiên quán trung ấm nơi cha mẹ sanh tâm tham ái). Do ái nhen duyên nên tứ đại hoà hiệp hai giọt tinh huyết hiệp thành một giọt bằng hạt đậu gọi là ca-la-la. Ca-la-la ấy có ba sự là mạng căn, thức và hơi nóng. Nghiệp duyên quả báo trong đời quá khứ không có tác giả và thọ giả. Sơ tức xuất nhập gọi là vô minh ca-la-la. Lúc ấy hơi thở ra vào có hai đường đó là theo hơi thở lên xuống của bà mẹ cứ bảy ngày thì một lần biến đổi. Hơi thở ra vào gọi là thọ mạng đây gọi là phong đạo. Chẳng thú chẳng dã đây gọi là oán nóng. Tâm ý trong ấy gọi là thức.

(Kinh Đại Bảo Tích, quyển 9: Pháp hội Hư không, mục thứ năm mươi chín. Bản dịch của cố Hòa thượng Thích Trí Tịnh)

Như thế, tôi hiểu ngay rằng khi một thai nhi được tượng hình thì cái cơ sở vật chất căn bản đầu tiên phải cần có là tinh cha huyết mẹ. Giống như khi ta làm cái

bánh thì phải có phần bột, đường... Chưa đủ, thêm vào tinh cha huyết mẹ cần phải có một “Thức” tham dự vào thì mới thành hình được. Lại cần thêm vào đó môi trường hơi ấm nuôi dưỡng một đời sống tương lai. Tất cả những quá trình hình thành ấy thường được gọi gọn bằng hai chữ nhân duyên. Hai từ này Phật tử chúng ta vẫn nói trong sinh hoạt thường nhật mà ít lưu tâm đến. Như khi hai người gặp nhau trong chùa, trò chuyện giã lát rồi khi chia tay nhau thường nói một câu đầy đạo vị: “Chào nhé, anh/chị đi nhé, nếu còn nhân duyên thì còn gặp lại”.

Câu nói tuyệt vời, đầy triết lý. Nghĩa là, dù họ muốn ngày mai hay ngày mốt gặp nhau nhưng nhân duyên chưa đủ thì đâu gặp được. Nhân duyên đã đủ rồi thì không hẹn cũng thấy nhau. Sao mà hay quá, có nhân ấy thì mới có duyên ấy. Đi xa hơn chút nữa, nhân duyên có thể ở ngay đời này mà cũng có thể ở cả những kiếp sau. Nhân duyên chính là căn bản cho cuộc vận hành của nghiệp lực bao đời trong suốt mười hai tiến trình.

Mười hai tiến trình đó là:

“Do vô minh, có hành sinh. Do hành, có thức sinh. Do thức, có danh sắc sinh. Do danh sắc, có lục nhập sinh. Do lục nhập, có xúc sinh. Do xúc, có ái sinh. Do ái, có thủ sinh. Do thủ, có hữu sinh. Do hữu, có sinh sinh. Do sinh sinh, có lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sinh, hay toàn bộ khổ uẩn sinh. Đây gọi là Duyên khởi”.

(Theo kinh Tương ưng bộ, bản dịch của cố Hòa thượng Thích Minh Châu)

Vậy, một em bé ra đời không thể chỉ đơn giản là kết hay hậu quả của hành vi dục tính từ hai con người nam nữ. Ứng dụng cho mọi loài chúng sinh. Lại càng không thể là do một thần linh, một tảng đá... hay cả một nhóm người nào đó tự ý tạo nên - dù bằng quyền phép hay máy móc y cụ trong phòng thí nghiệm. Từ nhận thức này giúp ta hiểu được các hiện tượng, tại sao có những bậc cha mẹ xuất thân là những nông dân nghèo, ít học mà lại có khi sinh ra những người con nhân tài trí tuệ. Ngược lại có những người khỏe mạnh, thông minh, học giỏi mà sinh ra những người con tật nguyền, ngu dại hay có khi bị điên khùng. Cũng có khi cũng chính từ cha mẹ ấy, cũng môi trường lớn lên ấy mà anh chị em có người thể này có kẻ thể kia. Loài người chúng ta bằng những phương tiện khoa học có thể chế tạo hàng loạt những vật dụng giống nhau, như sản xuất hàng triệu cái máy smartphone, hàng vạn chiếc xe hơi, xây hàng ngàn ngôi building... gần như 100% y hệt nhau, nhưng với sinh vật (chúng sinh) thì mỗi đơn vị là một cá thể riêng biệt, không ai giống ai. Bên những yếu tố vật chất còn có yếu tố khác như Thức, như tứ đại hòa hợp... Không thể nào lấy chúng sinh này đem clone ra chúng sinh khác được.

Lấp biển vá trời có khi còn làm được chứ chuyện này thì bất khả thi! ■



Mẹ con mèo và tôi

VŨ CHI

Trưa, trời đứng gió. Đang ngủ lơ mơ, tôi chợt thức giấc bởi một âm thanh lạ xạ lạ thường. Chưa xác định được nguồn gốc âm thanh này xuất phát từ đâu, nhưng tôi có cảm nhận dường như nó rất nhẹ nhàng và tha thiết. Tôi hướng mắt về phía cửa sổ bị chắn bởi những chùm khế lòa xòa. Cây khế bên hè chỉ còn lưa thưa nhưng chùm hoa tím li ti, nhưng trái xanh đầy cành.

Tôi lắng nghe: vẫn là tiếng sột soạt khe khẽ như tiếng thì thầm. Đôi khi những âm thanh chát chúa của tiệm sắt hàng xóm cũng không làm tôi phân tâm như bây giờ. Thậm chí tôi còn nhắm mắt ngủ quên, xem đó là chuyện bình thường trong xóm. Đàng này, âm thanh càng nhỏ càng làm người nghe thôi thúc, bất an. Vậy là tôi bật dậy, nhón chân đi đến áp mặt vào song cửa sổ, thì ra đó là hai mẹ con mèo tam thể. Sờ dĩ tôi gọi là

hai mẹ con, bởi vì chỉ có mèo mẹ - tôi nghĩ - mới có thể nằm im để mèo con đùa nghịch như vậy. Cả hai nằm im trên cây chổi tàu cau dưới mái hiên, mèo con đưa hai chân trước vuốt tai, khoè mũi, cắn đuôi... mèo mẹ. Chúng nhẹ nhàng, tình cảm trừu mến chứ không ầm ĩ, khóc la chạy ầm ầm trên mái nhà như tụi mèo đực mèo cái lúc nửa đêm làm cho mọi người mất ngủ. Nhiều lúc không nhẫn được tôi tạt nước cho lũ mèo đi xa. Chị Nhi bảo tôi ác, vì lũ mèo vốn sợ nước!

Trước khi đi ra ngoài tôi khép nhẹ cửa, vì không muốn khuấy động sự yên tĩnh của mẹ con mèo. Đi vòng qua hiên nhà, tôi nhìn kỹ hơn thấy mèo mẹ vẫn nằm yên trên cái chổi ra về đêm chiêu suy nghĩ việc đời. Còn mèo con có lẽ nghịch đã chán nên gối cái đầu nhỏ xíu lên bụng xẹp lép của mẹ mà ngủ ngon lành. Tôi chạnh lòng nghĩ chắc chúng nó đói lắm nên vội vã

xuống lầu bởi một chén cơm đem lên đặt bên cạnh. mèo mẹ vẫn nằm yên như sợ con thức giấc, mở đôi mắt xanh to nhìn tôi ra về “cảm ơn”.

Đến chiều đi làm về, tôi ra thẳng chái hiên thấy hai mẹ con mèo vẫn còn nằm trên cây chổi. Mèo con lại đùa nghịch đủ trò, cuối cùng nó rút vào lòng mẹ ngậm chiếc vú lép. Mèo mẹ âu yếm con bằng hai chân trước, đôi mắt tràn đầy yêu thương, chén cơm tôi cho chúng vẫn nguyên vẹn.

Tôi kể chuyện mẹ con mèo, cả nhà cười chế giễu: “Khéo lo cho mèo hoang!”.

Ngày sau, nhiều ngày sau nữa, tôi thường lưu tâm đến con mèo mẹ. Chúng vẫn dùng chái hiên nhà tôi để làm chỗ tạm trú (có lẽ dài hạn) mà không cần biết gia đình chúng tôi có đồng ý hay không. Mèo con lớn lên trông xinh hơn, nó phát minh ra nhiều trò đùa với mẹ rất dễ thương. Nó không còn nằm lì một chỗ để nghịch phá mẹ nữa mà khi thì hai mẹ con rượt nhau trên mái nhà hàng xóm, khi nằm trên trụ cổng trước nhà tôi và chống bốn vó lên trời để vờn những chiếc lá cây đang đưa trong gió.

* * *

“Meo... Meo” - tiếng kêu khe khẽ. Tôi đã quen với âm thanh này và mỉm cười nhìn mèo mẹ đang ôm mèo con, hạnh phúc yêu thương. Chúng đâu cần biết có ai đang quan sát chúng, cũng chẳng bon chen lo việc mưu sinh, không cần luôn chén cơm ngon tôi mang tặng. Bỗng nhiên tôi liên tưởng đến những mảnh đời lang thang không mục đích, không nơi chốn của những đứa trẻ bụi đời, của những kẻ du thủ du thực và sâu đậm trong tôi nhất là hình ảnh những người mà chúng tôi vừa ghé thăm nhân ngày Phật đản. Nơi đây không phải là một thôn xóm và cũng chẳng có một người quản lý nào. Đó là nơi mà những cá nhân hay gia đình tập hợp. Họ sống trong những căn lều bằng gỗ tạp xiêu vẹo hoặc được che chắn bằng những mảnh bao bố hay thùng giấy chấp lại. Nhìn họ, tôi nhớ đến đám lục bình trôi dạt bồng bênh, kết thành cụm theo con nước đẩy đưa. Họ sống chung với người chết và rác - bãi rác bên nghĩa trang.

Những chiếc xe rác từ thành phố hàng ngày chạy vào khu nghĩa trang làm tung lên những đám bụi mịt mù. Từ đồng rác khổng lồ khói bay lên cuộn cuộn và tỏa ra mùi khét, mùi hôi ngai ngái. Khi mặt trời ló dạng sau dãy núi xám thì hàng trăm con người bắt đầu công việc đào bới trong những đồng rác hỗn tạp ấy để nhặt nhanh tất cả những gì có thể bán được. Đàn ông thì dùng cái cào lớn để cào rác từ những chiếc xe tải mới đổ xuống. Phụ nữ thì dùng que sắt nhỏ có ba cây chia ra như ngón tay để bới rác tiếp. Còn lại những đứa trẻ mặt bám đầy khói bụi trông như mặt mèo ăn vụng xó bếp cũng chen vào nhặt nhanh.

Tôi xót xa nắm tay hai đứa bé, mà mới thoát nhìn chỉ thấy mái tóc vàng sém nắng và đôi mắt to tròn. Nổi

bật nhất là đôi chân trần của hai nhóc nhuộm tro than tướng như là đôi giày cao ống. Chúng vô tư cười toe toét khi xòe tay nhận những viên kẹo đủ màu. Trong không khí vui vẻ hòa đồng, những người sau khi nhận được quà Phật đản dường như họ đã quên mất khoảng cách bờ ngõ ban đầu khi chúng tôi mới đến. Một người đàn ông gầy nhom, một tay cụt sát tận nách và đôi chân thấp gồ xori lờ lên tiếng mời chúng tôi vào nhà chơi. Rồi một người đàn bà phốp pháp, quần xắn ống cao ống thấp cũng lên tiếng mời chúng tôi vào nhà.

“Nhà” của người đàn ông cụt tay là những cây sậy ghép lại, ăn-ngủ-bếp được gói gọn trong phạm vi khoảng 30m² cho hai vợ chồng cùng ba đứa con nhỏ. Một hình ảnh làm tôi xúc cảm rung rung khi nhìn lên phen liếp. Có một cái trang bằng miếng ván ép cũ được treo bằng hai cọng kẽm cột lên mái nhà. Trên trang thờ tượng Bồ-tát Quan Thế Âm nhỏ xíu được đặt sau một cái ly nhựa cắm hương. Diện Phật cũng bị lem luốc, nhưng sao tôi vẫn thấy “mắt thương nhìn cuộc đời và nụ cười bất tuyệt trên môi ngài tỏa sáng”. Ôi, đáng mẹ hiền Quán Thế Âm! Ngài đâu thể từ bỏ một chúng sanh nào trong đời ngũ trược này bởi tâm nguyện đại bi.

Chúng tôi tìm hiểu và được biết có một số người vì hoàn cảnh khó khăn thật sự nhưng có một số người lại thích sống du mục như vậy bởi họ không muốn sống ràng buộc trong một khuôn khổ nào. Họ không cần nghĩ đến tương lai bản thân và vô tình họ đã tạo ra những đứa trẻ nghèo đói, thiếu học. Phải chăng đó cũng là một cách sống?

Có lần mẹ tôi nói: “Con thử mang con mèo hoang vào nhà nuôi nấng, chăm sóc chu đáo xem nó có chịu sống trong nhà mình không”. Điều này làm tôi suy nghĩ mãi. Cho đến khi tôi đọc được câu Phật dạy: “Mọi chúng sanh đều bình đẳng với nghiệp lực của mình”. Lúc đó, cái đầu tối của tôi mới sáng ra một tí - con cảm niệm hồng ân của Đức Phật.

* * *

Khi tôi viết những dòng này thì mèo mẹ sắp có cháu ngoại. Vòng luân hồi tiếp diễn xoay vần. Mèo con tỏ ra có nhiều thiện cảm với tôi hơn. Nhưng đối với mèo mẹ thì vẫn có vẻ nghi ngờ, cảnh giác lòng tốt của tôi. Đôi mắt xanh trong của nó như ngấm bảo: “Người cứ sống đời người đi, mặc kệ mẹ con ta yên sống với đời mèo”. Tôi nhìn nó, mỉm cười, đưa tay vuốt nhẹ trên khuôn mặt bé nhỏ của nó thì thầm: “Không đời nào. Là đệ tử Phật phải luôn nuôi dưỡng tâm từ, phải thương yêu tất cả mọi loài. Ta làm sao nỡ bỏ mẹ con và cả cháu sắp ra đời của nhà mi được”.

Những cánh hoa khế tím nhỏ li ti, bay bay trong gió. Mẹ con mèo đôi mắt lim dim. Và tôi, trông thấy cụm mây trắng vừa tan trong bầu trời xanh - “Sắc tức thị không”. ■



Sống như... cái hồn không xác!

NGUYỄN AN

Chiều cuối tuần gặp anh bạn đã 65 tuổi, họa sĩ gốc người Huế. Anh nhỏ người, tướng gầy yếu, dáng phong trần, không gia đình riêng, ở trọ, dạy đàn, dạy vẽ là nghề tay trái. Anh bảo tháng kiếm vài triệu đồng sáng cà-phê, chiều chút bia với bạn bè là phong lưu rồi. Bán tranh được ít tiền còm, lại cho người khổ hơn mình, nên không dư dả gì.

Hỏi chuyện gia đình, anh cho biết, khi còn thanh niên, gặp thời chiến tranh, duyên phận không tới, có vài mối tình vắt vai nhưng rồi cũng phôi pha, chẳng đi đến đâu, nên giờ đã luống tuổi mà chẳng có gia đình riêng.

"Có khi như vậy là tốt, chẳng nợ nần tình duyên ai, trên cõi đời này!". Anh tự trào về chuyện cô đơn của mình và tâm sự: Không có vợ con, nhưng có bạn bè đầy. Muốn đi chơi đâu vài bữa là đến nhà bạn, về quê bạn chơi. Mình làm nghề nghiệp tự do mà, muốn đi là đi. Cũng có lúng vồn, lao động mấy chục năm qua, tiết kiệm để ngân hàng phòng khi hữu sự, một ít mua bảo hiểm sức khỏe, nên không bận tâm chuyện bệnh tật. Nhiều khi

nằm bệnh viện lại dư tiền. Bạn hữu thân tình, học trò, phụ huynh đến thăm bệnh, người cho một chút, khi ra viện lại rủng rỉnh, nên chẳng lo gì. Còn cái thân xác bốn mươi mấy ký này đã hiến tặng cho khoa học, khi trăm tuổi già, về với ông bà thì bệnh viện lo, nên chẳng bận tâm về nghĩa trang, về phương thức chôn cất, về ai cúng giỗ. Đời cứ thế mà vi vu...

Sao anh không về Huế? Không có gia đình, vẫn còn người thân?

Về quê ư? Anh ấy bảo, chỉ thấy thêm chút buồn. Cha mẹ đã mất, gia đình còn hai anh em. Cũng có một chút tài sản hương hỏa, chút đất về cất tạm mái nhà nhỏ, nhìn ra dòng sông Hương lững lờ trôi cũng thú vị, nhưng chú em ruột thì không nói gì, chỉ có em dâu cứ đá thúng đụng nia vì cứ ngỡ anh về sắm sửa đòi chia nhà thờ tự, chia đất đai. Vì vậy, mỗi khi giỗ chạp về cho vui, rồi lại vào Sài Gòn sống, không muốn vì mình mà vợ chồng đứa em xáo xáo.

Ai thân thì chơi, ai sơ thì xã giao, ai ghét thì né. Còn không có ai thì vẽ, đọc sách, nghe nhạc... thiếu gì thứ giải trí, làm sao buồn. Tiền bạc là vật ngoài thân, đến



khi nào đó chuông gõ cái beng là về với ông bà, cha mẹ, đâu có mang theo, nên cầm đầu, cầm cổ chạy theo mớ đồng tiền làm gì.

Anh nói chuyện tiền bạc, sống chết một cách nhẹ nhàng như đang dạo chơi đầu đó...

* * *

Tình cờ gặp bạn ở đám tang một ông anh bị ung thư mất. Bạn hồn nhiên kể cũng đang bị ung thư phổi được hai năm. Bạn kể: Đầu tiên khi bác sĩ thông báo có cái bướu trong phổi. Bạn hỏi vậy là sao, bác sĩ trả lời bệnh là vậy, còn nguyên nhân chưa xác định. Có thể là do hút thuốc, có thể là do trăm ngàn lý do khác nhau dẫn đến.

Có chữa được không? Tùy ở anh. Là sao? Sẽ phải uống thuốc, sẽ phải hóa trị hoặc xạ trị... nhưng nếu anh vui vẻ thì sống được lâu, buồn rầu thì mau lên đường.

Vợ con nghe tin báo bệnh nan y thì khóc hù hụ, chứ tôi điềm tĩnh. Chao vao cũng một thời gian. Đêm mất ngủ, ngày lo sợ. Nghĩ đến cảnh mồ xẻ, hóa trị rụng tóc, cơ thể suy yếu... là đã rầu. Tuy vậy, đến một

thời gian, tôi suy nghĩ hồi lâu là hết sợ. Cùng lắm là chết chứ gì. Bây giờ thời gian còn lại ba tháng, sáu tháng hay một năm cũng phải sống, cũng phải vui vẻ; buồn rầu được gì!

Thế là tôi vui vẻ bàn giao tài khoản ngân hàng, quỹ đen, quỹ đỏ giao vợ con hết. Vô cơ quan bàn giao công việc chính. Cơ quan cũng quan tâm sắp xếp cho làm công việc nhẹ nhàng trong thời gian điều trị, xem như có chỗ để đi ra đi vào, cho vui.

Lúc trước tôi nghe người ta nói: Mấy người thất tình, hay vỡ nợ như cái xác không hồn, lơ thơ, vất vưởng, ăn chẳng buồn ăn, uống chẳng buồn uống, đi trên mặt đất mà cảm thấy như ma bay chơi vơi trên hai chân mềm nhũn. Tôi ngẫm mình thì trái lại, xem mình như cái hồn không có xác. Không bận tâm những gì dính đến cái xác. Cái xác bệnh tật này mày muốn hành tao gì thì hành, muốn đau gì đau, muốn chết tao cũng chẳng màng. Bác sĩ dặn gì làm nấy, cắt phổi là cắt phổi cũng chẳng màng, chẳng buồn, uống thuốc cứ uống. Nói chung là từ bỏ cái thân thể yếu đuối bệnh tật này. Không bận tâm mảy may đến nó.

Vậy mà từ khi từ bỏ cái xác, sống chủ yếu phần hồn, thì thấy thanh thản. Hai năm rồi, sau khi cắt một phần lá phổi, mỗi tháng vẫn phải xuống bệnh viện thăm khám, uống thuốc theo phác đồ trị bệnh, thấy ngày càng khỏe ra.

Đã trở lại làm việc thấy hăng hơn ngày xưa; sống với gia đình, bà con chân tình hơn. Đáp lại có vẻ mọi người nghĩ thằng cha này gần chết rồi nên thương hơn, đối xử yêu thương hơn, bớt ganh ghét, bớt cạnh tranh... mà ta đã không cạnh tranh với họ, không bon chen làm gì họ ghét.

Bạn biết đánh bài không ăn tiền không? Tôi đang sống như đang tham gia cuộc đánh bài không ăn tiền. Thắng cũng vậy mà thua cũng không sao. Tự nhiên thấy sống cuộc sống có hồn mà không có xác, sung sướng gì đâu!

Nghe bạn kể mắc bệnh ung thư, chưa kịp tìm lời an ủi, bạn đã dạy tôi một bài học hay. Sống như một cái hồn không xác. Hồi đó giờ nghe người ta nói như cái xác mất hồn. Nay mới nghe có người nói ngược lại. Mà ngẫm lại chí lí.

* * *

Hai anh bạn tôi kể trên có số phận xem ra cũng buồn. Một không gia đình riêng, sống cô đơn trong tuổi già, một bệnh tật nan y, không biết ra đi lúc nào, nhưng họ đều vui sống, theo lý tưởng mà có lẽ họ chiêm nghiệm được. Họ và tôi đều là dân lơ tở mờ về triết học Phật giáo, nhưng tôi nghĩ họ đã chạm đến và hành động đúng về sự vô thường, vô ngã...

Riêng tôi tự nhiên suy nghĩ: Ủa! Sao phải đợi bệnh nặng, mới sống như cái hồn không xác, sống như kiểu đánh bài không ăn tiền, xem dục lạc cuộc sống như phù du. Bây giờ ta sống vậy luôn, cho nó khỏe! ■

Yêu nhau trong chợ

MẪU ĐƠN

L em biết người ta yêu nhau công khai. Ở đâu? Ở đâu cũng thế. Ngoài đường. Trường học. Ngay cả những nơi kín đáo. Còn vừa đông vừa không đông. Vừa trống trải không ai biết ai, nhưng cũng vừa là chỗ của bàn dân thiên hạ ngó nhìn. Trong chợ. Lem cũng muốn người ấy biết tình cảm của Lem. Rất rất



yêu. Làm thế nào. Lem không bán ở chợ. Lem cũng không nói được. Lem chỉ còn cách hát cải lương. Đứng trước gian hàng anh.

Không giống như người đàn ông thường đạp xe kem bật nhạc cải lương âm ỉ có gương mặt vô cảm; không giống một người ăn xin giơ nón cũng trên một chiếc xe có bật nhạc cải lương. Lem hát một mình, bằng một giọng điệu hay như trên ti-vi, mà gương mặt thì nhòa lẫn vào giữa chợ; thỉnh thoảng dòng người ủa vô, giãn ra, lòi ra gương mặt của Lem. Lem mặc quần đùi. Áo ôm. Tóc cột đỉnh. Hát. Giữa ngã tư là đồng rác của chợ. Lem đứng chân trần hát. Mùi mẩn cổ. Bi ai có. Lem hát khi bà bán cá thả con cá cái phịch xuống, trể môi. Lem hát khi người ta nâng lên nâng xuống một bó rau. Lem hát khi người thì nhích từng chút bằng xe đạp; người bóp còi bằng xe máy; kẻ nhăn nhó đưa bàn tay đã bao bịt kĩ càng đập đập vào yên xe người khác hối thúc bằng giọng của một kẻ bịt mặt, đeo kính. Lem hát giữa những chộn rộn... thêm chút..., năm ngàn... không..., mười ngàn... không..., bớt chút... không... Lem chẳng quan tâm gì cả. Vì bài hát đã đến độ cao trào. Lem hát lên một bài cũ. Và rồi đứng giữa dòng người xô đẩy. Không ai nói gì Lem. Cũng không ai làm gì Lem. Người Lem yêu cũng không ở đây. Khi Lem nhớ ra anh ấy không ở đây thì Lem đành phải về. Mà khi về, trời tối, người bắt đầu thưa. Đồng rác đã gần lẫn đến cả ngón chân đen thui của Lem. Vậy Lem còn đứng đây làm gì. Lem hát lên một lần nữa. Lưng thưng đi về.

Cùng một chuyến đi chợ; có người đi chợ hằng ngày, có người đi chợ hằng tuần. Có những người muốn đi chợ hằng ngày để luôn có thức ăn tươi ngon. Nhưng có người lại phải đi chợ hằng ngày vì không có sẵn tiền để sống tiếp ngày hôm sau. Chạy ăn từng bữa. Nhưng vì lý do gì đó, ngày nào cũng có không biết bao nhiêu người ở chợ.

Mọi người vẫn thường thấy Lem đi chợ. Để ngắm những người yêu nhau. Những người yêu nhau trong chợ mới thật là vui. Những người yêu hiền lành. Những người yêu bặm trợn. Yêu nhau ở chợ. Yêu nhau vì chợ. Yêu nhau thân tàn ma dại. Chợ muôn màu. Muôn lối. Muôn nẻo đường. Bà hướng dẫn cho Lem. Giải thích cho Lem. Bà xoa đầu Lem. Dắt Lem trong tay.

Người chồng hiền lành dạy võ buổi chiều, sáng ngồi gọt vỏ bí cho vợ, vợ dận dao bén coi chừng đứt tay. Người bán rau quanh năm phải ngồi trên sạp nên chiếc bụng cứ thế mà to lên khó cưỡng, mỗi lần muốn đi tiệc cưới phải chọn váy đầm size XXL. Người bán tạp hóa, mỗi khi có ai mua gạo thì quay mặt vô nhà nhắc chồng đi chở gạo; anh chồng ra vác bao gạo lên xe chạy đi êm ru. Ông chồng khác bụng bự đứng chờ bà vợ sai đi bỏ hàng, lúc chờ đứng nghe nhạc bolero. Đó là yêu vợ, yêu chợ. Lem gặt gặt.

Còn hàng quán, ăn uống thì quá nhiều loại. Người bán hàng *trưởng giả* thì bữa bán bữa nghỉ, bởi còn phải lo ăn chơi theo các ngày lễ, cận Tết thì tăng giá. Người bán hàng trưởng giả có cách bán nhả nhận, chỉ mắng nhân viên, không bao giờ khó chịu với khách hàng. Cần thận từng cọng bún, từng miếng thịt tái, nhắc người ăn đừng bỏ uống phí nước tái rất ngọt. Có lẽ vì đầu tư cách phục vụ nên người bán hàng cũng đầu tư vào đời sống của mình. Dăm ba hôm lễ lộc lại cùng con cái gia đình thăm thú nơi này nơi kia. Đó là yêu mình. Người bán hàng *bình dân*, đã bán trong chợ thì giá rẻ, chất lượng món ăn cũng phải nói là tùy theo trình độ thường thức. Người bán hàng lâu bền nhất thường là người chăm chỉ, bất kể lễ Tết, các ngày nghỉ, bền bỉ xuất hiện, cô ta xắn chiếc quần cao lên, cô ta khuấy đảo nồi nước lèo, và bịch hạt nêm, bịch muối, bịch tiêu... tất cả linh kính bày bừa ra cùng chén dĩa mắm muối. Vì lẽ thế, người mua phải đợi thật lâu. Đợi lâu để xem cô ta kết hợp các món như thế nào. Đợi lâu để còn ngồi nhìn nhau mà nói chuyện, đợi lâu để tạo cho nhau thêm thời gian, đợi lâu để biết bụng đói. Cô có một điểm đặc biệt là luôn để cho trẻ con ăn không hối thúc, dù chúng ăn rất lâu, rất rề rà và rất dơ. Không sao. Bà bảo với Lem rằng đó là nhân ái. Yêu mình rồi mới yêu người.

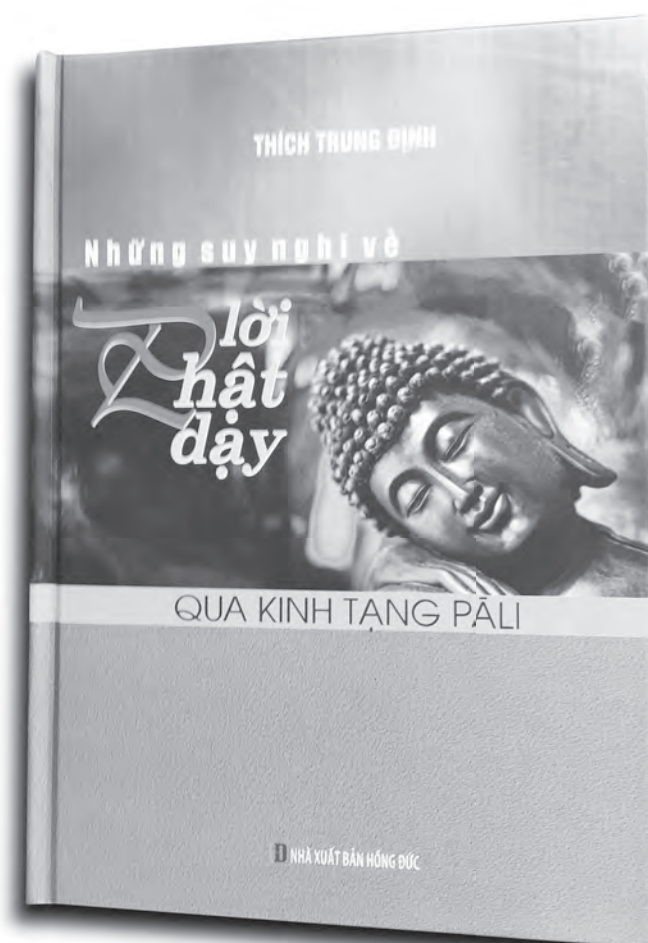
Bà chưa nói. Nhưng Lem biết. Người ta yêu nhau cũng có nhiều kiểu. Chửi nhau như quăng bó rau xuống sạp nếu không ưng. Như chờ nhau lấy cho xong món hàng dù trời nắng, người thì chen chúc. Dù làm màu với nhau như chọn cái này, chọn cái kia, xong hết tiền, không có một đồng trả, bị người bán nhả, nói, nhưng vẫn bán nợ. Dù trẻ con, mua rồi không mua, ưng thì mua hàng này, ghét thì mua hàng khác. Có biết ai là ai nhưng vẫn cứ vui vẻ; sao lâu không thấy bán... sao mấy nay không bán loại này, loại kia... Cười.

Không có bà. Lem đi chợ một mình. Hát. Gặp ai đang yêu nhau là Lem đứng ngây người nhìn. Nhìn tới khi nào hết thèm thì thôi. Không bà, không ai dắt Lem về. Hát xong thì tự về. Không thì bị người ta chửi thì mới về. Trong đó có anh - người Lem thích. Anh lớn tiếng. La ó. Chỉ thẳng tay vào mặt. Cười cợt. Hất tay những người kéo dắt, Lem tự về.

Bà nói Lem, lúc nhớ lúc quên, sướng. Sau này có yêu ai cũng không quá đau buồn. Nhưng đừng quên bà nhé. Lem cười cười hát hát. Sao có thể quên bà. Sao lại có ngày quên bà. Nắm tay bà chặt cứng. Hai bà cháu cùng về. Lem vẫn hỏi, bà ơi, tại sao người ta lại yêu nhau. Bà cười, để cho Lem của bà nhìn đấy. Để Lem vui đấy.

Sau này. Không còn bà, Lem vẫn cứ hát. Và nhìn người ta yêu nhau trong chợ. Lem hát. Đang hát, nhớ bà. Đứng khóc. Giữa một rừng người trong chợ. Không ai yêu Lem bằng bà. ■

Những suy nghĩ về lời Phật dạy qua Kinh tạng Pāli của Thích Trung Định



Lời giới thiệu

Hơn một năm qua, Đại đức Thích Trung Định là tác giả cộng tác thường xuyên của các bài viết đăng trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*. Thấy là chỗ thân tình của nhiều thành viên trong tòa soạn nhiều năm kể từ khi thầy xuất gia tu học với vị bổn sư là Hòa thượng Thích Quán Chơn tại chùa Từ Ân, Huế. Được bổn sư nâng đỡ, đường tu học của thầy khá êm xuôi: Sớm thọ đại giới, tốt nghiệp Cử nhân Phật học tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, Thạc sĩ tại Đại học Delhi, rồi Tiến sĩ Phật học tại Đại học Gautam Buddha, Ấn Độ.

Những suy nghĩ về lời Phật dạy qua Kinh tạng Pāli

là tác phẩm mới với mong mỗi được đóng góp vào văn học Phật giáo Việt Nam thời hiện đại. Tác phẩm gồm 30 bài viết, hầu hết đã được đăng trên tạp chí *Văn Hóa*

Phật Giáo và được đồng đạo độc giả tán thán. Nội dung tác phẩm là những giải thích, nhận định về Đức Phật, Phật pháp, về các phương cách tu tập, về các giáo lý căn bản của thiền định nguyên thủy... Các bài viết ngắn gọn, súc tích, chính xác, rõ ràng. Đặc biệt, toàn bộ tác phẩm còn toát lên sự cảm xúc chân thành, niềm kính mộ của tác giả đối với Đức Phật, Phật pháp và chư vị Cổ tôn túc.

Một điều tưởng cũng nên nhận định ở đây là Đại đức Thích Trung Định đã căn cứ vào kinh điển Pāli, cụ thể là các bộ Nikāya của Phật giáo Nguyên thủy để trích dẫn và diễn giải. Tôi nghĩ đây là căn bản cần thiết cho những ai nghiên cứu Phật học, nhất là trong việc nghiên cứu văn học Đại thừa. Bởi vì nếu không như thế thì các kiến giải về giáo lý Đại thừa có thể bị lệch lạc và có thể gây hiểu nhầm Phật giáo như là một tôn giáo thần khải...

Tác giả đã nêu nhận định chính xác trong Lời nói đầu của tập sách:

"Kinh tạng Pāli là những văn bản cổ xưa nhất về lời dạy của Đức Phật mà chúng ta có được. Đó là những gì gần gũi nhất với các bài giảng của Đức Phật lịch sử. Những lời dạy được tìm trong đó là đầu nguồn của tất cả những dòng chảy tiến hóa của giáo lý thực hành trong đạo Phật, qua nhiều thế kỷ. Vì lý do đó, những bài kinh Pāli tạo thành một di sản chung cho tất cả mọi truyền thống Phật giáo. Phật tử của tất cả các tông phái muốn hiểu được cội rễ của Phật giáo cần phải đặt ưu tiên trong việc nghiên cứu học tập các bản kinh này".

Quan điểm này không phải là mới lạ vì đã được rất nhiều nhà nghiên cứu Phật học thời cận đại và hiện đại nêu lên, nhưng việc khẳng định một lần nữa cũng rất cần thiết.

Tôi tin rằng với kiến thức Phật học, thiền học và công phu tu tập cộng thêm với khả năng Pāli ngữ, Anh ngữ và Hán ngữ của Đại đức Thích Trung Định có thể đảm bảo cho tính trung thực, chính xác của tác phẩm **"Những suy nghĩ về lời Phật dạy qua Kinh tạng Pāli"**. Do đó, tôi xin trân trọng giới thiệu tác phẩm giá trị này cùng chư độc giả.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Trần Tuấn Mẫn

(Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo)

Đi dọc dòng sông Phật giáo

TRẦN ĐỨC TUẤN

Sách *Đi dọc dòng sông Phật giáo* của Trần Đức Tuấn vừa được tái bản, *Văn Hóa Phật Giáo* xin trích Lời đầu sách để giới thiệu cùng độc giả.

Mê Kông (dài 4.880km) là con sông quốc tế bởi nó chảy qua lãnh thổ tới sáu nước là Trung Quốc, Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam.

Ý tưởng làm phim về Mê Kông đã được Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh (HTV) thai nghén từ lâu nhưng việc chuẩn bị mới bắt đầu từ năm 2000 bằng chuyến thăm dò đầu tiên trên đất Trung Hoa. Sở dĩ phải thăm dò vì hiểu rằng phần kỳ bí, hiểm trở, ngoạn mục khó tiếp cận nhất chính là đoạn đầu nguồn trên đất Trung Quốc, chiếm tới nửa chiều dài của dòng chảy. Mục đích thăm dò là tìm hiểu khả năng tiếp cận dòng sông, đặc biệt là về các mặt thủ tục hành chính, ngoại giao và đường sá.

Tôi có may mắn là người được tham gia trọn vẹn cả 15 chuyến đi được coi là "lịch sử" của đoàn làm phim. Đối với chúng tôi, đó là những hành trình có một không hai trong nghề, thậm chí trong cả cuộc đời, bởi được trực tiếp đặt chân hoặc tận mắt quan sát các miền đất kỳ lạ, nhiều cảnh tượng kỳ vĩ, không gian tráng lệ, những góc trời u tịch hẻo lánh, những đỉnh đèo lơ lửng trong mây, những đỉnh núi tuyết vĩnh cửu, những cửa ải biên thùy quanh vắng, kinh thành cổ kính, những thác ghềnh hiểm trở, những dòng sông thơ mộng nổi tiếng, kể cả sào huyệt của bọn thảo khấu giang hồ khét tiếng, những địa danh được nói đến trong nhiều áng thơ Đường bất hủ và trong các trang tiểu thuyết lung danh, những đền đài lăng tẩm vĩ đại, địa bàn cư trú của nhiều tộc người độc đáo, các sa mạc mênh mông, những thảo nguyên bất tận, cao nguyên trên nóc nhà thế giới... và trên tất cả là được hình dung phần nào diện mạo toàn cảnh của Mê Kông hùng vĩ.

15 chuyến đi dài ngày đã đem lại cho các thành viên đoàn làm phim biết bao cảm nhận, hiểu biết lạ kỳ, lý thú, nhiều kỷ niệm để đời, nhiều ấn tượng sâu đậm. Tuy nhiên, hạnh phúc lớn nhất chưa phải là những điều vừa kể mà chính là cơ hội được chia sẻ thông tin và cảm xúc tuyệt vời của mình với hàng triệu khán giả trong đó có tình yêu bao la đối với dòng sông vĩ đại.

Riêng Mê Kông, ngay từ khi còn chưa được tiếp cận, chúng tôi đã có cảm giác rằng đó là một tạo vật phi thường của tạo hóa, là một trong những dòng sông huyền bí nhất trên mặt địa cầu. Cảm giác đó cho đến tận bây giờ vẫn còn nguyên vẹn, thậm chí mạnh mẽ hơn. Dòng nước ra đi từ một cõi hư vô tuyết sơn vĩnh cửu và

chấm dứt hành trình ở một cõi hư vô khác, tức biến cả mênh mông. Cuộc trường hành gần 5.000km đó thực sự lạ lùng và kỳ bí, chủ yếu lặng lẽ âm thầm như chàng lãng tử rời khỏi chốn bồng lai, một mình lang bạt nơi hoang vu hẻo lánh, giữa núi rừng cổ quái hoặc thờ ơ lướt qua chốn phồn hoa đô hội ở giữa cõi trần.

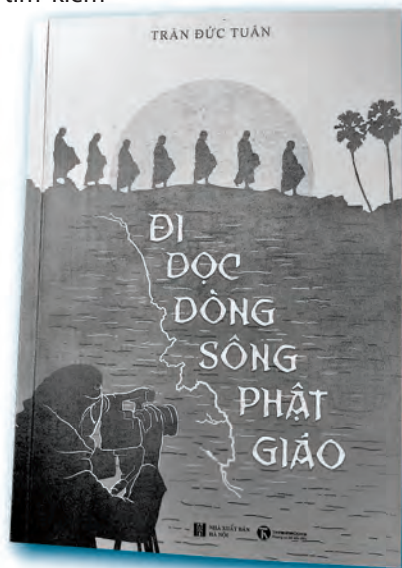
Đặc biệt, cả năm quốc gia mà dòng Mê Kông chảy qua đều là những xứ sở Phật giáo điển hình. Những nẻo đường mà chúng tôi đặt chân đều dày đặc những dấu tích của nền văn hóa Phật giáo, từ lịch sử cho tới kiến trúc, tín ngưỡng, nghệ thuật, truyền thuyết dân gian...

Cuốn sách nhỏ này không phải là bức tranh toàn cảnh, dù sơ sài, của dòng sông vĩ đại, mà chỉ là một vài góc nhìn thấp thoáng, dọc theo cuộc hành trình của đoàn làm phim thám hiểm tìm kiếm

dấu chân của chàng lữ khách Mê Kông phiêu lãng. Đó là một số ký sự ngắn trong số những bài đăng trên hai tờ tạp chí HTV và *Văn Hóa Phật Giáo* mà tôi viết rải rác sau mỗi chuyến đi làm phim về. Nội dung sách cũng không khái quát toàn bộ 15 chuyến đi; ví dụ, thiếu hẳn chuyến đi cực kỳ quan trọng năm 2003 xuyên suốt chiều dài Bắc Nam tỉnh Vân Nam Trung Quốc lần theo cả ngàn ki-lô mét Mê Kông hoặc thiếu đi gần như toàn bộ chuyến đi năm 2000. Hy vọng phần

kiếm khuyết này sẽ được bổ sung trong một ấn phẩm khác. Riêng về sông, ngoài việc tìm kiếm dòng chính Mê Kông cùng với một số chi lưu, phụ lưu tiêu biểu của nó ở cả trong và ngoài biên giới Việt Nam, sách còn đề cập tới một số cuộc tiếp cận thượng nguồn hai đại trường giang số một và số hai châu Á là Hoàng Hà và Dương Tử mà đoàn làm phim có may mắn lớn được tới thăm. Đó là những khoảnh khắc cực kỳ quý hiếm bởi chúng là những đoạn sông kỳ vĩ ở tận lưng trời, rất hẻo lánh, khuất nẻo, hoàn toàn xa lạ đối với các tuyến du lịch. Hai bài viết về thượng nguồn Hoàng Hà và Dương Tử (tức Trường Giang) sẽ phần nào giúp độc giả tham khảo và so sánh chúng với Mê Kông trên các nét tương đồng và dị biệt.

Chắc chắn sách còn có nhiều kiếm khuyết, chúng tôi xin được chỉ bảo và lượng thứ. ■



Thèm được mẹ ru

NGUYỄN CÔNG KHANH

Lớn rồi mà muốn còn thơ
 Nghe lời ru mẹ: Ầu ơ... ví dầu!
 Trái đời bao cuộc bể dâu
 Con giờ thành đạt mái đầu muối tiêu.
 Không quên kỷ ức sớm chiều
 Mẹ ru con ngủ còn nhiều việc lo
 Từ xưa cho đến bây giờ
 Lời ru từ mẫu thần thờ tìm tôi
 Mẹ nay mãi bỏ tôi rồi!
 Tôi như chết nửa phần đời về sau...

Tuổi học trò

CAO VĂN QUYỀN

Áo trắng ngang sân trường
 Làm xuyên xao mắt em
 Nỗi nhớ về dịu êm
 Tình khôi tuổi học trò

Những vắn thơ dang dở
 Trong học bàn năm xưa
 Ai còn đứng dưới mưa?
 Đợi hoài người chẳng đến

Cánh phượng hồng rơi rơi
 Mùa hè năm cuối cấp
 Khẽ ép vào trang vở
 Một nỗi nhớ mong người

Mùa nước mắt rung rung
 Chuyển tay nhau lưu bút
 Ngoài trời chim cứ hót
 Bài tiễn biệt chia xa

Trong nỗi nhớ trở ngong
 Em trở về hôm nay
 Bồi hồi sân trường cũ
 Xanh tươi thời thanh xuân!

Một nửa mùa xuân

BÁ ĐÔNG

Mùa xuân
 bước ra từ viên ngói đỏ
 Mang nỗi buồn như nín sắc hoa phai
 Lối mòn xưa cỏ chia hai màu nhớ
 Bóng người về trong sương khói bay bay

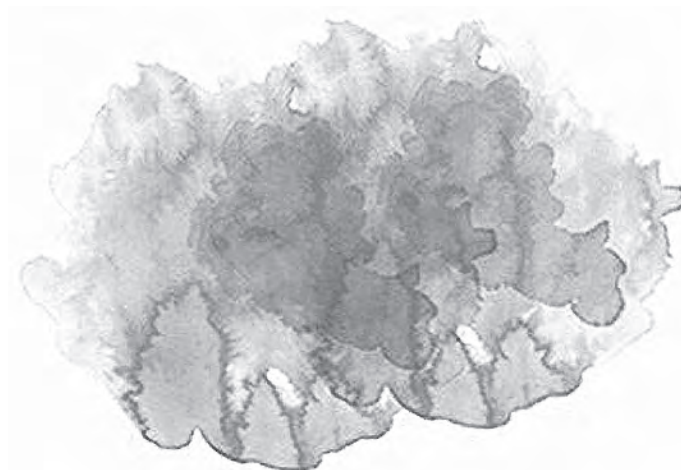
Chiều nặng gót, gió se lòng mắt đỏ
 Bàn tay nào ôm ký ức vuốt ve
 Đây là nắng
 Đây là hoa
 Đây là trời thương ngày cũ
 Rót vào lòng vun vén nửa mùa xa

Chưa kịp nín,
 tháng năm đi biệt
 Cánh hoa tàn đầu phải tại mùa xuân
 Theo cánh én mang hương đời lưu lạc
 Để lại chiều, nghiêng vạt nắng qua sông.

Phượng Hiên

NGUYỄN ĐẶNG THÙY TRANG

Mùa thi rồi cũng đã qua
 Vắng bóng học sinh, phượng buồn không phượng?
 Nhanh phượng vĩ dù cho đã ép giấy
 Nhưng mỗi tờ lòng thì vẫn thế, vẹn nguyên.
 Lòng học trò chẳng biết nói làm sao,
 Bỡ ngỡ, xót xa, chia tay màu hoa phượng.
 Cứ ngỡ rằng còn như ngày thơ bé,
 Cặp sách hồn nhiên với cơn gió dịu hiền.
 Đã xa rồi màu phượng đỏ triền miên,
 Và cũng đã xa màu mực tím,
 Xa cả thân thương cùng kỉ niệm,
 Ôm vào lòng bao nỗi nhớ trường xưa.
 Ở nơi ấy, cô học trò bé bỏng.
 Mái tóc dài bay theo gió thướt tha,
 Ở nơi ấy bao nỗi niềm chưa tả,
 Điều giấu thật sâu, trong tán lá: Phượng Hiên!



Bảng lảng chiều

KIM HOA

Chiều xô nắng ngã về tây
Ai xô ai?... đề tóc gầy pha sương
Chợ đời mua ghét bán thương
Ngoảnh con mắt ngó dặm trường trái ngang.

Trải qua lăm cuộc bể bàng
Câu thơ lạc vận vất ngang lưng trời
Theo về lối cũ mù khơi
Nhặt xưa tìm lại những lời nói yêu.

Đong đưa chiếc lá nghiêng chiều
Ngậm cà-phê đắng ngậm khêu lửa lòng
Cánh diều vi vút tầng không
Lời ru mẹ... mãi ấm nồng trong tôi!

Mẹ quê

PHAN THỊ NGỌC CHIỀU

Chân quê mẹ khoác lên mình
Còng lưng buổi chợ lặng thính thánh ngày
Đê chiều hun hút chân mây
Bước cao, bước thấp dáng gầy mẹ tôi

Dạt dờ bèo dạt mây trôi
Mẹ quê lắm lười quên rồi tháng năm
Ba chìm bảy nổi thăng trầm
Miếng cơm, manh áo, mưa dầm ướt vai

Ru con giấc ngủ canh dài
Đèn khuya in bóng bạc phai trắng mờ
Quốc kêu gọi bạn thương chờ
Sầu đêm vắng tiếng lặng lẽ gió đưa.

Tháng năm vẫn mãi say sưa
Bạc phai tóc mẹ hàng dừa ngã nghiêng
Cau xanh biêng biếc xuôi miền
Quê hương ôm mãi mẹ hiền chân quê.

Nhớ An Giang

NGUYỄN TỪ

Lâu quá không về thăm
Lòng những thương nhớ thăm
Quê An Giang yêu dấu
Hoài vọng mãi trong tâm.

Nhớ đường quê phố nhỏ
Bon bon chiếc xe lô
Đưa người, cùng chuyên chờ
Đường xa về nơi nơi

Buổi chiều dòng sông Hậu
Êm dịu cảnh hoàng hôn
Lục bình hoa tím tím
Lặng trôi về cuối thôn

An Giang mùa nước nổi
Dòng sông âm áp đầy
Ven bờ xanh cây lá
Nương gió về lất lay

Nước về mùa điên điên
Vàng rợp cả đôi bờ
Những chùm hoa be bé
Dâng tình cho ý thơ

Tháng Tư ngày lễ hội
Ngày rằm Phật đản sanh
Gần xa về chen lối
Niệm ân đấng Cha lành.

Còn nữa và còn nữa...
Quê tôi lắm về hay
Bây giờ và muôn thuở
Tình quê mãi dâng đầy!



Cầu nối

LÊ THỊ XUYỀN

Bà Năm ngồi bần thần bên tủ sách cũ, tay sờ soạng những cuốn sách đã ngả màu nằm im lìm trong ngăn tủ từ lâu. Bà rút ra một cuốn, giở lên rồi đặt xuống, tự nhủ với giọng như lạc đi:

- Giá như đôi mắt mình hãy còn sáng thì tốt biết mấy. Từ hai hốc mắt bà chậm chậm rỉ ra hai giọt nước đục

ngầu. Rồi bà ngồi im lặng. Căn phòng yên tĩnh đến mức có thể nghe được cả tiếng một xè gỗ. Bà chống gậy đứng dậy, mò mẫm, tay vịn vào cửa sổ hướng khuôn mặt về phía đầu ngõ, nơi một người bình thường có thể nhìn rõ thông thoáng ra ngoài mặt đường và người đi đường cũng có thể nhìn thấu vào nơi bà vẫn thường ngồi.

- Bà Năm ơi, sao bà ngồi buồn thế?

Long dừng lại trước cổng nhà bà Năm, đứng vịn song cửa nhìn vào hẻm.

- Có phải Long không cháu? Cháu lại đi bán vé số đấy à?

- Vâng, bà ạ!

- Bà đang nghĩ đến những cuốn sách cũ nằm đã lâu trong tủ sách. Bà muốn đọc lại chúng nhưng không thể. Bà thấy tiếc những cuốn sách quá...

Bà Năm hướng về nơi giọng Long phát ra, nói xong rồi hỏi tiếp:

- Khi còn đi học, cháu có thích những câu chuyện thầy cô kể không?

- Thích lắm bà ạ. Cháu rất thích đọc sách nữa. Chỉ có điều... cháu không có tiền để mua sách. Và giờ thì... cũng không có điều kiện để được nghe những câu chuyện trong sách thầy cô kể mỗi ngày nữa. Cháu phải đi bán vé số kiếm tiền nuôi ba.

- Cháu nghĩ thế nào nếu như mỗi ngày cháu bán cho bà một giờ?

- Một giờ ạ?

- Ừ, chỉ một giờ thôi. Tiền công cháu đi bán vé số một ngày là bao nhiêu?

- Ông chủ trả cho cháu 100.000 một ngày ạ.

- Bà sẽ trả cho cháu số tiền bằng một phần năm ngày công bán vé số của cháu, được không? Long đưa những ngón tay lên hình như tính toán gì đó, đôi mắt nó bỗng sáng lên.

- Chỉ một giờ đọc sách mà bà trả cho cháu những 20.000 đồng cơ à?

- Nếu cháu đồng ý thì...

Bà Năm chưa dứt lời, Long đã mỉm cười đáp:

- Cháu đồng ý bà ạ.

- Vậy bắt đầu từ ngày mai, được không?

- Dạ. Giờ thì chào bà, cháu phải đi bán tập vé số này cho kịp giờ đây!

Long chào bà Năm rồi quay bước đi. Trong khoảnh khắc vụt qua, nó nhận thấy khuôn mặt bà Năm mù giãn nở, đôi môi bà hé mở một nụ cười điềm đạm, hiền lành. Nó đoán hình như bà đang ấp ủ một điều gì đó rất vui.

Bà Năm ở một mình trong ngôi nhà đầu hẻm cũng đã gần năm năm. Con gái duy nhất của bà là cô Huyền lấy chồng mặt phở, làm nghề buôn bán nên bận bịu tối ngày. Hai đứa con của cô Huyền đang học đại học trong Sài Gòn, dịp hè hay lễ Tết mới về thăm nhà một, hai lần. Chú Nam, chồng cô Huyền thương mẹ vợ, nhiều lần bảo bà Năm ra phố ở chung nhưng bà không chịu. Bà cứ bảo ở nhà mình quen rồi. To nhỏ, xấu đẹp gì cũng vẫn tự do, tự tại.

Hơn 30 năm trong nghề giáo, bà đã cống hiến gần nửa đời mình cho sự nghiệp. Về hưu, những tưởng bà sẽ được an nhàn, được thanh thoi vui thú những điều mình thích. Ai ngờ... Ông Bằng, chồng bà đột ngột ra đi sau một cơn đột quỵ. Một thời gian, đôi mắt bà lại mờ dần rồi không còn nhìn thấy gì nữa. Đi khám, bác

sĩ bảo bà bị viêm màng bồ đào. Bệnh hiếm gặp, khó chữa. Bà khổ tâm lắm. Suốt thời gian đầu, bà lo lắng nghỉ ngơi, bỏ ăn, mất ngủ, người gầy rạc. Nhưng dần thế, bà cũng không muốn liên lụy đến con gái.

Bà ở một mình trong ngôi nhà cũ, ngôi nhà được ba mẹ chồng cho khi ông bà mới cưới. Bà tập làm quen với bóng tối, tập quen với những việc đơn giản như tự lên xuống, vào ra trong nhà ngoài cổng. Tự ăn, tự tắm giặt. Nói chung là những gì trong khả năng bà làm được thì bà cố gắng tự làm để không phiền đến con cái. Nhờ sự động viên của con cháu, bạn bè rồi học trò, bà cảm thấy tinh thần phần chần trở lại.

Về phần Long. Nhà Long vốn nghèo. Mẹ mất sớm. Anh Hưng, ba Long nằm liệt giường sau lần ngã giàn giáo khi làm phụ hồ cho công trình xây dựng trên huyện. Nội ngoại hai bên đều neo người, lại khó khăn nên ba con Long chẳng nhờ vả được ai. Từ khi ba nằm một chỗ, Long nghỉ học và xin đi bán vé số. Cuộc sống của hai ba con phụ thuộc vào số tiền thắng bé kiếm được nhờ bán vé số mỗi ngày. Mới 14 tuổi, cái tuổi đáng lẽ ra phải được ăn học, được vui chơi, vậy mà Long lại là chỗ dựa, là trụ cột cho người cha tàn phế. Nhưng Long là đứa con hiếu thảo. Chưa khi nào nó cảm thấy buồn khi phải nghỉ học, phải đi bán vé số nuôi ba. Trái lại, thằng bé còn thường xuyên động viên ba nó:

- Con sẽ cố gắng dành dụm tiền từ việc bán vé số để nuôi ba.

Nghe lời nó nói, ba nó chỉ biết rót nước mắt vì xúc động và vì thương nó.

- Bà ơi, sao bà có nhiều sách thế ạ? Long ngạc nhiên khi thấy những cuốn sách dày cộp được sắp xếp khá gọn gàng trong các ngăn tủ gỗ. Nó lí nhí đọc tiêu đề từng cuốn "*Giết con chim nhại*", "*Hai số phận*", "*Thép đã tôi thế đấy*", "*Trăm năm cô đơn*", "*Ông già và biển cả*".

- Bà đã mua nó thời còn học đại học, thời còn đi dạy. Những cuốn sách ấy, bà đã đọc qua một lần cả rồi nhưng vẫn muốn được đọc lại. Vì với những tác phẩm nổi tiếng, chúng không chỉ có giá trị vượt thời đại mà mỗi lần đọc lại, những ý nghĩa mới lại được khơi gợi ra như đọc lần đầu vậy.

- Vậy, hôm nay cháu sẽ bắt đầu với cuốn "*Giết con chim nhại*" của nhà văn Harper Lee nhé bà.

Long lật giở trang sách đầu tiên, thằng bé tăng hăng như để lấy giọng, dáng ngồi tỏ ra nghiêm túc. Còn bà Năm thì ngồi trên chiếc ghế gỗ như mọi ngày, lắng tai nghe và cảm nhận từng câu từng chữ thằng bé đọc. Một ngày một tiếng đều đặn từ 4 đến 5 giờ chiều. 10 trang, 20 trang, 30 trang... cứ thế... Chẳng bao lâu, cuốn tiểu thuyết đầu tiên cũng mỏng dần và đến những trang cuối cùng. Bà Năm lò mò lục trong túi áo mình ra tờ 100.000 đồng, miệng cười:

- Đây là số tiền công cho cuốn sách đầu tiên cháu đã đọc.

Bà Năm lần tìm đặt vào tay thằng bé nhưng nó từ chối:

- Cháu... không nhận tiền đâu bà ạ. Cháu đọc sách cho bà nghe nhưng cháu cũng được hiểu thêm, biết thêm về một cuốn sách hay. Vậy nên bà không phải trả tiền cho cháu đâu.

Nó vui vẻ chào và rồi vụt chạy thật nhanh sau khi đã cài cổng ngõ cẩn thận cho bà. Về đến nhà, Long đem chuyện đọc sách cho bà Năm kể lại cho ba nó nghe:

- Ba ơi, bà giáo Năm nhờ con đọc sách cho bà nghe mỗi ngày một tiếng. Bà còn trả tiền cho con nhưng con không lấy ba ạ.

- Bà giáo Năm bị mù tội nghiệp lắm. Hồi con còn nhỏ, hồi gia đình mình khó khăn, bà cũng nhiều lần giúp đỡ. Ba mang ơn bà ấy nhưng chẳng biết lấy gì trả ơn. Nhất là từ ngày nằm một chỗ, ba chưa có một lời hỏi thăm động viên bà ấy. Con sang ấy, nhớ chuyển lời hỏi thăm của ba đến bà ấy nhé. Rõ tội. Già cả, neo đơn mà lại phải chịu cảnh mù lòa.



- Bà Năm vui lắm mỗi khi nghe con đọc sách ba ạ. Bà còn giảng giải, giải thích cho con hiểu ra nhiều bài học hay qua mỗi tác phẩm nữa.

- Con hãy xem đó là may mắn với con. Giúp bà Năm đọc sách nhưng cũng là giúp con có cơ hội làm bạn với sách. Mà sách thì muôn đời là người bạn quý của con người, con ạ.

Anh Hưng kể về tuổi thơ của mình cho con nghe, về sở thích đọc sách từ những ngày còn thơ bé, về những tác phẩm anh đã từng được đọc, về ước mơ đang dở cũng vì nhà nghèo.

- Thế thì con sẽ kể lại những tác phẩm đã đọc bên bà Năm cho ba nghe nữa được không ba?

- Thế thì còn gì bằng. Nói rồi anh cố đưa bàn tay lên khẽ xoa đầu con và nở nụ cười thật tươi.

Suốt thời gian sau đó, mọi việc trở nên đều đặn. Ngày nào cũng vậy, nắng cũng như mưa, vừa đi bán vé số, vừa cơm nước, chăm sóc ba, Long vừa dành thời gian sang đọc sách cho bà Năm nghe. Về nhà, những đêm nằm bên ba, những khi rảnh rỗi, nó lại thủ thỉ kể lại cho ba nghe về những gì đã đọc được. Mỗi ngày với Long, với bà Năm và với cả ba của Long nữa càng có thêm ý nghĩa sống.

- Nhà có bưu phẩm nhé!

Tiếng bác đưa thư vọng vào từ đầu ngõ giữa buổi trưa ngập nắng. Long đi như chạy. Hình như bác đưa thư gọi nhầm địa chỉ thì phải. Lâu nay, có bao giờ nhà mình nhận được bưu phẩm gì. Mà bưu phẩm là gì nhỉ? Long ngẫm bụng.

- Cháu ghi tên mình vào đây! Đây... đây là quà của cháu.

- Dạ. Cháu cảm ơn bác.

Long đem gói bưu phẩm vào nhà, lại gần ba và mở ra xem. Hai ba con ngạc nhiên khi biết có ai đó đã gửi cuốn sách "*Harry Potter và hòn đá phù thủy*" về đúng địa chỉ nhà mình, lại là cuốn sách lâu nay Long hằng mơ ước.

- Đây là cuốn sách lâu nay con mơ ước có được. Ai đã gửi cho con ba nhỉ? Ai đã biết được điều con ấp ủ trong lòng. Hình như... ba ơi có lẽ nào...

Trong thoáng chốc, Long nghĩ ngay đến bà giáo Năm. Bởi sở thích này, Long chỉ nói với ba và bà Năm thôi. Thế rồi Long cầm trên tay cuốn sách và chạy một mạch sang nhà bà Năm.

- Bà ơi, có phải bà đã tặng cháu cuốn sách "*Harry Potter và hòn đá phù thủy*" này không ạ?

Thấy Long, cô Huyền, con gái bà Năm vui vẻ:

- Cảm ơn cháu vì tất cả, cậu bé!

- Cháu xứng đáng được nhận món quà ấy!

Bà Năm mỉm cười.

- Cháu cảm ơn bà. Cháu cảm ơn cô. Đây là món quà tuyệt vời nhất mà cháu được nhận.

Long áp cuốn sách vào trước ngực, trong lòng chỉ còn niềm vui sướng ngập tràn. ■

Kathmandu giữa lòng Hy-mã...

TRẦN ĐỨC TUẤN

Có hai khái niệm về Kathmandu. Thứ nhất, đó là thủ đô của Nepal; thứ hai, thung lũng Kathmandu, trong đó có thành phố thủ đô Kathmandu.

Thung lũng Kathmandu là nơi tập trung các giá trị tinh hoa của dân tộc và đất nước. Đó là một vùng đất hẹp, chỉ khoảng 1.200km², nằm lọt thỏm giữa miền hạ Hy-mã, ở độ cao gần 1.400 mét. Bao quanh thung lũng là vùng núi non trùng điệp cao ba bốn ngàn mét. Xuất xứ tên gọi của thung lũng là từ tên của thành phố thủ đô nằm trong thung lũng, còn tên của thành phố là lấy theo tên gọi của một cung điện xây vào thế kỷ thứ X. Từ cung điện này, người ta xây dựng thành phố bao quanh vào thế kỷ XIII. Độ cao địa hình gần bằng Đà Lạt, lại bị bao quanh bằng núi rừng Hy-mã-lạp, có độ cao vĩ tuyến trên dưới 30° Bắc nên khí hậu Kathmandu khá ôn hòa (từ 0°C tới 30°C). Nếu so với diện tích đất nước 147.181km² thì thung lũng này chỉ bằng khoảng 8%. Theo truyền thuyết về nguồn gốc địa lý thì xa xưa toàn bộ thung lũng là một hồ nước; sau nước rút hết, để lại một thung lũng phì nhiêu, tập trung nhiều cư dân, rồi mọc lên hàng loạt đô thị lớn nhỏ.

Trong thung lũng có nhiều thành phố lớn, tiêu biểu là thủ đô Kathmandu; các kinh đô của các tiểu quốc là Bhaktapur, Patan và một số đô thị khác, nổi bật là Lalitpur. Nhìn trên bản đồ ta thấy một cụm năm thành phố vừa kể trên xếp thành hình chòm sao Đại hùng mà người ta thường dùng để dò tìm sao Bắc cực. Đây là cụm đô thị phồn vinh nhất đất nước, tập trung các giá trị cao nhất về văn hóa, lịch sử, kinh tế, tôn giáo, chính trị; đặc biệt là các kiến trúc nguy nga đặc sắc như đền đài, cung điện, các hoàng thành, hoàng cung vô cùng lộng lẫy, đồ sộ. Riêng ba thành phố Kathmandu, Patan, Bhaktapur xưa kia cùng nằm trong vương quốc của một vị vua. Sau, nhà vua chia cho ba người con trai mỗi người một thành phố. Họ tranh giành nhau rồi phân thành ba vương quốc riêng biệt. Hiện, đây là ba cố đô tráng lệ thu hút khách du lịch nước ngoài tới thăm Nepal. Sự hấp dẫn đối với du khách xuất phát hàng đầu từ những cái tên: Hy-mã-lạp sơn, Everest, Kathmandu, Patan, Bhaktapur, Lalitpur, Gorka, Lumbini, Sagarmatha...

Một trong những phong cảnh thiên nhiên ngoạn mục là, từ các điểm trong thung lũng, bạn có thể nhìn rõ và chiêm ngưỡng các dãy núi tuyết trắng xóa cao ngất



Tháp Phật

và khá gần. Quan trọng nhất, Kathmandu lại nằm ở ngay ranh giới thượng và hạ Hy-mã, khá gần đỉnh Everest và những ngọn tuyết sơn lân cận xếp thành đỉnh cao mái nhà của Hy-mã-lạp sơn. Cụm đô thị lớn nhất cả nước này nối với nhau bằng các mạch giao thông đường xe hơi, các con đường đèo thơ mộng và cả mạng lưới đường hàng không (mặc dù chúng ở rất gần nhau). Từ nhiều khu du lịch ven thung lũng, ở các độ cao vài ba ngàn mét, ta có thể thả sức ngắm nhìn các dãy tuyết sơn cao bảy, tám ngàn mét không xa. Tất cả tạo nên một "cảm giác Hy-mã-lạp sơn" huyền bí, đầy ma lực.

Lịch sử Kathmandu là cái lõi, là xương sống của lịch sử đất nước. Phần sử cổ đại, cũng như lịch sử nhiều quốc gia khác, là một màn sương mờ ảo, dựa vào các truyền thuyết, thần thoại, tín ngưỡng dân gian và các giáo huấn, sự tích trong kinh Vệ-đà. Riêng cái hồ nước khổng lồ thì được khoa học xác định đã cạn để trở thành thung lũng từ hai trăm ngàn năm về trước. Các giai đoạn lịch sử trung đại, cận đại, hiện đại được ghi chép tốt hơn, cũng đồng thời là những thời kỳ phát triển vượt bậc, đi đôi với xung đột, chiến tranh, thôn tính lẫn nhau như nhiều quốc gia khác.

Có thể kể ra ba "kỷ nguyên vàng" của đất nước này:

- "Kỷ nguyên vàng" lần thứ nhất là vào khoảng năm 300 trước Tây lịch dưới triều đại Lichavi khi Phật giáo và Ấn giáo được thiết lập.

- "Kỷ nguyên vàng" lần thứ hai với sự ra đời của triều đại Malla từ năm 1200 đến thế kỷ thứ XV với sự xuất hiện ba thành phố chính của thung lũng là Kathmandu, Bhaktapur và Patan.



- “Kỷ nguyên vàng” lần thứ ba từ năm 1768 khi vua Shah của tiểu quốc Gorkha thôn tính toàn bộ thung lũng Kathmandu rồi mở rộng vương quốc từ Kashmir tới Sikkim.

Giai đoạn cận hiện đại bắt đầu từ năm 1814 “khi người Anh xâm lược”, tiếp theo là “vụ thảm sát Hoàng gia” năm 1848 do người tình của Hoàng hậu bị giết, và “sự phục hồi nền quân chủ” năm 1947, “thiết lập chế độ nghị viện” năm 1959, “phong trào Mao-ít” năm 1996 bắt chước cách mạng văn hóa của Trung Quốc gây rối loạn xã hội. Cuối cùng là “tấn thảm kịch hoàng gia” do Thái tử nổ súng giết nhiều người thân rồi tự sát.

Không có quốc gia dân tộc nào, trong suốt quá trình lịch sử, lại không long đong khổ khổ do tự mình gây ra hoặc do những kẻ mạnh tham lam ở bên ngoài. Đặc biệt, mong manh nhất là các dân tộc nhược tiểu - trong số đó, không ít kẻ đã trở thành vong quốc. Nepal là một trong những tiểu quốc từng trải phong trần, nạn nhân của thế cuộc. Sự sống sót, tồn tại của họ đa phần là do ý chí, sự kiên cường, khôn ngoan và cả may mắn. Người Nepal sống giản dị, chất phác, thật thà, an phận, dựa vào thánh thần, nên tạo được sự yên ổn nhất định trong tâm hồn và sự cảm mến từ các dân tộc khác. Ấn giáo và Phật giáo là những vũ khí linh nghiệm để họ chống chọi hiệu quả với cuộc đời, để tự an ủi, và để xây dựng nhân cách. Sự thông minh của họ không nằm ở thói ranh ma, mà là ở sự giác ngộ, là chấp nhận bình thường chứ không thể tầm thường. Phẩm chất cao quý rất bình dân của cư dân Hy-mã-lạp sơn toát lên vẻ trong sáng hồn nhiên, thậm chí ngây thơ, rất riêng biệt ở góc trời này. Bản chất con người quyết định một phần tính cách của họ. Đó là không thờ ơ trước cái thiện và cái ác. Thái độ đó đặc biệt tích cực ở lĩnh vực nghệ thuật. Nó được thể hiện rất thành công trong

văn học, tiêu biểu là hai sử thi *Mahabharata* và *Ramayana*. Riêng *Ramayana* được cho là một thiên tình sử huyền thoại diễm lệ đã từng bước lên sân khấu của nhiều quốc gia chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ giáo, trong đó có cả Việt Nam với vở diễn sân khấu “*Nàng Sita*” đặc sắc.

Thăm quê hương nàng Sita

Đó là thành phố Janakpur không thuộc vùng núi mà nằm ở một dải đồng bằng nhỏ hẹp chỉ cách biên giới Ấn Độ 16km về phía Đông nam Kathmandu. Từ thủ đô Janakpur gần hơn đi Lumbini (Lâm-tỳ-ni) và xa hơn đi Lukla. Chuyến bay này phải vượt qua dãy núi cao bao quanh thung lũng để tới đồng bằng lưu vực sông Hằng nên một lần nữa lại được chiêm ngưỡng núi non Hy-mã-lạp ngoạn mục từ trên cao. Mọi sự di chuyển rời khỏi thung lũng, dù bằng đường không hay đường bộ, đều phải vượt qua muôn trùng sơn cước hùng vĩ và hoa lệ. Chuyến bay kéo dài 30 phút, cũng loại phi cơ 16 chỗ. Lúc đầu là cảnh rừng núi hạ Hy-mã rất đẹp. Nhà cửa dân chúng thưa thớt trên các sườn, đỉnh. Sau đó, bay trên vùng đồng bằng bạt ngàn, qua hàng chục dòng sông lớn nhỏ, nước cạn, là chi nhánh của sông Hằng. Từ sân bay, chúng tôi di chuyển bằng xe lỏi vào trung tâm thành phố. Đây là một đô thị cổ, nơi sinh thành của nàng Sita. Có hai đền thờ; một là để kỷ niệm, tôn vinh nơi sinh của Sita; và một là để kỷ niệm đám cưới giữa Sita và Rama. Nàng công chúa được cả dân Ấn độ và Nepal coi như ruột thịt (như mẹ, như chị), coi như thần thánh gắn gũi thân yêu trong nhà. Tình cảm này hết sức đặc biệt, không như đối với các vị thần khác. Việc đầu tiên của đoàn phim là tới thăm đền thờ Rama, vị hoàng tử của tiểu quốc Ayodhya. Trên nóc cổng có hai bức tượng: Rama màu xanh và Sita màu vàng.

Janak là vua cha của Sita. Ngôi đền này là nơi Rama làm đám cưới với công chúa và chờ đợi nàng trở về, không chịu lấy vợ khác. Chàng là hoàng tử của một vương quốc vùng Lucknow. Sita bị con quỷ độc Ravena bắt cóc. Rama được tôn thờ như người anh hùng vĩ đại, đã cùng với em trai mình là Laxma (Lakshmana) dùng cảm kiên cường và người bạn tốt là vua khỉ Hanuman cứu được Sita trên đảo Tích Lan, giết chết tên quỷ dữ.

Thành phố có rất nhiều ao nước hình chữ nhật thay mặt cho sông Hằng làm nơi cầu nguyện của tín đồ không thể tới được con sông thần thánh. Đền Rama luôn có đồng đạo tu sĩ khổ hạnh Sadhu tới tụ tập. Janajpur có ba nơi thờ tự quan trọng nhất là đền Rama, đền Hanuman và đền Sita. Riêng nơi thờ thần Laxma (em trai của Rama) ta đã được thấy ở Rishikesh bên Ấn Độ.

Sân đền Rama có một cây kim cương lớn. Đền được xây năm 1882. Trong khuôn viên có miếu thờ thần Shiva cùng vài ba chục linga. Một giáo sĩ trong đền cho biết hàng năm tín đồ cúng dường vàng rất nhiều, đều được nộp cho nhà nước, chỉ dành lại một ít dất cho mái điện chính. Các ngôi đền Ấn giáo ở Nepal thường có tháp vuông hơi giống chùa. Mithila là tên vương quốc của vua cha Janak. Tên cha là Janak nên tên con là Janaki (tức danh hiệu vương gia của Sita). Từ thế kỷ thứ III trước Tây lịch, Mithila bị vương triều Maurya đánh chiếm khiến trường ca *Ramayana* bị lãng quên, đến thế kỷ thứ XVII mới được hồi sinh cùng với sự ra đời của dòng Ấn giáo mới là dòng Sita. Từ đó, thành phố trở thành một thánh địa quan trọng ngang với Haridwa bên Ấn Độ.

Riêng đền thờ Sita được thiết kế vừa giống một nhà thờ Hồi giáo, vừa giống một nhà thờ Công giáo. Người kiến trúc sư xây công trình này bị chặt tay như trường hợp ở đền Taj Mahal.

Mặt tiền đền Sita có hàng trăm ngôi tháp hình củ hành (trong đó có 12 tháp lớn) cùng với lá cờ đỏ vàng có tên thần Vishnu.

Trong sân đền đang có cuộc trình diễn sự tích nàng Sita do hai đứa trẻ đảm trách trong tiếng nhạc tiếng chuông và lời tụng ca theo kiểu điệp khúc. Đây là một nhóm du ca chuyên nghiệp đi khắp các vùng miền biểu diễn.

Đền còn có tên là Janaki, xây vào khoảng năm 1890, theo phong cách Mughal, thời gian xây dựng kéo dài suốt 14 năm với 12.000 công nhân làm việc suốt ngày. Cạnh đó có một đền nhỏ kỷ niệm nơi cưới của Sita, bốn ngôi miếu thờ bốn anh em của chồng nàng.

Chúng tôi trở về Kathmandu bằng xe, lộ trình kéo dài 11 giờ, cũng là một cuộc dạo chơi thú vị khám phá những con đường đèo tuyệt mỹ luôn sâu trong núi rừng hạ Hy-mã

Suy nghĩ về những con đường đèo

Một số con đường đèo ở Thanh Tạng và Hy-mã-lạp sơn mà chúng tôi đã từng trải tại Trung Quốc, Ấn Độ và

Nepal đều là những hình ảnh giàu cảm xúc. Chúng làm cho những chuyến di chuyển xuyên rừng núi bớt đi vẻ thâm u bất tận, trùng lặp về cảnh quan và hạn chế về tầm nhìn. Nhưng điều đáng nói đầu tiên là hầu hết chúng đều rất đẹp, thậm chí nhiều chỗ đẹp đến sững sốt, nhất là những con đường đèo được xây dựng công phu, với mặt đường phẳng lỳ, hai bên dày đặc tán cây rừng không chỉ ở vùng núi cao mái nhà thế giới này ta mới được chiêm ngưỡng đáng vẻ tuyệt vời của chúng mà ngay tại Việt Nam chúng đã luôn làm cho du khách say lòng. Tất nhiên, mục tiêu tối thượng của những con đường đèo không phải là để phô trương cái đẹp mà là, thậm chí chỉ là, để đi lại cho dễ dãi. Thượng đế sinh ra những dãy núi hùng vĩ để tô điểm cho trái đất và để làm nản lòng nhu cầu qua lại của con người. Và rồi ngài cũng không ngờ chính con người đã trang điểm cho nó lộng lẫy, xinh đẹp và đáng yêu hơn bằng giải pháp thật sự thông minh và thiên tài. Đặc biệt những con đường đèo ở Việt Nam đã không bao giờ gây cảm xúc nhàm chán dù ta qua lại biết bao lần nhưng luôn mong được tái ngộ, thậm chí đôi khi còn từng được trở lại trong mơ. Chúng thực sự đã trở thành các tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao hợp tác giữa con người và tạo hóa. Chúng là Prenn, Ngoạn Mục, là Sapa, Tam Đảo. Bạch Mã, Bà Nà, Pha Đin, Ô Quy Hồ, Mẫu Sơn... Và đặc biệt, những đèo Ngang, đèo Cả, đèo Hải Vân đều là những điệp khúc giao hòa không tưởng giữa núi non và biển cả.

Chúng không chỉ mê hoặc con người bằng vẻ đẹp quyến rũ mà còn là thử thách đối với những ai muốn thử thách lòng can đảm tột độ là như thế nào. Đó chính là ngọn đèo dốc ngược Camala ở sườn Bắc, cao 4.852 mét trên bờ hồ mây phủ Dương Trác Ung Thổ thuộc Tây Tạng, nằm ở phía Đông bắc so với Nepal. ■



Nàng Sita và Hoàng tử Rama



Miền đất tôi qua **Chiêu Lầu Thi** **nơi chín tầng trời**

TRẦN VỌNG ĐỨC

Chiêu Lầu Thi cùng với Tây Côn Lĩnh, đều thuộc huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang, là hai ngọn núi cao nhất vùng Đông Bắc Việt Nam. Chiêu Lầu Thi có nghĩa “Chín bậc thang”, nôm na là “Chín tầng trời”, hay là nơi cao ngất trời mây. Có gì ở Chiêu Lầu Thi mà thôi thúc tôi lần mò tìm đến, dù biết dặm trường rất gian nan?

Tôi đã nhiều lần đến vùng địa đầu đất nước Hà Giang nhưng đều bằng xe hơi. Mỗi lần đi trên những cung đường cheo leo trong mây, hai xúc cảm thường trỗi dậy. Trước hết, mình đã quá liều lĩnh khi phó thác tính mạng cho tay lái lạ mà không hề biết tay nghề, sức khỏe và tâm thần của họ. Thứ nữa, du lịch bằng xe hơi giống như “cưỡi ngựa xem hoa”, khó nhón nhờ, mỗi lần bắt gặp đường mòn heo hút khuất nẻo trời mây lại thêm được dẫn thân khám phá. Lên Chiêu Lầu Thi không thể đi bằng xe hơi, vậy là tôi thêm lý do để có một phen phượt bằng xe máy.

Từ Bến xe Mỹ Đình ở Hà Nội, bỏ 200 ngàn đồng mua vé giường nằm xe đò, vượt 300 cây số trong đêm, bốn

giờ sáng tôi đã có mặt tại thành phố Hà Giang. Nhà xe thả tôi xuống theo yêu cầu, ngay điểm cho thuê xe máy HH. Cửa sắt khép hờ, hai chú chó con thò đầu qua khe cửa, sủa lắt nhắt chiếu lệ. Chờ mãi không thấy ai tiếp đón, tôi bèn tự mở cửa vào nhà. Máy chiếc xe máy không khóa dựng trong sân. Không nỡ làm phiền gia chủ có lẽ đang ngon giấc, tôi đành ăn lót dạ hai trái chuối sứ trong rổ chuối đặt tênh hênh trên bàn nước, chắc trước sau gì cũng để mời khách và mò vào nhà vệ sinh tắm gội, đánh răng. Sẵn có mấy tấm nệm trải dọc căn phòng, liến ngả lưng chợp mắt.

Trời hửng sáng, cánh cửa phòng đối diện bật mở. Vợ chồng chủ nhà bước ra. Anh chồng ngáp không cần che miệng, nhìn về phía khách. Tôi nằm yên vờ say ngủ, mắt ti hí quan sát xem họ làm gì. Cảm tưởng như mình mới là chủ nhà. Chị vợ ý tứ tắt bớt đèn phòng ngoài để ánh sáng đỡ hắt vào trong, sợ ảnh hưởng tới giấc ngủ của kẻ lạ mặt... Nhà xe HH có hơn 60 xe gắn máy cho thuê, đều là xe số. Số lượng khách Tây đông hơn khách ta. Có điều Tây liều lĩnh hơn, bởi nhiều chàng nàng



được hướng dẫn học lái xe, kỹ năng vượt đèo dốc, chỉ trong vòng dăm mười phút là lên đường. Giá thuê xe 140 ngàn đồng một ngày, gồm cả bốn tấm bọc đầu gối và khuỷu tay, bản đồ du lịch, nước uống, tấm nghỉ. Thời cạnh tranh của kinh tế thị trường, khách hàng thoát thành thượng đế.

Nhờ ăn sáng, lên núi uống cà-phê và ngắm thành phố Hà Giang trải dài theo dòng Lô giang, mãi quá trưa, tôi mới vượt được hơn 100km theo Quốc lộ 2 và ĐT 177 để đến xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì. Đường dù liên tục đèo dốc ngoằn ngoèo nhưng không quá khó đi. Hồ Thầu là nơi có núi Chiêu Lầu Thi và còn nổi tiếng là xứ sở của chè shan tuyết. Máu thèm ngắm nghĩa, chụp ảnh vườn chè nổi lên, tôi bèn chặn một bà người dân tộc, hỏi thăm đường đi. Bà người dừng nhìn tôi bảo: *"Vườn chè shan tuyết thì mình biết chứ, nhưng trưa rồi, về nhà mình ăn cơm nhé?"*. Tôi kịp nhận lời ngay, dù chưa quá đói, mà do tò mò, muốn nghỉ chân. Tôi chạy xe theo bà trên con đường mòn dẫn vào một căn nhà gỗ trên sườn núi. Bà có tên là Bàn Mùi Viện, 55 tuổi, người Dao. Cô con gái tuổi trạc 25, cũng vừa đi

hái chè về, đã nhanh nhẹn đặt nổi cơm điện. Trong khi hai mẹ con chủ nhà và thêm cô bạn hàng xóm chuẩn bị bữa ăn, tôi tranh thủ đi vòng lên đồi phía sau nhà. Thật bất ngờ, có cả một vườn chè shan tuyết cổ thụ, chẳng cần phải điếu vớ kiếm tìm. Những cây chè cao ngang tầm người, thân mốc sần sùi, phủ rêu phong thời gian, mọc không theo hàng lối nào. Theo lời bà chủ nhà, shan tuyết là loại chè được trồng trong vườn nhà hoặc trên sườn núi. Nhiều cây là cổ thụ hàng trăm năm. Mỗi năm cây được chặt nhánh một lần để dễ nảy chồi và đặc biệt là không cần bón bất cứ loại phân nào. Đúng nghĩa là chè sạch. Bà Bàn Mùi Viện có gần 800 cây chè shan tuyết ở rải rác các điểm khác nhau. Trà shan tuyết tại đây không quá đắt như tôi nghĩ. Lá chè tươi chỉ mười ngàn đồng một ký, bán cho các cơ sở chế biến trong vùng. Mỗi ký trà khô, được làm từ ba ký chè tươi, giá cũng chỉ 75 ngàn đồng. Dọc đường vào xã Hồ Thầu, người ta phơi chè trên những tấm bạt trải ven đường, hứng đầy nắng gió và khói bụi. Pha trà này, dù ngon, chắc cũng có chút áy ngại khi uống.

Mâm cơm được dọn ra, đặt ngay trên nền đất. Rất nhiều đĩa và tô nhưng chỉ có một loại nguyên liệu là cải ngồng. Gồm: canh cải, dưa cải muối nhai phải nhả bã vì thân quá già, dưa cải nửa xào nửa canh, dưa cải thái nhỏ trộn với ba miếng xương gà, chắc sót lại từ bữa trước. Bữa ăn đậm bạc nhưng cuốn hút tôi bởi được nếm trải đúng bữa cơm đời thường, bởi sự chân thành của gia chủ. Cảm thông chính là gia vị đậm đà cho bữa ăn bất ngờ ấm áp tình người.

Đoạn đường từ trung tâm xã Hồ Thầu đến Chiêu Lầu Thi không có tên trên bản đồ, không quá dài nhưng cực kỳ nguy hiểm. Một bên vách đá dựng đứng và bên kia là vực sâu, không thấy đáy. Đường rộng chừng ba mét nhưng không có lối đi, chỉ toàn đá đủ kích cỡ chặn dọc, chắn ngang. Phải canh từng xăng-ti-mét để bánh xe lọt trúng vệt đường ít gồ ghề nhất. Lên dốc đã khó mà xuống dốc càng nguy hiểm hơn, vì bánh xe rất dễ bị trượt theo đất đá, trôi xuống vực. Có nhiều đoạn, phải dừng xe, đi bộ thám thính mặt đường hoặc chờ mây mù trôi đi. Từ thời cha sinh mẹ đẻ tới giờ, tôi chưa từng rơi vào tình huống đường xấu, nguy hiểm, dài và đơn độc đến vậy. Qua một khúc ngoặt trên sườn núi, điện thoại mất sóng, không biết độ dài đoạn đường còn lại. Ha ha. Lỡ rơi xuống vực, chẳng biết có ai tìm ra mình không? Tôi phải chạy tốc độ rùa bò, đua với kim phao xăng đang nhích về vạch đỏ, đua với chiều tà, với pháp phồng xe xẹp bánh, chết máy, với hoang vu không một bóng người. Có đoạn tưởng chừng không thể đi tiếp, đành quay đầu xe với ý định xin ngủ nhờ qua đêm trong nhà dân. Tìm đến được căn nhà gỗ nằm chia bên sườn núi, nhưng lại là chòi dành cho dê trú ngụ. Cả bầy dê quanh quẩn thanh nhàn dưới mái hiên, phân đen tròn như thuốc tể rải đầy mặt đất. Lúc này, nếu hóa thân được thành dê, chắc sướng!



Sau ba giờ lê lết, trời vừa sập tối thì tôi mò được tới “Điểm dừng chân chiêm ngưỡng cảnh đẹp Chiêu Lầu Thi”. Hú hồn. Cung đường gian truân chỉ 11km nhưng có lẽ phải dùng đại lượng khác để biểu thị. Có thể là: số đoạn đường chạy được hay phải dắt đẩy xe; những vệt đường chênh vênh mép vực; những khi lưng khùng nửa muốn đi, nửa muốn quay về; số lần trách thảm sao mà liêu lĩnh, đại đột... Điểm dừng chân thực ra là khu nhà lưu trú, cổng đóng, không khách, vắng lặng. Một phụ nữ người Dao, chị Triệu Mùi Pú, trạc tuổi 50 xuất hiện. Chị mở cổng và bảo tôi: “Ông chủ đi vắng rồi. Ăn tối và nghỉ ở đây nhé!”. Tất nhiên rồi, hỏi chi mà lạ!

Chị chủ nhà quay vào bếp, bốc một nhúm trà bỏ vào chảo, đặt lên bếp lửa và dùng những ngón tay

trần đảo trà, trông rất ái ngại bởi có thể bỏng tay. Đây là loại chè rừng hoang dã, còn gọi là trà tiên, rất hiếm. Lá chè mỏng, mềm, bóng, mặt trên màu tía, mặt dưới xanh nhạt, khi khô se vốn lại đen tuyền. Nước trà pha ra óng vàng, không chất đắng mà dịu thơm, ngọt hậu. Trà này mỗi ký loại rẻ nhất một triệu đồng, đắt nhất năm triệu đồng.

Uống xong chén trà tiên thơm mát, tôi trở ra sân và rất bất ngờ, bắt gặp bốn chú ngựa bạch đứng trước cổng, mặt hướng vào nhà. Đàn ngựa này có chuồng riêng nhưng chúng thích gần người. Chủ nhà lại sợ ngựa phá phách, thả bầy trong nhà nghỉ nên bắt chúng phải ở ngoài. Vậy là đàn ngựa kiên nhẫn đứng suốt đêm giữa trời, mặc sương mây, gió lạnh, mặc vắn vợ thương cảm của viễn khách.

Phát hiện có mấy chiếc thùng gỗ to trong nhà tắm, tôi được biết có dịch vụ tắm lá thuốc của người Dao. Một trăm ngàn một lần tắm, đại gì không thử. Chị chủ nhà vừa nhờ tôi khiêng phụ chiếc nồi đại dùng để nấu lá thuốc vừa than đau bụng. Không phải tiêu chảy mà đau âm ỉ lan rộng ra phía sườn. Tôi đưa chị mấy viên thuốc giảm đau, uống tạm... Những miếng thịt heo treo trên giàn bếp được kẹp vào vĩ sắt, gác quanh than hồng, củi là thân cây hoa đào khô, rất đượm lửa. Trời se lạnh, trằm mình ngồi trong bồn gỗ, mùi lá thuốc quyện cùng mùi thịt nướng thơm dịu, nôn nao.

Mâm cơm được dọn lên cũng vừa lúc một người đàn ông chạy xe máy xuất hiện. Đó là ông chủ nhà Triệu Chòi Phú, tuổi trạc 50, chính là chồng của chị Triệu Mùi Pú. Chúng tôi ngồi ăn chung trong khói cay nhòe mắt. Do vắng khách nên nhà nghỉ không chạy máy phát điện, chỉ có một bóng đèn rất nhỏ trong nhà bếp và một ổ cắm điện dùng cho sạc pin, được cấp nguồn từ một máy phát điện mini chạy bằng sức nước. Bữa ăn có rau, trứng, thịt, rượu và món nấm, mà theo anh Phú, rất ngon nhưng do thoáng mùi hoang dã nên tôi sợ, không dám đụng đũa, chắc gia chủ có chút phật lòng. Anh Phú đang là phó bí thư đảng ủy, trước đó từng là chủ tịch xã Hồ Thầu. Khu lưu trú này có thể đón khoảng 50 người, được dựng năm 2012. Năm ngoái, đã đón khoảng 800 du khách. Giá lưu trú qua đêm 80 ngàn đồng mỗi người. Trước khi chia tay về phòng nghỉ, anh Phú trao thêm cho tôi hai cây nến. Có chút ánh sáng sẽ dễ ngủ hơn giữa mệnh mông núi rừng hoang vu, không điện, không sóng điện thoại, không internet.

Chừng hai giờ sáng, đang chập chờn trong giấc ngủ, tôi nghe có tiếng gõ cửa phòng. Rồi dường như không để khách lo ngại, giọng anh Phú vang lên, bảo rằng phải đưa vợ đi cấp cứu vì đau bụng. Tôi đành tiễn vợ chồng chủ nhà xuống núi. Chị vợ tay ôm bụng, ngồi vệt vẹo sau xe gắn máy, trông rất thảm thương. Trước khi rồ ga phóng đi, anh Phú bảo tôi: “Dân đây lành lắm. Anh cứ yên tâm. Sáng sớm con gái tôi sẽ lên thay!”. Liệu có an tâm nổi không? Tôi vội vã quay trở vào phòng,

không dám nhìn lui vào màn đêm. Tiếng cóc nhái ộp ộp vọng lên từ phía hồ cá, chen vào là âm thanh cùng một cao độ, lê thê, căng thẳng, thảng thốt, không hiểu của quái vật nào. Cho tới giờ, khi đã ngồi ở nhà bình tâm viết những dòng này, mở ghi âm nghe lại, tôi vẫn không thể nhận ra tiếng của con vật nào.

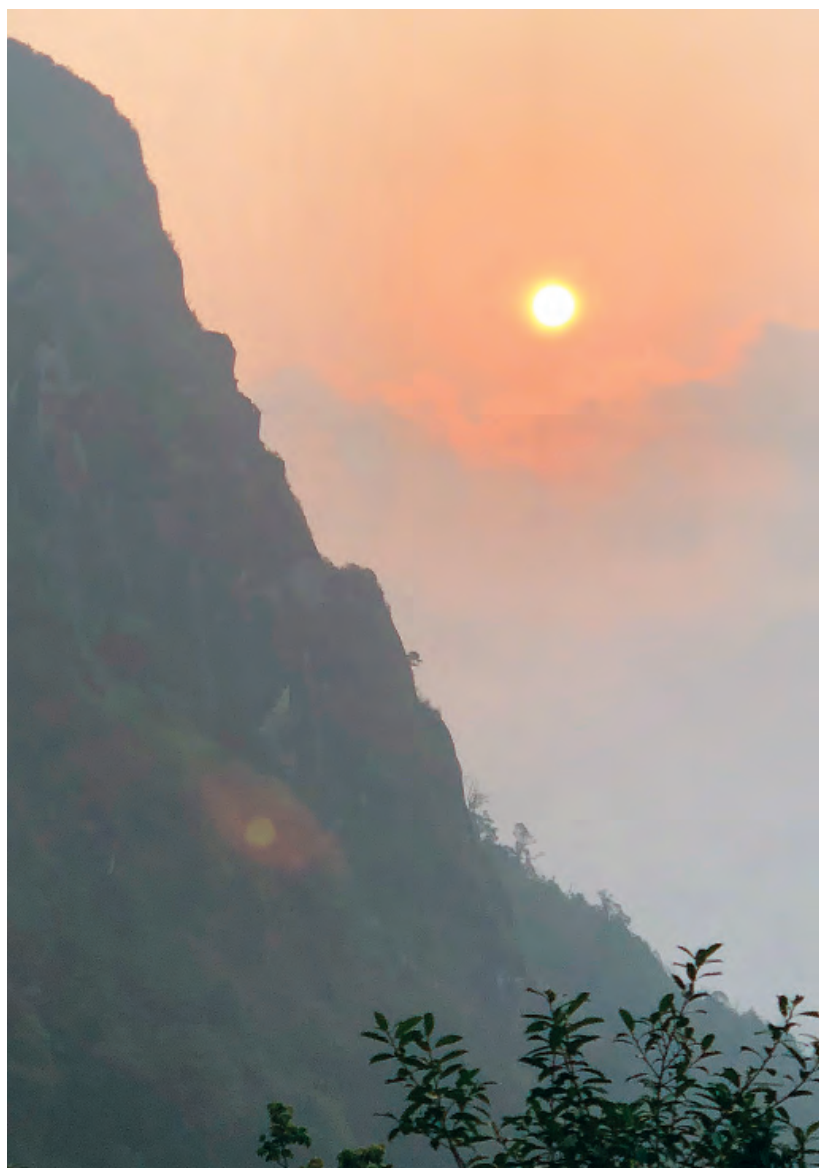
Chừng năm giờ sáng, trời vẫn còn tối, tôi lại nghe tiếng gõ cửa phòng. Rồi một giọng phụ nữ vọng vào: *"Em là con ông Triệu Chòi Phú, chủ nhà. Anh dậy đi. Đã tới giờ lên Chiêu Lầu Thi, để còn kịp ngắm mặt trời mọc!"*. Tôi rụt rè mở cửa. Ánh sáng chập chờn của ngọn nến đủ soi mặt một thiếu nữ má ửng hồng, tuổi ngoài 25, mái tóc dài chấm vai, vẻ e dè như đang lo ngại làm phiền lữ khách.

Tôi dắt xe ra cổng, cô gái cầm nến đi trước, chiếc váy xòe đong đưa, uyển chuyển theo nhịp bước của vóc dáng thanh mảnh. Dừng chân trước cổng, cô bảo tôi: *"Đường tốt hơn rồi. Đi chừng hai cây số, tới một khúc ngoặt, anh sẽ gặp hai căn nhà hoang bằng gỗ phía bên trái. Anh cứ để xe ở đó. Phía bên phải là đường lên Chiêu Lầu Thi"*. Tôi ậm ừ, chân bước mà lòng bỗng dưng dằng không muốn đi. Tạo hóa khéo bày cuộc chơi. Chiêu Lầu Thi có gì hấp dẫn?

Tôi dễ dàng tìm ra hai căn nhà hoang, bởi chẳng có căn nhà nào khác trên cung đường này. Để con gần máy thân thương ở lại, tôi bắt đầu thử thách mới, đó là cuộc bộ theo một lối mòn dẫn lên núi. Đi bộ tất nhiên dễ hơn đi xe máy, có điều mệt. Vượt chừng hai trăm mét, đường dễ đi hơn bởi bắt đầu có bậc bằng xi-măng. Lối đi ngoằn ngoèo theo vách núi. Không gian vắng lặng. Cây cỏ um tùm che tầm nhìn. Trên nhiều khối đá lớn rêu phong phủ xám mốc. Cũng rất nhanh, chân bắt đầu mỏi, mồ hôi túa ra dù nhiệt độ không quá cao. Cứ chừng trăm mét lại phải dừng bước, ngắm cảnh vu vơ để nghỉ ngơi và thở dốc. Ngược lên, đỉnh núi còn xa vời vợi.

Khi đã mệt lả thì tôi cũng lên được tới đỉnh núi, một bãi đất đá bằng phẳng như cái mâm, trống vóc. Tuy nhiên, không thấy khối chóp bằng inox xác nhận cao độ như tôi đã xem trên mạng trước khi đi. Nhìn ra xung quanh vẫn còn có những núi khác cao vượt trội. Thì ra đây chỉ là một chóp núi trên đường đi. Khá khen người mở đường, biết trên người những kẻ yếu sức, lười nhác, nóng vội. Đỉnh Chiêu Lầu Thi sừng sững, cao cỡ gấp ba lần chóp núi đáng ghét này. Muốn lên, lại phải đi xuống, băng qua thung lũng dài để bắt đầu lại cuộc leo. Thật trở trêu. Đã có lúc chợt lóe lên ý nghĩ, hay nghỉ ngơi rồi... quay trở lại, nhập nhèm xem đây chính là đích đến.

Cuối cùng, sau chừng hơn một giờ leo núi, tôi cũng mò lên được đúng đỉnh Chiêu Lầu Thi. Vẫn vợ nhận ra, Chiêu Lầu Thi không phải là điểm đến mà là đường đến. Thực ra, mỗi chuyến đi tôi đều tự nhủ đây là lần cuối cùng để có thêm động lực đến và sục sạo. Đúng là



trong cuộc đời, đã có nhiều nơi từng đến mà suốt hàng chục năm sau không một lần và không có cơ hội quay trở lại. Để rồi ngẩn ngơ, tiếc nuối, trách thâm, rằng sao lúc ấy mình quá lười nhác, yếu đuối, hững hờ.

Đỉnh núi là bãi đá trụi cỏ cây, rộng cỡ bãi đáp máy bay trực thăng. Một trụ chóp bằng inox có chiều cao 108cm, ba cạnh, mỗi cạnh dài 66,6 cm, mỗi mặt đều có khắc dòng chữ *"Chiêu Lầu Thi - 2.402m"*. Năm dựng trụ là 2016. Không có trụ mốc chắc càng hoang vắng. Từ vị trí này nhìn lên là trời, nhìn xuống là màu xanh điệp trùng của núi non và vực thẳm. Một vòng tay ôm trọn không gian. In hằn giữa màu xanh là uốn lượn màu trắng một cung đường, như sợi tơ trời vương rơi hạ giới. Cảnh sắc huyền ảo, chập chờn trôi trong mây giữa từng cơn gió gào. Chiêu Lầu Thi có gì giữa bình lặng, mong manh, buồn vui, vội vã, long đong? ■

** Ảnh của tác giả*



DU LỊCH HOA SEN



Liên hệ: 0904999571 - 0839017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)



Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM



Website: www.dulichhoasen.vn

1. Ấn Độ - Nepal (Nam Ấn - Mum Bai) 4 Sao

17N16Đ, Phật tử 1.450\$ - Tăng Ni 1.150\$

(Khởi hành: 10/08/2019 - 10/09/2019

- 01/10/2019 - 22/10/2019 - 11/11/2019 -

01/12/2019 - 25/12/2019)

2. Ấn Độ - Nepal (Tiểu Tây Tạng) 4 Sao

16N15Đ, Phật tử 1.200\$ - Tăng Ni 1.000\$

(Khởi hành: 08/09/2019 - 29/09/2019

- 20/10/2019 - 09/11/2019 - 29/11/2019 -

22/12/2019)

3. Ấn Độ - Nepal 14N13Đ (4 Sao)

Phật tử 1.350\$ - Tăng Ni 1.000\$

(Khởi hành: 21/2 - 10/3 - 02/4 - 29/06)

4. Ấn Độ (Bồ Đề Đạo Tràng)

Bay thẳng Charter,

7N6Đ, 27.900.000 VNĐ

9N8Đ, 29.900.000 VNĐ

(Chuyên làm tour Ấn Độ theo yêu cầu và vé máy bay)

5. Sri Lanka (Đất nước Tích Lan)

7N6Đ, 27.500.000 VNĐ

Cao cấp 4 Sao

Khởi hành hàng tháng

6. Myanmar - Yagon - Bago

5N4Đ, 11.900.000 VNĐ (Hàng tuần)

Khách sạn 3 - 4 Sao

7. Thái Lan - Bangkok - Pattaya

5N4Đ, 5.990.000 VNĐ (Hàng tuần)

8. Campuchia - Thái Lan

6N5Đ, 3.990.000 VNĐ (3 - 4 Sao)

Xe cao cấp (hàng tuần)

9. Cam - Thái - Lào - Myanmar

12N11Đ, 9.990.000 VNĐ (3 - 4 Sao)

Xe cao cấp (Hàng tháng)

10. Tứ Đại Phật Sơn (Trung Quốc)

12N11Đ, 38.500.000 VNĐ (Hàng tháng)

11. Singapore - Malaysia - Indonesia

6N5Đ, 10.690.000 VNĐ (Hàng tuần)

12. Singapore - Malaysia

6N5Đ, 9.990.000 VNĐ (Hàng tuần)

13. Đài Loan

5N4Đ, 10.500.000 VNĐ (Hàng tuần)

14. Hàn Quốc

5N4Đ, 13.990.000 VNĐ (Hàng tuần)

15. Nhật Bản

5N4Đ, 27.500.000 VNĐ (Hàng tuần)

16. Hongkong

4N3Đ 11.900.000 VNĐ (Hàng tháng)

17. Phượng Hoàng Cổ Trấn

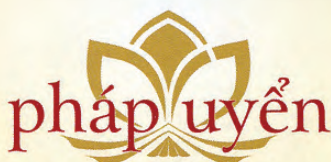
6N5Đ, 14.990.000 VNĐ (Hàng tuần)

18. Dubai

5N4Đ, 23.900.000 VNĐ (Hàng tháng)

19. Butan

7N6Đ, 46.900.000 VNĐ (Hàng tháng)

Đặc biệt**ƯU ĐÃI CHO CÁC CHÙA TỔ CHỨC ĐẠO TRÀNG - THIẾT KẾ TOUR THEO YÊU CẦU
CHUYÊN TỔ CHỨC SỰ KIỆN, VÉ BAY: MỸ, ÚC, CHÂU ÂU, CANADA...**

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

028. 35 035 579 - 028. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆQUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm

Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

KÍNH MỜI ĐẶT MUA Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO - NĂM 2019

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử và bạn đọc gần xa
hoan hỷ đặt mua tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - năm 2019.

+ Quý khách có thể chọn đặt mua:

- 12 số đầu năm: 365.000đ
- 12 số cuối năm: 365.000đ
- Trọn năm 2019: 720.000đ (ưu đãi: chiết khấu 5%)

+ Phương thức thanh toán:

Quý khách hoan hỷ trả tiền theo một trong những phương thức sau đây:

- Đóng trực tiếp tại tòa soạn - Ban Phát hành.
- Thanh toán tại địa chỉ độc giả đăng ký (chỉ áp dụng đối với quý độc giả lớn tuổi tại các quận nội thành TP.HCM).
- Thông qua đường bưu điện.
- Chuyển khoản: **Tài khoản Tạp chí VHPG. Số 0071001053555, Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh TP.HCM**

Quý khách hoan hỷ đăng ký với Ban Phát hành bằng điện thoại: (84-28) 3848 4335

Ban Phát hành - Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

SỐ 321

**Số đặc biệt mừng Đại lễ Phật đản
Phát hành ngày 15 - 5 - 2019**

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cô Trần Thị Trâm
Showroom Sách Thái Hà
119 C5 Tô Hiệu, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 0986644553

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Đặng Văn Hợp
Trung tâm Văn hóa Liễu Quán
15A Lê Lợi, TP.Huế
ĐT: 0905842219

ĐÀ NẴNG

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn,
chùa Long Sơn,
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 038 2552 374

LÂM ĐỒNG

Chị Nguyễn Thị Kim Cúc
Số 9 hẻm 2 Đồng Tâm, P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 0911442459

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

Trần Thị Linh Châu
PPH Chùa Linh Sơn
120 Nguyễn Văn Trỗi, P2, TP.Đà Lạt

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

TIỀN GIANG

Đại lý Mây Hồng,
57 Lý Thường Kiệt, TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 028 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong TP.HCM.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

MUA ỐNG NHỰA HOA SEN CÀO LIỀN TAY TRÚNG NGAY AIR BLADE

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

90 Air Blade



90 iPhone X



90.000

Thẻ cào điện thoại



TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG (*)

20 TỶ

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ



(028) 399.77897

(028) 399.77899

www.hoasengroup.vn

(*) TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG 20 TỶ ĐỒNG LÀ DÀNH CHO 2 CHƯƠNG TRÌNH:
Chương trình "MUA ỐNG NHỰA HOA SEN - CÀO LIỀN TAY TRÚNG NGAY AIR BLADE" - dành cho khách hàng là người tiêu dùng;
Chương trình "MUA ỐNG NHỰA HOA SEN - TRÚNG Ô TÔ CAMRY" - dành cho khách hàng là Nhà phân phối & Đại lý.
Các giải thưởng như trên nằm trong chương trình dành cho khách hàng là người tiêu dùng.

Hình ảnh giải thưởng mang tính minh họa



ỐNG NHỰA HOA SEN

Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



uPVC



PP-R



HDPE